

**PHẬT THUYẾT
VÔ LƯỢNG THỌ
KINH**

CHÁNH TRÍ MAI THỌ TRUYỀN

PHẬT THUYẾT VÔ LƯỢNG THỌ KINH

Khởi sự giảng tại chùa Xá Lợi, đêm Rằm tháng 8 năm
Canh Tý
(năm 5.10.1960)



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Biên soạn:

BAN PHẬT HỌC XÁ LỢI

- TK. Thích Đồng Bổn
- Cư sĩ Tống Hồ Cẩm
- Cư sĩ Lâm Hoàng Lộc
- Cư sĩ Trần Đức Hạ
- Cư sĩ Tô Văn Thiện
- Cư sĩ Trần Phi Hùng
- Cư sĩ Chính Trung





CHÁNH TRÍ MAI THỌ TRUYỀN
1905-1973



Lời dẫn

Đề tựa Kinh “Phật thuyết Đại A Di Đà” do ông hiệu tập, Vương Nhật Hưu () viết: “Trong Đại Tạng kinh, có trên 10 kinh gọi là A DI ĐÀ PHẬT TẾ ĐỘ CHÚNG SANH. Trong số có bốn kinh cùng một gốc mà ra, nhưng vì người dịch khác nhau, nên có bốn tên không đồng:

1.- VÔ LƯỢNG THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH (dịch giả: Nguyệt Chi Tam Tạng Chi Lô Gia Sám, đời Hậu Hán).

2.- VÔ LƯỢNG THỌ KINH (dịch giả: Khương Tăng Khải, đời Tào Ngụy) (2).

3.- A Di ĐÀ QUÁ ĐỘ NHÂN ĐẠO KINH (dịch giả: Nguyệt Chi, Chi Khiêm, đời Ngô).

4.- VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM KINH (dịch giả: Tây Thiên Tam Tạng Pháp Hiền, đời Tống).

Đại lược thì bốn kinh giống nhau, nhưng nội dung có chỗ sai khác”.

Chính vì những sai khác này mà Vương Nhựt Hưu ra công nghiên cứu, góp nhặt, so sánh mà viết lại bộ PHẬT THUYẾT ĐẠI A DI ĐÀ KINH nói trên.

Bộ này, thông tục gọi đại bản, còn kinh A Di Đà chúng ta trì tụng hằng ngày, gọi là tiểu bản.



PHẬT THUYẾT VÔ LƯỢNG THỌ KINH có nghĩa là: Kinh Vô Lượng Thọ do Phật nói.

Theo nguyên văn chữ Phạn, kinh có hai tên: **Sukhâvativyũha** và **Amitâbhavyũha**.

Amitâbha (Tàu phiên âm: A Di Đà), nghĩa là Vô lượng thọ (tuổi thọ không lường được, tức là vĩnh cửu: Eternel, Eternité)

Sukhâvâtĩ là An lạc hay Cực lạc (vui tốt bậc)

PHƯƠNG PHÁP TRÌNH BÀY

1.- So sánh những bản lưu thông (1 của Phật học Tùng thư Đoàn Trung Còn, 1 của chùa Tăng Thượng bên Nhật Bản) với bản của bộ Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh, thấy bản của Phật học Tùng thư của Đoàn Trung Còn sót nhiều câu, còn bản Tăng Thượng tự và Đại tạng y như nhau. Vậy sẽ theo bản Tăng Thượng tự mà dịch giảng.

2.- Nguyên văn, Kinh đi một mạch từ đầu đến cuối, không có chia ra chương, phẩm, phần. Những tiểu đề thấy trong các bản kể trên (trừ bản của Đại tạng) có lẽ là do nhà ấn hành tự ý thêm vào, vì vậy mà có chỗ sai khác nhau. Sẽ tùy trường hợp, hoặc giữ hay bỏ, hoặc sửa những tiểu đề ấy, để tránh sự chia chẻ quá lợm thợm.

3.- Trước khi giải chú một đoạn. Sẽ trình bày bản dịch ra Việt văn, và nếu cần, sẽ nêu những lối dịch khác, để thính giả, độc giả có đủ tài liệu so sánh và phê phán.

4.- Mục đích của cuộc giảng là giúp các bạn hiểu học thâm hiểu ý nghĩa của kinh. Vậy sẽ không đi sâu vào sự chú thích những “thuật ngữ” tức là danh từ chuyên môn của Phật học.

CHÁNH TRÍ kính khải

PHẬT THUYẾT VÔ LƯỢNG THỌ KINH



QUYỂN NHẤT

1. NƠI THUYẾT KINH VÀ THÀNH PHẦN PHÁP HỘI

Tôi nghe như vậy: Một lúc nọ, Phật ở tại thành Vương-xá, trong hang núi Kỳ – xà, cùng với các đại Tỳ – kheo, đông một vạn hai nghìn người, toàn là bậc Thánh đã đến chỗ thần thông. Đó là các Tôn giả Liễu – bản – tế, Chánh – nguyện, Chánh – Ngũ, Đại – Hiệu, Nhân – Hiền, Ly – cấu, Danh – Vãn, Thiện – Thực, Cụ – Túc, Ngũ – Vương, Ưu – lâu – tân-loa Ca – Diếp, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-Liên, Kiếp-tân-Na, Đại-Trụ, Đại-tịnh-Chí, Ma-ha Châu – Na, Mãn-nguyện-Tử, Ly-Chương, Lưu-Quán, Kiên-Phục, Diện-Vương, Dị-Thừa, Nhân-Tính, Gia-Lạc, Thiện-Lai, La-Vân, A-Nan... đều là bậc trên trước như thế cả.

Lại cũng có các Bồ-tát Đại-thừa như Phổ-Hiền, Diệu-Đức, Từ-Thị... toàn là những Bồ-tát của Hiền-kiếp. Lại có mười sáu Chánh-sĩ¹ Hiền-hộ² là các Bồ-tát Thiện-tư-Nghị, Tín-Huệ, Không-Vô, Thân-thông-Hoa, Quang-Anh, Huệ-Thượng, Trí-Chàng³, Tịch-Căn, Nguyễn-Huệ, Hương-Tượng, Bảo -Anh, Trung-Trú, Chế-Hành, Giải-Thoát. Tất cả đều tuân theo đức của Đại-sĩ Phổ-hiền đầy - đủ vô-lượng hạnh nguyện của các Bồ-tát, ở yên trong pháp của mọi công-đức, đi khắp mười-phương, hành phương-tiện truyền-giáo, vào kho Phật- pháp, cuối cùng đã đến bờ bên kia⁴. Trong không biết bao nhiêu thế-giới, hiện thành bậc Đẳng-giác⁵, ở cung Đâu-suất⁶, rộng bày Chánh-pháp. Rồi cung trời ấy, giáng thân vào thai mẹ, theo hông tay phải sanh ra, liền đi bảy bước, ánh sáng rực-rỡ chiếu khắp mười phương nước Phật không kể xiết. Đất chuyển sáu điệu. Cát tiếng tự xưng: “Trên đời, ta sẽ là bậc Tôn quý không ai bằng”. Đế-Thích, Phạm-Thiên phụng-hầu, trời, người quy ngưỡng, sanh ra là gồm thông toán học, văn chương, bắn tên, cưỡi ngựa, rộng tập đạo

1. Chánh sĩ Bồ-tát (còn Chánh sĩ chạc-cười sĩ).

2. Hiền hộ Bồ-tát tại gia.

3. Chàng: Thông gọi la-trang (nhờ trang phan).

4. Bờ bên kia: Bạngan, bô-già.

5. Nắng giã: Pha.

6. Núi suát: cung trời.

thuật, luyện suốt sử sách, sau vườn dạo chơi, giảng thí võ-nghệ. Ngay lúc sống chốn cung thâm, trong cảnh sắc đẹp mùi ngon, lại thấy cái già, cái bệnh, cái chết, tỉnh ngộ nhận thế-gian chẳng thường, bèn bỏ nước nhà, tiền của, ngôi báu vào núi học đạo; quần áo, vật cưỡi, ngựa bạch, gạch báu, chuỗi ngọc, đều khiến đem về; bỏ áo quý báu, mặc pháp phục¹, cắt bỏ râu tóc, ngồi ngay thẳng dưới cội cây, siêng-năng kham-khở sáu năm, đi trên con đường nên đi. Hiện ra trong đời có năm cái không sạch², xuôi theo quần-sanh mà chỉ cho thấy bụi nhơ. Tắm gội trong dòng sông Kim³, thiên-thần dè nhánh cây, vin lấy lên khỏi nước. Dưới cánh chim linh, đi đến Đạo-tràng⁴, cảm lòng đồng-tử Kiệt-Tường, để tỏ rõ nghiệp-phúc của đồng-tử, thương nhận mở cỏ đồng-tử cho, rải dưới cội cây Phật, rồi Ma xua họ-hàng đến áp-bức và thử-thách. Lấy sức trí chống lại, khiến Ma đầu hàng, được pháp mầu – nhiệm, thành bậc Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.

1. Pháp phục: Danh từ chung cho 3 áo ca sa.

2. Nguyên văn la Nguồ trồô: 1) kiếp trồô; 2) kiến trồô; 3) phiến nã trồô; 4) chùng sanh trồô; 5) mạng trồô.

3. Kim lêu: Giông sông Kim, từ sông Ni Liên, choãPhả xuống tận sau khi bồloá tu khoahnh.

4. Nã trang: Choãhnh nã, chãgoá cây Boãne choãPhả nhập ãnh thanh Chãnh giãu.

Phạm-Thiên, Đế-Thích cầu khuyển, thỉnh chuyển Pháp-luân¹. Theo phép đi của Phật mà đi, theo cách Phật rộng mà rộng, đánh trống Pháp, thổi loa Pháp, nổ sấm Pháp, loè chớp Pháp, trút mưa Pháp, thường dùng tiếng Pháp thức-tỉnh thế-gian. Ánh sáng soi cùng vô-lượng nước Phật. Tất cả thế giới đều bị rung-động sáu cách, luôn cả thế-giới loài Ma, làm cho cung điện của chúng bị lay-chuyển. Các ma đều hoảng sợ, không ma nào là không quy-phục. Xé rách lưới tà, tiêu-diệt mọi kiến-hoặc², làm tan mọi trần-lao³, phá lấp mọi hầm-dục⁴; nghiêm giữ thành pháp, mở rộng cửa pháp, rửa sạch như-nhớp, sáng-tỏ trắng trong, sáng thông Phật-pháp, tuyên-bố lưu-thông sự hóa-độ chánh chân. Vào nước khát-thực, được ăn đầy-đủ, chứa công-đức, chỉ phước điền; muốn tuyên Pháp, hiện vui cười, dùng những thuốc bổ Pháp, cứu lành ba khổ. Hiện-hiện ý đạo, công đức không lường. Thọ ký cho Bồ-tát thành Đẳng Chánh-giác. Hiện ra để chỉ pháp diệt

-
1. Chuyển pháp luân: Là chuyển năng hành xe Pháp. Còn nghĩa là truyền bá giáo pháp.
 2. Kiến hoặc: Những cái hiện biết sai lầm do ngộ ngộ mê loạn. Phải học chia còn hò kiến, tồu kiến, thập kiến.
 3. Trần lao: Mọi loá gọi phiền não.
 4. Hầm dục: Sành sỏi ham muốn, khao khát nhờ cái ham, cái hoả nèacon ngộ ngộ rồi vào rồi

chương độ khổ (diệt độ), cứu giúp vô cùng, tiêu-trừ mọi phiền-não, vun trồng cội đức, đầy-đủ công-đức, mâu-nhiệm khó lường. Đạo các nước Phật, khắp bày đạo giáo mà điều phải tu-hành, là trong sạch không nhơ. Tỷ như nhà hát thuật, làm chuyện lạ lùng, hóa trai, hoá gái, không gì không biến. Cái học căn-bản đã thông rõ, tùy ý mà làm. Các vị Bồ-tát (kể trên) cũng như vậy: học tất cả các pháp, xâu suốt, tóm gộp, chỗ ở thật an, không ai là không đặt vào đó để hoá độ. Khắp hiện ở các nước Phật nhiều vô số, nhưng chưa từng để tâm kiêu-mạn phóng-túng, thương-xót chúng-sanh. Các pháp như thế, tất cả đầy-đủ. Kinh-điển Bồ-tát, nghiên cứu đến chỗ bí-yếu mâu nhiệm, tiếng khen khắp cùng, diu dắt mười phương, chư Phật vô-lượng đều cùng hộ-niệm. Nơi Phật ở, đều đã được ở; nơi Đại-thánh đứng, đều đã được đứng; con đường khai hoá của Như-Lai, mỗi vị đều có khả-năng tuyên-bố. Vì các Bồ-tát làm bậc Đại-sư; lấy cái sáng sâu của sự tham-thiền, mở đường cho quần-chúng. Thông các pháp-tánh¹, đạt

1. Pháp tánh: Cương giới lạcThờ tồông, Chân nhö, Pháp giới, Niết bàn v.v... tuy khai tên những ñoàng thếạ Tành lạc ñoài ñeäu cái Thếạ cái không dôi ñoài, Chân nhö lạcTheạcủ muoàn pháp maocái tánh, duởtrong trồông hộp nhieãm hay tồnh, tãi loạ hõu tinh hay phi tinh, vaãn không bieãn ñoài. Bõu cõu ñoài Pháp tánh.

tướng chúng-sanh, rõ rớt các nước, cúng-dường chư Phật, hoá-hiện thân-hình, dường như chớp nhoáng. Khéo học lưới vô-úy¹, rành-rõ pháp huyền-hoá, xé rách lưới ma, cởi mọi ràng-buộc. Vượt lên địa vị Thanh-văn, Duyên-giác, được phép định “Không, Vô-tướng, Vô-nguyên”², khéo lập phương-tiện, chỉ rõ ba thừa, nơi hai thừa trung, hạ hiện ra diệt-độ, nhưng tự không thấy có làm gì, có được gì, không day không dứt, được pháp “bình đẳng”³, thành tựu đầy-đủ vô-lượng tổng-trì⁴, trăm ngàn chánh-định⁵. Các căn sáng-suốt, rộng khắp vắng-lặng, vào sâu trong kho pháp của Bồ-tát, được Chánh-định Hoa-

-
1. Lööü voâuü: Thấy leöchành, long héa sôï (voâuü), láy càü héa sôï ñoübao mình khoäng cho sôïtaoväy nhäp vaø.
 2. Khoäng, Voätööüng, Voänguyeñ tam muoä: Tam muoä hay Tam ma ñeà(samadhi) laøchành ñönh. Ñönh yùquäm saü, thấy càü pháp ñoüdo nhân duyeñ hoa hôp maø sanh, khoäng thaï còü khoäng còüminh, khoäng còücàü gì cùä mình, ñööü ñhö väy goï laøñööü “Khoäng tam muoä”. Lên möi töng nöä, thấy vãn vã tuy khau hình daüng, nhöng ñöng möi theä ñoülaøñööü “Voä tööüng tam muoä”. Ñäö khoäng thấy còü vã, läi héa meä veä tööüng, thì com mong muoä gì nöä: ñoülaøñööü “Voänguyeñ tam muoä”
 3. Bình ñaüng pháp: Chành giäu cùä Nhö Lai khoäng còücao thaü, saü cãñ, neñ goï laøpháp bình ñaüng.
 4. Toäng trì (Ñaöla ni hay dharani): càü añ chüüñeägiöösöï lamh khoäng cho maä, söï döökhoäng pháü lên.
 5. Chành ñönh: (xem chüüthích 3 öütreñ).

Nghiêm của Phật. Tuyên dương điển-thuyết tất cả kinh-diễn, ở cửa thâm định, thấy hết hiện-tại vô-lượng chư Phật. Trong một khoảnh-khắc tư-tưởng không đâu không đi cùng khắp. Cứu vớt nạn nguy, không lúc thông-thả. Phân – biệt chỉ rõ bờ-bến của sự Chân-thật, được trí biện-tài của Chư Như-Lai, vào tiếng nói của chúng-sanh, khai hoá cho hết thấy. Vượt qua các pháp “có” ở thế gian, tâm luôn trú vào đạo độ thế. Sống giữa vạn vật mà tùy ý tự-tại; vì các loài, làm người bạn chẳng đợi mời, công vác quần-sanh, vì chúng mà nặng gánh. Lãnh giữ kho pháp rất sâu của Như-Lai, che-chở Phật-tánh, thường khiến chẳng dứt. Dấy đại bi thương chúng-sanh, diễn lời từ, trao pháp-nhãn, lấp ba “thú”¹, mở cửa thiện. Lấy pháp không đợi cầu mà bố-thí cho dân chúng, như người con thuần hiếu thương cha kính mẹ. Đối với các chúng-sanh, coi như tự mình. Tất cả căn lành, đều đưa tới bờ bên kia. Ứng-hộ vô-lượng công-đức chư Phật, trí-huệ sáng-suốt vào bậc Thánh, không thể nghĩ bàn.

Những Bồ-tát Đại-sĩ như vậy, đếm không thể xiết, đồng một lúc đến dự hội.

1. Thuần Noãn ãuũlaøThuìhồôìng (tendenses), tồu laøxu hồôìng, Ba thuũnoãn ãaỹ laønhồôìng xu hồôìng ãiã nguũ, ngaiquã suũ sanh.

(trích tạp chí Từ Quang số 113-114, tr. 78-82, Sài Gòn tháng 6-7 năm 1961)



II. NGUYÊN NHÂN THUYẾT PHÁP

Lúc bấy giờ, Thế Tôn các căn¹ vui đẹp, dáng vẻ và nhan sắc trong sạch, mặt sáng ngời ngời. Tôn giả² A-Nan, vâng lời Phật dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo qua vai phía mặt, quỳ mọp, tay chấp bạch Phật: "Hôm nay Thế Tôn các căn vui đẹp, dáng vẻ và nhan sắc trong sạch, mặt sáng ngời ngời như mảnh gương lau, bóng lồng trong ngoài, uy dung rõ rệt, siêu tuyệt không lường, thật là một vẻ đẹp đặc biệt chưa từng thấy như hôm nay. Bạch Đại Thánh³! Lòng tôi nghĩ: Hôm nay đức Thế Tôn ở trong pháp lạ lùng đặc biệt; hôm nay đức Thế Hùng đứng nơi chỗ Phật đứng; hôm nay đức Thế Nhãn đi trên con đường của bậc Thầy dẫn đường; hôm nay đức Thế Anh đứng trên nẻo cao nhất; hôm nay đức Thế Tôn thực hành đức của Như Lai⁴. Chư Phật thời quá khứ,

1. Cầu cầu: Chầnaen cầu laomaé, tai, muỗ, miềng, chàu

2. Tôn giầu Phầi ngồ Arya. Danh tồtoàn xồg cầu và A-la-hầm laobaá trí ñồừ ñầy ñầuñầng toàn, ñầng kính (Vẻmềable).

3. Ñầi thầh: Tieáng toàn xồg ñồừ Phầi. Phầp ñồừ: Seigneur

4. ThầToàn: Ñồừ theágian toàn kính. ThầHung: Khoàng ai ôuthéa gian cồmoả tinh thầh hầng mầnh bàng. ThầNhầi: Con mầ

hiện tại và vị lai, cùng một lòng ghi nhớ nhau, thì được như hôm nay, phải chăng Thế Tôn đang nghĩ đến chư Phật? tại sao uy thần của Thế Tôn rực rỡ như vậy?"

Đến đây, Thế Tôn nói với A-Nan: "A-Nan! Có phải chư Thiên bảo người đến hỏi Phật không? Hay tự người dùng huệ kiến mà vấn Phật về uy thần?"

A-Nan bạch Phật: "Chư Thiên không có bảo tôi. Tại tôi thấy rồi hỏi Phật vậy".

Phật nói: "Tốt thay! Nay A-Nan, câu hỏi của người rất hay. Có phát trí huệ sâu xa, có biện tài chơn diệu¹, có thương nghĩ đến chúng sanh mới sáng hỏi nghĩa này. Như Lai lấy lòng đại bi vô tận thương xót ba cõi², cho nên mới hiện ra như thế, mở sáng đạo giáo, mong cứu đoàn mù, ơn ban cho cái lợi chơn thật, khó gặp khó tìm trong vô lượng ức kiếp, giống như hoa 'Linh thụy'³, lâu lắm mới trở một lần. Điều người hỏi hôm nay giúp ích rất nhiều vì sẽ khai hóa cho tất cả chư Thiên và người đời. A-Nan!

cuà theágian thay roõtaá câu TheáAnh: Ngõõõ tào naêng xuat
chùng cuà theágian.

1. Biệñ taá: Tao biệñ thuyet, giañ ñap.
2. Ba coõ: 1-Coõ Duõ giõu, 2- coõ Saé giõu, 3- coõ Voõsaé giõu
3. Linh thuy: Ñieñ linh. Añ chæhoa Oõ ñaõm, laâu laén môu nõu
moã lañ. Moã lañ nõulaõmoã ñieñ linh, baõu tin coùPhaã giañg
trañ.

Người nên biết: Như Lai là bậc giác ngộ chân chánh, trí của Như Lai không lường được, trí ấy dù dặt chế ngự rất nhiều người. Cái sáng thấy của Như Lai không bị gì ngăn ngại, không gì làm cho nó bị cấm dứt. Chỉ dùng sức của một bữa ăn¹, Như lai cũng có khả năng làm cho mạng sống kéo dài trong ức trăm ngàn kiếp, vô số, vô lượng. Còn hơn những gì người thấy hôm nay nữa: Các căn vui đẹp, không có hư tổn, tư sắc không biến, quang nhan không đổi. Tại sao được như thế? – Định huệ của Như Lai thông đạt vô cùng ở chỗ rất ráo, nơi tất cả các pháp mà được tự tại. A-Nan! Hãy nghe cho kỹ, nay ta vì người mà nói".

A-Nan bạch Phật: "Dạ, tôi xin chăm chú nghe".

III. SỰ TÍCH PHÁP TẠNG TỶ KHEO

Phật nói với A-Nan: "Trong quá khứ thật lâu xa không lường được không thể nghĩ bàn được, không biết cách đây bao lâu kiếp, có đức Đỉnh Quang Như Lai xuất thế, giáo hóa độ thoát không biết bao nhiêu chúng sanh. Các chúng sanh đắc đạo

1. Sờu của mỗ bỗ ân (nhòt xan chi lờ): phau chạng kinh muoán nòt ãn bỗ ân pháp vờ? Còu nghía laosau mỗ thòt pháp, Phau còu thealam cho chùng sanh trôuveañòt vòt ãn sóng của tâm linh.

rồi, Như Lai mới thủ diệt độ (nhập Niết bàn). Kế đó có những Như Lai danh gọi Quang Viễn, Nguyệt Quang, Chiên đàn Hương, Thiện sơn Vương, Tu di Thiên Quang, Tu Di Đẳng Diệu, Nguyệt Sắc, Chánh Niệm, Ly Cấu, Vô Trước, Long Thiên, Dạ Quang, An minh Đảnh, Bất động Địa. Lưu Ly Diệu Hoa, Lưu Ly Kim Sắc, Kim Tạng, Diễm Quang, Diễm Căng, Địa Động, Nguyệt Tượng, Nhứt Âm, Giải thoát Hoa, Trang Nghiêm Quang Minh, Hải Giác Thần Thông, Thủy Quang, Đại Hương, Ly Trần Cấu, Xả Yếm Ý, Bảo Diệm, Diệu Đảnh, Đồng Lập, Công Đức, Trí Huệ, Tế Nhứt Nguyệt Quang, Nhứt Nguyệt Lưu Ly Quang, Vô Thượng Lưu Ly Quang, Tối Thượng Thủ, Bồ Đề Hoa, Nguyệt Minh, Nhứt Quang, Hoa Sắc Vương, Thủy Nguyệt Quang, Trừ Si Minh, Đô Cái hạnh, Tịnh Tín, Thiện Túc, Uy Thần, Pháp Tuệ, Loan Âm, Sư Tử Âm, Long Âm, Xử Thế. Chư Phật như thế đều đã qua rồi.

Lúc bấy giờ, kế tiếp theo, có Phật Thế Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn ra đời. Thuở ấy có một nhà Vua, nghe Phật thuyết pháp, lòng đầy vui vẻ, bèn nảy ý tầm đường Vô thượng chánh chơn, bèn bỏ nước lìa ngôi, tu hạnh Sa môn, hiệu là Pháp Tạng, tài cao trí đồng,

vượt trên người đời. Pháp Tạng tới nơi đức Phật Thế Tự Tại Vương ngự, dập đầu dưới chân Phật, đi quanh Phật ba vòng theo phía tay mặt, quỳ mọp chấp tay, đọc bài kệ khen ngợi đức Phật như sau;

Sáng rực dung nhan
Uy thần hết mức
Như lửa ánh sáng
Không gì bằng được
Ánh sáng như nguyệt
Lóng lánh ma ni
Đều trở lu mờ
Như bỏ vào mực.
Dung nhan Như Lai
Trong đời không hai.
Tiếng đức Đại giác
Vang khắp mười phương.
Giới, văn, tinh tấn,
Đình lực, trí huệ,
Uy đức không bàn,
Hơn cả ít thấy.
Sâu xét khéo dò
Chư Phật biển Pháp

Tới chỗ sâu kín
 Rốt đến đây, bờ,
 Vô minh, tham, giận
 Thế Tôn không còn.
 Mạnh như sư tử
 Thần đức không lường
 Công hun rộng to
 Trí huệ sâu diệu
 Uy tướng sáng ngời
 Đại thiên¹ chấn động
 Tôi nguyện làm Phật
 Bằng đấng Pháp vương
 Đưa sông sanh tử
 Không ai không thoát,
 Bố thí, điều ý,
 Giới, nhẫn, tinh tấn,
 Chánh định như vậy,
 Trí huệ trên hết.
 Tôi thế đắc Phật
 Khắp hành nguyện ấy,

1. Nãi thiên: từ tam thiên nãi thiên (ba ngàn nãi thiên thiên giới, từ vũ trụ vô biên).

Tất cả lo sợ,
Làm cho ổn an
Giả sử có Phật
Trăm ngàn vạn đức,
Vô lượng Đại Thánh
Đông như Hằng sa;
Cúng dường tất cả
Chư Phật vừa nói,
Không bằng cầu đạo,
Một lòng cứng rắn.
Chư Phật thế giới
Và nhiều Hằng sa,
Đất Phật vô số
Không thể kể xiết,
Sáng soi tất cả
Khắp các nước ấy.
Tinh tấn như thế
Uy thần không lường.
Nay tôi thành Phật
Nước tôi hạng nhưt,
Dân chúng là mẫu,
Đạo tràng cao tuyệt

Nước như Nê-hườn¹
 Không nước nào bằng.
 Tôi sẽ thương xót
 Độ thoát tất cả
 Mười phương lai sanh
 Lòng vui thanh tịnh.
 Đã đến nước tôi
 Vui sống an nhàn
 Mười phương chư Phật
 Trí huệ vô ngại
 Thường khiến Phật này
 Biết rõ lòng tôi.
 Giả sử thân tôi
 Phải sa biển khổ
 Tôi luôn tinh tấn,
 Nhẫn chịu đến cùng
 Mà không hối tiếc.

Đức Phật (Thích Ca) nói với A-Nan: "Sau khi đọc xong bài tụng, Pháp tạng Tỳ khưu bạch với Đức Phật Thế Tự Tại Vương Như Lai rằng: Bạch Thế Tôn, tôi phát tâm cầu sự giác ngộ chơn chánh vô

1. Tồ Nêá Bàn

thượng, nguyện Phật thương tôi rộng nói kinh pháp. Tôi sẽ tu hành để thâu lấy Phật quốc, là cõi đất kỳ diệu vô lượng, do sự trong sạch xây đắp mà thành. Nguyện Phật làm cho tôi, lúc ở thế gian này, mau thành bậc Chánh giác, nhờ tận gốc mọi khổ não sanh tử". Đức Phật (Thích Ca) nói với A-Nan: "Lúc bấy giờ đức Phật Thế Tự Tại Vương nói với Pháp Tạng Tỳ khưu: "Đường lối tu hành để trang nghiêm nước Phật, tự nhà người sẽ biết". Pháp Tạng bạch Phật: "Nghĩa ấy rất sâu, không thuộc cảnh giới hiểu biết của tôi. Dạ xin Thế Tôn rộng ơn chỉ nói những hạnh làm cho nước sạch của chư Phật. Một khi tôi nghe xong, tôi sẽ theo lời Phật nói mà tu hành, để làm cho sở nguyện của tôi được thành tựu viên mãn. Liền khi ấy, Đức Phật Thế Tự Tại Vương biết Pháp Tạng là người cao minh, có một chí nguyện sâu rộng. Ngài bèn vì Pháp Tạng mà nói kinh rằng: Vì như người có người lấy đầu mà tát¹ biển cả, tuy trải bao kiếp số, vẫn cố công nên xuống được tận đáy mà lượm của báu, huống chi người chí tâm tinh tấn cầu Đạo không ngừng, kết quả sẽ gặp và nguyện gì lại không thành?"

1. Theo nguyên văn phật dịch la "lôông" chòukhoàng phật "tàu".
 Không nếu nói la "lôông" thì không có việc làm cho biển cạn
 nên này nên lấy của báu. Vì vậy xin dịch la "tàu".

Rồi đó, đức Phật Thế Tự Tại Vương liền thuyết cho Pháp tạng nghe điều lành, điều dữ của cõi Trời, cõi người, cảnh thô kịch, cảnh tinh diệu của hai trăm mười ức đất Phật. Tất cả những gì hợp với tâm nguyện của Pháp Tạng, đức Phật Thế Tự Tại Vương đều bày ra cho thấy hết.

Lúc bấy giờ, nghe Phật thuyết về các cõi nghiêm trang trong sạch, Tỳ khưu Pháp Tạng đều trông thấy hết. Tỳ khưu bèn phát nguyện cao đẹp nhất, tâm toàn trong sạch, chí không dính vướng vào đâu, trong tất cả thế gian, không ai sánh bằng. (Ấy vì trải qua năm kiếp đầy đủ, Pháp tạng đã suy giảm và thu thập những hạnh thanh tịnh để trang nghiêm đất Phật.

A-Nan bạch đức Phật Thích Ca Mâu Ni: "Đức Phật ở cõi thanh tịnh ấy sống đến chừng nào?"

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phán; "Thọ mạng của Đức Phật ấy lâu đến 42 kiếp"¹.

*(trích tạp chí Từ Quang số 115, tr. 40-46,
Sài Gòn tháng 8 năm 1961)*



1. Kiep: Nòi cho ñũulaøkiep ba, phiên âm của Phẩm danh laø Kalpa, yùnòi mõi thôø gian rái laài dài.

Trước khi tiếp học các đoạn sau, chúng tôi nghĩ nên tạm dừng ở đây để nêu ra một vài nhận xét mà chúng tôi cho là tối cần thiết cho sự **thâm hiểu** kinh điển Đại thừa, mà kinh Vô lượng thọ là một.

Theo nhiều học giả phương Tây, Đại thừa là phần siêu hình của Phật giáo, tức là phần mà chúng ta, Phật tử, quen gọi là "vô tướng". Đã là vô hình vô tướng thì không thể diễn đạt bằng lời nói, bằng văn tự được. Vì vậy, đức Phật cũng như các bậc Thánh nhân Đông, Tây, trong trường hợp đề cập đến những vấn đề siêu hình, thường dùng những "tỷ dụ" (paraboles). Những ngụ ngôn của La Fontaine, sách Nam Hoa Kinh của Trang Tử, nhiều lời dạy của đức J. Christ ghi lại trong sách Phúc Âm, đều là những "tỷ dụ" mà người đọc cần phải "nghiên cứu đến chỗ bí yếu nhiệm màu", tức là phải tìm hiểu cho thấu cái nghĩa ẩn sâu. Nếu không có cái nghĩa sâu cần phải moi tìm, có lẽ Phật trước khi thuyết pháp, không nhắc đi nhắc lại câu: "Đế thính, Đế thính!".

Đế là chân lý; thính là nghe. Vậy đế thính phải chăng là nghe cho đúng với cái lý chân chính, đừng nghe theo cái lý sai lạc mà chúng ta thường gọi nghĩa đen tức là nghĩa theo mặt chữ? Người học kinh Đại thừa mà không lưu tâm đến điểm này, khó tránh cái lỗi "chấp sự" và rất nhiều kinh Đại thừa, thậm chí kinh

Pháp Hoa, sẽ bị lầm xem như những câu chuyện dị đoan.

Vậy cái nghĩa trắng, cái nghĩa thâm huyền của Kinh Vô Lượng Thọ là thế nào? Chúng ta hãy lần lượt cố tìm.

Trước hết xin xét về tên kinh, trong đó ba chữ "Vô Lượng Thọ" đáng được chúng ta để ý. Nghĩa đen là "thọ mạng vô lượng – tuổi thọ hay mạng sống khôn lường. Nhưng mạng sống của ai?

Chúng ta không thể đáp là Phật A Di Đà, hay của Phật Vô Lượng Thọ¹. Đáp như thế chẳng khác nói: "Kinh của Phật (Thích Ca) nói về mạng sống khôn lường của Phật mạng sống khôn lường", thì ai còn hiểu gì được? Hướng chỉ kinh mang tên là "Phật thuyết Vô Lượng Thọ Kinh", chớ nào phải "Phật thuyết Vô Lượng Thọ **Phật** kinh".

Có người sẽ bẻ: tuy trong tên kinh không có chữ Phật, nhưng trong lòng kinh, có nói đến Phật Vô Lượng Thọ. Quả như thế, nhưng đã nói là "tỷ dụ" thì Phật Vô Lượng Thọ ở đây phải có một nghĩa trắng mà chúng ta cần tìm hiểu.

Theo chúng tôi, tên kinh chỉ có nghĩa: "Kinh Phật nói về mạng sống khôn lường". Sống khôn lường là

1. A-Di-Nã-la-phie-nhân âm taét của Pha-ĩm ngồo-Amitayua maonghóa laøVoalöông thoi

sống không biết đến đâu là cùng, là không chết, mà không chết là trường tồn, vĩnh cửu (éternel). Vấn đề của Phật đem ra thuyết là vấn đề của cái vĩnh cửu (le problème de l'Eternel).

Cái gì vĩnh cửu trường tồn? Nhất định không phải cái phần "sắc" (vật chất hay tướng) của vạn vật, mà là cái phần tâm linh (tinh thần hay thể).

Trong kinh Lăng Nghiêm có đoạn Phật hỏi một nhà vua: Lúc nhỏ Bệ hạ có thấy sông Hằng, bây giờ già, Bệ hạ cũng thấy sông Hằng, vậy cái "tánh thấy" (kiến tánh) của Bệ hạ trước sau có dời đổi không? – Nhà vua đáp: Không.

Đúng như vậy. Cái thân của nhà vua có thay đổi, khi nhỏ khác, lúc già khác, nhưng cái "tánh thấy". – cái khả năng thấy, cái gì ở trong nhà vua làm cho nhà vua thấy được sông Hằng – cái ấy trước sau như một. Vậy thân, phần xác thịt, là phần "**không vô lượng thọ**" vì có sanh, có đổi, có già, có chết, còn cái tánh thấy là phần "**vô lượng thọ**" vì nó thuộc về Tâm Tánh. Nói cho đúng, tánh thấy là Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Thọ là tánh thấy, và cả hai danh từ ấy đều chỉ cái mà Phật giáo Đại thừa gọi là Thể, là Tánh.

Để kết thúc đoạn này, chúng ta có thể giải thêm: Phật thuyết Vô Lượng Thọ kinh có nghĩa thâm diệu là: Kinh Phật nói về cái vĩnh cửu, tức là Tánh hay Phật tánh". Đến đây, câu "Tự tánh Di Đà" mà chúng ta

thường nghe nói đến, có lẽ đã được sáng nghĩa phần nào.



Tánh có một cho muôn loài, muôn vật trong vũ trụ nhưng ở loài vô tình như ngói, gạch thì gọi là Pháp tánh, còn ở loài hữu tình như súc vật, con người, thì gọi là Phật tánh.

Đứng về mặt Khoa học hay Triết học, tánh ấy chỉ Sự sống (la Vie) ở khắp cùng vũ trụ vô biên. Câu "Phật biến nhất thế xứ" (Phật ở khắp tất cả các nơi) có nghĩa là Sự sống ở khắp cùng (la Vie est partout, la Vie est universelle).

Tánh ấy, hay Sự sống ấy "**linh minh đồng triệt, tràm tịch thường hằng, phi trực, phi thanh, vô bối, vô hướng**" như Tổ Vân Thê nói trong bộ "Di Đà số sao". Dịch ra Việt văn, câu vừa nhắc lại có nghĩa: Tánh ấy linh thiêng, sáng suốt, rộng rang, thông suốt, trong trẻo, vắng lặng, còn hoài mãi mãi, chẳng phải nhớ, chẳng phải sạch, không trái, không mặt.

Vì linh thiêng, sáng suốt, rộng rang và thông suốt nên gọi là **Vô lượng quang (Amitabha)**, là ánh sáng khôn lường.

Vì trong trẻo, vắng lặng, còn hoài mãi nên gọi là **Vô lượng thọ (Amitayus)**, là Sự sống khôn lường.

Ánh sáng, ở đây không phải cái ánh sáng vật chất của mặt trời, mặt trăng, cửa đèn, cửa đóm, mà là Ánh sáng thiêng liêng (Lumière divine, spirituelle), là Ánh sáng Giác. Mà Phật là Giác, thì ngược lại Giác cũng là Phật. Do đây mà Vô lượng thọ được gọi là Phật, và Phật Vô lượng thọ có nghĩa là sự Sống Giác, sự Sống sáng suốt thiêng liêng khôn lường.

Ở người, nguồn sống ấy được gọi bằng nhiều tên như: Phật tánh, Tự tánh, Bản tâm, Bản giác, Chân trí, Chân thức, Chân như, Chân tâm Tùy cái "góc" mà chúng ta đứng nhìn nguồn sống ấy.

Nói Tánh ấy chẳng phải nhơ, là ý nói, dầu ở người độc ác, tội lỗi, nó vẫn trước sau trong trẻo, không hề bị bụi trần làm hoen ố.

Nói Tánh ấy chẳng phải sạch, là ý nói tuy không bị nhiễm nhơ, nó không rời một sự một vật nào, y như Triết học bây giờ nói: Tinh thần (tánh) không thể nào xa lìa vật chất (muôn sự muôn vật hay nhất thế pháp).

Vậy, Tự tánh của ta là nguồn sống ở ta, nó có hai đặc điểm: 1. là Vô lượng quang (sáng suốt khôn lường); 2. là Vô lượng thọ (thường còn mãi mãi).



Nguồn sống Ánh sáng ấy (Vie – Lumiere) chứa đựng tất cả các "pháp" (muôn sự muôn vật) trong vũ trụ. Nghĩa là thế giới hữu hình, hữu tướng đều bắt từ nguồn ấy mà sanh hóa, không có sự nào, vật nào có ngoài nó. Do đây mà có câu "nhất thế do Tâm tạo", vì Tâm cũng là Tánh, tên hai mà nghĩa không hai. Lại nữa, vì muôn sự muôn vật đều nằm trong nó, cho nên Tâm, Tánh cũng còn gọi là "Pháp Tạng" Cái kho tàng trữ tất cả các "pháp". Vậy nói Pháp Tạng là để tỷ dụ cho Tâm, Tánh, như chúng ta sẽ thấy khi tìm hiểu sâu "lịch sử" của Tỳ khưu Pháp Tạng.

Tỳ khưu nguyên là một Nhà Vua, "nghe Phật Thế Tự Tại Vương thuyết pháp, lòng đầy vui vẻ, nảy ý tìm đường Vô thượng Chánh chân, bèn bỏ nước lìa ngôi, tu hạnh Sa môn, hiệu là Pháp Tạng".

Nghe pháp mà vui thích đến bỏ cuộc đời vinh hoa phú quý (tượng trưng cho đời sống khoái lạc vật chất) để đổi lấy con đường tu hành kham khổ, phải là bậc tâm trí cao cả khác phàm, phải là "Vua" với các nghĩa xuất chúng.

Vậy nhà Vua không tên không tuổi, sống dưới thời Phật Thế Tự Tại Vương cách xa đây tít mù, và đã đi tu lấy hiệu là Pháp Tạng, chắc chắn không phải là một Nhà Vua có xương có thịt, một nhà Vua của Lịch

sử, mà là một tử dụ khác để chỉ Tâm, chỉ Tánh, là "Pháp Tạng" như trên đã giải.

Phật Thế Tự Tại Vương cũng là một tử dụ.

Giải từ chữ một, danh hiệu trên có nghĩa đen là: Ông Vua Tự Tại chốn thế gian. Về mặt nghĩa ẩn: (diệu nghĩa): danh hiệu ấy ngụ ý chỉ con người cao cả (Vương), tuy sống trong cảnh trần thế (thế) mà luôn luôn tự do, không bị một điều gì ràng buộc (tự tại). Con người ấy có thể là một anh khố rách áo manh, nhưng vẫn là vua, vì tâm hồn cao cả chớ không phải vì chiếc ngai vàng vật chất. Phải chăng, với tử dụ này, Phật muốn nói: có sống dưới sự hưởng thụ và cõi mở (dưới thời Phật Thế Tự Tại Vương), con người mới bỏ cái tên thế gian và đời sống trần tục, để trở về sống đời sống tâm linh (vie spirituelle). Bỏ thế gọi là đi tu.

Có thể có câu hỏi thắc mắc: Nếu Pháp Tạng không phải là một nhân vật tu thành Phật A Di Đà, mà Pháp Tạng là một tử dụ để chỉ Tâm, Tánh, thì Tâm, Tánh sao lại tu thành Phật được?

Xin thưa: Chân – Tâm, Phật Tánh, ai cũng có nhưng chúng sanh không sống theo sự sai khiến của Chân Tâm, của Phật Tánh (Tánh giác, Tánh sáng), mà sống theo vọng tâm hay Thức, theo phàm tánh (tánh Vô-minh, đen tối), cho nên Phật mới bảo "chúng sanh

bội giác hợp trần", đưa lưng cho ánh sáng nội tâm mà day mặt về ngoại cảnh đen tối.

Ánh sáng Tâm ấy có một quyền lực lạ lùng là tự soi, tự thấy. Nói "Minh tâm kiến tánh" là nói tự mình phải làm sáng Tâm mình để tự mình thấy Tánh mình. Nhưng mình là ai? Mình là Ta và Ta là Tâm, là Tánh. Người tự xét để biết lòng mình, để biết mình không phải thân "ngũ uẩn giả hợp", mà là Tánh thiêng liêng, sáng suốt, là Sự Sống giác Vô lượng thọ, người ấy đã "bội trần, hợp giác" – đưa lưng với trần thế đen tối mà day mặt về với ánh sáng nội tâm.

Xét lòng phàm để rửa sạch bụi nhơ là trở lại với cái Thanh tịnh là Chân tâm sẵn có nơi mình; không sống theo phàm Tánh, ắt phải sống theo Tự tánh, Phật tánh của mình. Trở lại và sống như thế gọi là thành Phật, một cái "thành" không có gì là "thành" vì bản nguyên mình là trong sạch, là sáng suốt (Phật: Giác). Cái áo sạch, lỡ tay ta đánh rơi xuống bùn, áo thành nhơ. Ta đem áo ra giặt, áo sạch trở lại, ta có cảm tưởng như vừa được một cái áo mới, hay áo cũ đã **thành** áo mới, nhưng nào ta có được gì đâu, bất quá ta làm cho cái nhơ bay đi, để cho áo trở về với trạng thái sạch sẽ trước kia của nó thôi.



Vậy chúng ta có thể hiểu mục đích của Phật khi thuyết kinh mệnh danh Vô lượng thọ, là:

1. Chỉ cho biết các phần bất sanh bất diệt, thường còn mãi mãi, sáng suốt vô cùng ở trong mỗi chúng sanh.

2. Phần đó, Phật gọi là Tâm, là Tánh hay Bản Tâm, Bản Tánh..., như đã nói ở phía trước.

3. Khuyên con người phải bỏ ngoại cảnh phú quý, tu sửa khất khe, giữ lòng toàn trong sạch, "chí không dính vướng vào đâu, suy gẫm và thu thập những hạnh thanh tịnh suốt năm kiếp, để tang nghiêm đất Phật" là Tâm mình.

Nhưng Phật không nói ngay như thế, Phật lại dùng "tỷ dụ", để cho chúng sanh ai nhận được cái nghĩa thâm huyền là lý, thì nhận, bằng không cứ theo mặt chữ là sự ma tính mà hành, đôi đàng đều được lợi ích.

Thuở bé chúng ta đọc bài ngụ ngôn "Con quạ và con chồn":

Con quạ đậu trên cây cao,
Mỏ ngâm bánh sữa tha đâu mới về.
Bất hơi chồn đến gần kê,
Muốn ăn bánh sữa, cà kê phỉnh rằng:

"Tiếng cù kêu tốt ai bằng..."

Quạ nghe lời phỉnh, há mồm kêu to, đánh rơi miếng bánh. Chú Chồn chụp ăn lại còn chê Quạ: 'Đây là giá một bài học cho bác nhé! Từ rày về sau, đừng nghe những lời đường mật nữa'.

Trò nhỏ nào không tin là Quạ và Chồn biết nói, nhưng khi lớn, còn trò nào giữ cái tin tưởng ấy? Vậy có hai thứ hiểu khác nhau, cái cao, cái thấp, nhưng diệu lý trong ngụ ngôn vẫn có một là đừng nghe lời phỉnh mà bị gạt.

Đối với bài ngụ ngôn Vô lượng thọ đây cũng thế. Hiểu Vô lượng thọ là Phật, hay hiểu Vô lượng thọ là Tâm, là Tánh, cái đích của Phật muốn dẫn đến, chỉ có một. Tin có Phật A Di Đà, có Tây phương Cực Lạc mà "nhất tâm niệm Phật", lập nhiều tịnh nghiệp, hay hiểu Phật A Di Đà là nguồn sáng nơi mình, Tây phương là tượng trưng cho cảnh giới của Tâm thanh tịnh mà cũng "nhất tâm niệm Phật", lập nhiều tịnh nghiệp, đôi đảng đều thu hoạch một kết quả an lạc như nhau, không bên nào hơn, bên nào kém. Đức Lục Tổ dạy: "**Người có hai hạng, pháp chẳng có hai thứ**" (Nhân hữu lưỡng chủng, pháp vô lưỡng hạng), vì vậy cho nên mới "**có mê ngộ khác nhau, hiểu mau hiểu chậm**" (mê ngộ hữu thù, kiến hữu trì tật).

Đã nói mục đích của kinh là khuyên con người bỏ ngoại cảnh, hướng về nội tâm, tu sửa khe khát... vậy muốn đạt đến sự thanh tịnh an lạc (vãng sanh Cực lạc quốc), con người phải biết muốn một cách quả quyết, muốn thật muốn, muốn cái chân, cái thiện, cái mỹ, chớ đừng muốn cái giả, cái bất thiện, cái xấu xa. Đây là nghĩa sâu của 48 lời nguyện mà chúng ta sẽ học tiếp trong bài tới.

*(trích tạp chí Từ Quang số 116, tr.93-45,
Sài Gòn tháng 9 năm 1961)*



IV. PHÁP TẠNG PHÁT NGUYỆN

Lúc bấy giờ, Tỳ khưu Pháp Tạng thâu lấy những hạnh thanh tịnh trong hai trăm mười ức cõi đất tinh đẹp của chư Phật, tu theo đó xong, bèn tới nơi đức Phật (Thế Tự Tại Vương), dập đầu hôn chân Phật, đi quanh Phật ba vòng, chắp tay đứng thẳng, bạch Phật: "Thế Tôn! Tôi đã thâu lấy xong những hạnh thanh tịnh dùng trang nghiêm cõi Phật".

Đức Phật Thế Tự Tại Vương nói với Pháp Tạng: "Nay nhà ngươi có thể nói (những hạnh ấy). Nên biết giờ này mà người nói ra là có thể làm đẹp lòng tất cả đại chúng. Hàng Bồ tát mà nghe người xong, tu hành pháp của người nói, sẽ nhân đó mà đến chỗ đầy đủ nguyện lớn vô lượng của mình".

Tỳ khưu Pháp Tạng bạch Phật: Kính xin Phật rũ lòng nghe xét cho, tôi sẽ trình đủ những sở nguyện của tôi:

1. Nếu lúc tôi được làm Phật mà trong nước tôi có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

2. Nếu lúc tôi được làm Phật mà trời, người trong nước tôi còn phải trải qua ba nẻo ác, sau khi tuổi thọ chấm dứt, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

3. Nếu lúc tôi được làm Phật mà trời, người trong nước tôi không đều được như vàng y, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

4. Nếu lúc tôi được làm Phật mà trời, người trong nước tôi hình sắc chẳng đồng, kẻ đẹp người xấu, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

5. Nếu lúc tôi được làm Phật mà trời, người trong nước tôi không đều được Túc mạng thông, cho đến mức biết việc của trăm ngàn ức na do tha kiếp¹, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

6. Nếu lúc tôi được làm Phật mà trời, người trong nước tôi chẳng có thần thông Thiên nhãn cho tới thấy được trăm ngàn ức na do tha cõi Phật, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

1. Na do tha: còuhoãcaṭṭhā, còuhoãcaṭṭhā vañ, còuhoãtrañ vañ, còuhoãgañ vañ. Toñ ãi; mả soảlòñ.

7. Nếu lúc tôi được làm Phật mà trời, người trong nước tôi chẳng được thần thông Thiên nhĩ cho đến nghe được trăm trăm ngàn na do tha lời Phật thuyết pháp và không đều lãnh giữ pháp ấy, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

8. Nếu lúc tôi được làm Phật mà trời, người trong nước tôi chẳng được thần thông Tha tâm trí, cho đến biết được trăm ngàn ức na do tha tâm niệm của chúng sanh trong các cõi Phật, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

9. Nếu lúc tôi được làm Phật mà trời, người trong nước tôi chẳng được Thần túc cho đến trong một niệm mà không vượt qua được trăm ngàn ức na do tha nước Phật, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

10. Nếu lúc tôi được làm Phật mà trời, người trong nước tôi còn những tư tưởng tham tính đến thân mình, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

11. Nếu lúc tôi được làm Phật mà trời, người trong nước tôi không trú trong Chánh định và đều được Niết bàn, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

12. Nếu lúc tôi được làm Phật mà ánh sáng của tôi có chừng mực, thậm chí không chiếu được trăm ngàn ức na do tha cõi Phật, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

13. Nếu lúc tôi được làm Phật mà thọ mạng của tôi có chừng mực, thậm chí chẳng dài đến trăm ngàn ức na do tha kiếp, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

14. Nếu lúc tôi được làm Phật mà bậc Thanh văn trong nước tôi có thể đếm được, thậm chí hạng chúng sanh thành Duyên giác trong trăm ngàn kiếp mà cũng biết được con số, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

15. Nếu lúc tôi được làm Phật thì, trừ trường hợp tự do phát nguyện rút ngắn, thọ mạng của trời, người trong nước tôi phải dài đến không thể hạn lượng được. Không như vậy, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

16. Nếu lúc tôi được làm Phật mà trời, người trong nước tôi còn nghe tiếng bất thiện, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

17. Nếu lúc tôi được làm Phật mà mười phương chúng sanh hết lòng tin vui, muốn sanh về nước tôi, nhưng đến mười niệm mà không sanh sang nơi ấy, trừ những người phạm năm tội lớn dèm pha Chánh pháp, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

18. Nếu lúc tôi được làm Phật mà mười phương thế giới chư Phật vô lượng không đều nức nở xưng danh tôi, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

19. Nếu lúc tôi được làm Phật, chúng sanh mười phương phát tâm Bồ đề, tu tập các công đức, hết lòng tin tưởng, nguyện sanh về nước tôi, mà khi giờ thọ mạng chấm dứt, chư Bồ tát không vây quanh và hiện ra trước những chúng sanh ấy, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

20. Nếu lúc tôi được làm Phật, chúng sanh mười phương nghe danh tôi, lại tưởng nghĩ tới nước tôi mà trông nhiều gốc đức, đến đem lòng hồi hướng¹ mong sanh về nước tôi, mà kết quả không toại lòng, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

21. Nếu lúc tôi được làm Phật mà trời, người trong nước tôi đều không thành trọn vẹn ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

22. Nếu lúc tôi được làm Phật, thì Bồ tát các cõi Phật phương khác, một khi sanh sang nước tôi,

1. Hoà hõômng: Hoà lạo hoà chuyẻn (lả trôulả). Hõômng lạo thuừ hõômng (nhẻn veà hõômng). Nẻm nhõmng cõng ãừ tởi mình tu ãừ, mả chuyẻn veà hõômng củ mình mong muỏn, nhõ the gỏi lạo hoà hõômng. Mong ãem thiẻn cẻn cõng ãừ củ mình mả cho keủ khẻu lạo hoà hõômng nỏi chừmng sanh. Nẻm cõng ãừ củ mình mả mong mình va ngỏo ãừ ãẻn nhõ ãừ mả thẻnh Phẻ quẻ lạo hoà hõômng nỏi Phẻ ãẻ.

cuối cùng sẽ đến chỗ "nhứt sanh bổ xứ"¹, trừ những vị có nguyện riêng, tự ý hóa sanh, vì chúng sanh mà đeo mang thệ nguyện lớn, chứa chất gốc đức, cứu vớt tất cả, đi các nước Phật, tu hạnh Bồ tát, cúng dường mười phương Như lai, khai hóa chúng sanh đông không cùng như cát sông Hằng, khiến những chúng sanh ấy đứng vào con đường chánh chơn vô thượng thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

23. Nếu lúc tôi được làm Phật, Bồ tát trong nước tôi, vâng theo thần lực ²của Phật, cúng dường chư Phật, mà trong khoảnh khắc một bữa ăn, không đi khắp được vô số vô lượng na do tha nước Phật, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

24. Nếu lúc tôi được làm Phật, thì Bồ tát trong nước tôi, tại nước chư Phật, để tỏ bày gốc đức của mình, phải được đem tất cả những gì mình cầu mong ra cúng dường chư Phật. Nếu các Bồ tát ấy không được như ý, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

25. Nếu lúc tôi được làm Phật, mà Bồ Tát trong nước tôi không kham diễn thuyết tất cả các trí, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

-
1. Nhứt sanh bổ xứ Baã Boàtã chà con tã sanh mỗ laãn, sanh veà coã naø seõ laãn Phaã coã aý.
 2. Thaãn löẽ; Sõu mañh thuoã veà thaãn linh tõu laø taãn linh (pouvoir spirituel).

26. Nếu lúc tôi được làm Phật, Bồ tát trong nước tôi không được thân Kim cang Na-la diên¹, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

27. Nếu lúc tôi được làm Phật, thì số trời người trong nước tôi và tất cả muôn loài được trang nghiêm, thanh tịnh, sáng đẹp, hình tướng rất đặc biệt, hết sức vi diệu, phải là con số không thể đo lường được.

Nếu phân biệt được tên họ và con số của những chúng sanh ấy, luôn cả những bậc được thiên nhân, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

28. Nếu lúc tôi được làm Phật, mà Bồ tát trong nước tôi cũng như các hàng ít đức không biết không thấy cây Đạo tràng, ánh sáng vô lượng và cao bốn trăm vạn lý, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

29. Nếu lúc tôi được làm Phật, Bồ tát trong nước tôi, dù đã lãnh học kinh Pháp, ngâm tụng, nắm giữ và diễn thuyết, mà không được trí huệ biện tài, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

1. Thân Kim cang Na la diên: Thân kiên cóanhô kim cang vaø mãnh meõnhô thaàn Na la dieân, àm chà phap nhaân (corps spiriuel).

30. Nếu lúc tôi được làm Phật, mà trí huệ biện tài của Bồ tát trong nước tôi lại bị hạn lượng, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

31. Nếu lúc tôi được làm Phật, nước tôi phải trong sạch cho đến chiếu thấy mười phương vô số vô lượng thế giới chư Phật, giống như mảnh gương trong rọi rõ mặt mày, hình thức. Nếu không được như vậy, tôi không giữ ngôi chánh giác.

32. Nếu lúc tôi được làm Phật, thì từ đất trở lên cho tới hư không, cung điện, lầu quán, ao sông hoa cây, cũng như vạn vật có trong nước tôi, đều là vô lượng của báu cùng với trăm ngàn mùi thơm hợp thành ấy xông khắp 10 phương thế giới; Bồ tát (ở các thế giới ấy), hẳn biết được mùi thơm ấy là tu mọi hạnh Phật. Nếu không được như vậy, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

33. Nếu lúc tôi được làm Phật, các loại chúng sanh trong những thế giới nhiều vô lượng và không thể nghĩ bàn của 10 phương chư Phật, hẳn ánh sáng của tôi chạm đến thân họ, thì thân họ đều mềm dẻo, hơn thân tâm của trời, người. Không được như vậy, tôi không giữ ngôi chánh giác.

34. Nếu lúc tôi được làm Phật, các loại chúng sanh trong những thế giới nhiều vô lượng và không thể nghĩ bàn của 10 phương chư Phật, nghe tên tôi

rồi mà không được "Vô sanh Pháp nhẫn"¹ và các "Đà la ni"² của Bồ tát, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

35. Nếu lúc tôi được làm Phật, những người nữ trong những thế giới nhiều vô lượng và không thể nghĩ bàn của 10 phương chư Phật, nghe tên tôi, vui mừng tin tưởng, phát tâm bồ đề, nhằm ghét thân nữ, mà sau khi tuổi thọ chấm dứt, còn trở lại với hình tượng nữ nhân, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

36. Nếu lúc tôi được làm Phật, Bồ tát trong những thế giới nhiều vô lượng và không thể nghĩ bàn 10 phương chư Phật, hễ nghe danh hiệu tôi rồi, thì sau khi tuổi thọ chấm dứt, thường tu "phạm hạnh"³ cho đến thành Phật. Nếu không được như vậy, tôi không giữ ngôi chánh giác.

37. Nếu lúc tôi được làm Phật, thì trời, người trong những thế giới nhiều vô lượng và không thể

1. Vôsanh pháp nhĩn: Nōi taē laē "Vōsanh nhĩn". Theo Luān Trī Nōā danh tōnay cōnghĩa: Ngōōi nōōi vōsanh-nhĩn thì khōng tã nghiep. Cũ Bōatã nōōi pēp nay, gōi laē A-bēa bāi-trī.
2. Nāla ni (dharani): Tã dōch laē tōng trī: pháp giōōmōi nīeā à khōng cho hām, gīn giōōvaōphāu huy mōi nīeā thieā.
3. Phām hānh: Phām nghóa laē thanh tōnh, laē nōān dām dưē. Nāy laē hānh pháp cũ Phām thieā.

nghe bàn của 10 phương chư Phật, hãy nghe danh hiệu tôi, thì điều năm thể ném xuống đất¹, vấp đầu làm lễ, vui mừng tin tưởng, tu hạnh Bồ tát, chư Thiên và người đời, không ai không kính nể. Nếu không được vậy, tôi không giữ ngôi chánh giác.

38. Nếu lúc tôi được làm Phật, trời người trong nước tôi, muốn được quần áo thì tùy ý tưởng mà những "diệu phục"² ứng với Chánh pháp và lời khen của Phật, liền có ngay và tự nhiên phủ lên mình. Nếu còn phải cắt may, nhuộm, giặt, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

39. Nếu lúc tôi được làm Phật, mà những điều khoái lạc của trời, người trong nước tôi không như những khoái lạc của bậc Tỳ khưu "lậu tận"³ thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

40. Nếu lúc tôi được làm Phật, Bồ tát trong nước tôi tùy ý muốn thấy cõi Phật vô lượng nghiêm tịnh trong 10 phương, thì ngay lúc ấy, đúng như sở nguyện, đều nơi cây báu⁴ chiếu thấy hình tướng các

1. Năm theá(nguõtheá) laõñaà, hai tay, hai ñaà goá.

2. Diệu phục: dieã laõkhoàng gì hôn. Phục laõquan àb.

3. Lậu tận: Phieà naõ ñaõbò trõtaã goá. Thaã heá phieà naõ.

4. Cây báu (báu thọ): Cây báu laõcây Boãñeànõi goá ñõu Phaã ñaõñaé ñã giãu ngoã Vaỹ trong cây báu cõughóa laõtrong chành ñõnh, trong sõi giãu ngoã

cõi ấy, như trong gương sáng. Nếu không được như vậy, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

41. Nếu lúc tôi được làm Phật, chư Bồ tát các cõi khác, nghe danh hiệu của tôi cho đến khi thành Phật, mà các căn thiếu thốn, không được đầy đủ, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

42. Nếu lúc tôi được làm Phật, chư Bồ tát các cõi khác, nghe danh hiệu tôi đều kịp được "tam muội" thanh tịnh giải thoát, rồi ở trong tam muội ấy, trong một khoảnh khắc phát niệm, cúng dường chư Phật đông không lường và không thể nghĩ bàn được, mà không mất định ý. Nếu không được như vậy, tôi không giữ ngôi chánh giác.

43. Nếu lúc tôi được làm Phật, chư Bồ tát các cõi khác, nghe danh hiệu của tôi, thì sau khi mạng chung, sanh vào nhà tôn quý. Nếu không được như vậy, tôi không giữ ngôi chánh giác.

44. Nếu lúc tôi được làm Phật, chư Bồ tát các cõi khác, nghe được danh hiệu tôi là vui mừng nhả nhót, tu hạnh Bồ tát, đầy đủ gốc lành. Nếu không được như vậy, tôi không giữ ngôi chánh giác.

45. Nếu lúc tôi được làm Phật, thì chư Bồ tát các cõi khác, một khi nghe danh hiệu tôi, đều kịp

được tam muội "phổ đẳng"¹, rồi ở trong tam muội ấy cho đến khi thành Phật, thường thấy chư Phật đông vô lượng, không thể nghĩ bàn. Nếu không được như vậy, tôi không giữ ngôi chánh giác.

46. Nếu lúc tôi được làm Phật, Bồ tát trong nước tôi, tùy chí nguyện pháp nào, thì tự nhiên được nghe pháp ấy. Nếu chẳng được như vậy thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

47. Nếu lúc tôi được làm Phật, chư Bồ tát các cõi khác, một khi nghe danh hiệu tôi mà không liền được đến chỗ "bất thối chuyển"², thì tôi không giữ ngôi chánh giác.

48. Nếu lúc tôi được làm Phật, chư Bồ Tát các cõi khác, nghe danh hiệu tôi mà không liền được đến "pháp nhẫn"³ thứ nhất, thứ nhì, thứ ba trong

1. Tam muội phổ đẳng: Tam muội laochành nình – Phổ đẳng laochấp cung cầu nôi.
2. Bất thối chuyển: không nào long thoả bööü trên ñöông tu hành. Chæmõ ñình ñöätu chöông. Vô Böätu naö ñät ñeän möü nay thì gọi laobäi bá thöä chuyêñ hay A beäbä trí.
3. Pháp nhẫn: Nhãn cöughöa laötin cái lükhoütin maökhöng nghi ngöu Pháp laöpháp trí: trí do long tin äý maöñöö. Tin lükhoäñeälöKhoäpháp nhãn. Tin lükhoäñeälöñäö pháp nhãn. Ñöulaöveätieäi thöä. Com veäñäi thöä, tin ñööc cái lükhoä vô sanh, thì gọi laöVô sanh pháp nhãn. Tam pháp: Giäv pháp, hành pháp, chöông pháp.

**các pháp của Phật mà không năng liền được bất
thối chuyển, thì tôi không giữ ngôi chánh giác.**

*(trích tạp chí Từ Quang số 117-118, tr.80-88, Sài
Gòn tháng 10-11 năm 1961)*



CHÚ GIẢI ĐIỀU LÝ 48 LỜI NGUYỆN:

1.- Quyển biến, Phật nói là 48 lời nguyện của Tỳ kheo Pháp Tạng. Thật sự, đó là những lời quả quyết (affirmations) mà Phật dạy ta tự nhắc nhở mỗi ngày, không bao giờ sai chạy. Nếu có sự sai chạy thì Tỳ kheo Pháp Tạng đã không thành Phật A Di Đà!

2.- “ Trong nước tôi” có nghĩa là trong tâm thanh-tịnh, vì Phật là người đã hoàn-toàn thanh-tịnh thì phải ở nơi (nước) thanh-tịnh. Chữ nước ở đây có nghĩa là tâm.

3.- “Trời, người” chỉ hai bậc chúng sanh cao nhất trong sáu nấc thang chúng-sanh, làm thiện nhiều ác ít, nhưng còn vị-kỷ.

4.- “Bồ-tát” chỉ hạng Trời, người thần-thiện, vì người quên mình, còn một bước nữa là đến ngôi hoàn-toàn giải-thoát giác-ngộ.

Vậy trọn câu nguyện thứ nhất: “Nếu lúc tôi được làm Phật mà trong nước tôi có địa-ngục, nga-quỷ, súc-sanh, thì tôi không giữ ngôi Chánh-giác” có nghĩa là: “Nếu lúc tôi đã thực-hiện đầy-đủ các điều-kiện để thành bậc Giác-ngộ hoàn-toàn, mà trong tâm tôi còn những tư tưởng đen tối (địa-ngục), tham lam (nga-quỷ) và ty tiện (súc-sanh) thì tôi nguyện không thành Phật”.

Một câu cam kết không có gì cam kết hết, vì nếu trong tâm còn những tư-tưởng-xấu-xa như vừa kể, thì là chưa thanh-tịnh thì làm sao thành Chánh-giác? Đấng này Tỳ-kheo Pháp-tạng nói: “Nếu tôi được làm Phật...”, nghĩa là đã được hoàn-toàn thanh-tịnh rồi, thì tâm làm gì còn ô trước. Vì lẽ này nên nói: tuy nói nguyện, thật sự là quả quyết.

Cứ theo lý trên thì 48 lời nguyện trong Kinh có nghĩa như sau:

Quả-quyết thứ nhất: Trong tâm thanh tịnh, không có tư-tưởng địa-ngục, ngạ-quỷ, súc-sanh.

Quả-quyết thứ nhì: Trời, người nào được tâm thanh-tịnh thì sau khi chết, không còn tái sinh trong ba nẻo ác.

Quả-quyết thứ ba: Hạng người sống trong thanh-tịnh là sống đời sống tâm-linh bất hoại (vàng y).

Quả-quyết thứ tư: Hạng trời, người nào thanh-tịnh thì sống trong tinh thần, tức là sống trong tánh bình-đẳng. Đã sống trong tánh bình-đẳng thì y như nhau, vì tánh đâu có tướng mà nói tốt nói xấu.

Quả-quyết thứ năm: Hễ có thanh-tịnh thì nhất định biết được các việc đời trước (túc mạng thông).

Quả-quyết thứ sáu: Hễ có thanh-tịnh thì nhất định có đôi mắt sáng-suốt (thiên nhãn) thấy tất cả mọi sự thật (cõi Phật).

Quả quyết thứ bảy: Hễ có thanh-tịnh thì nhất định có đôi tai lạ-lùng (thiên nhĩ) nghe được tiếng nói của chân-lý (tâm).

Quả-quyết thứ tám: Hễ có thanh-tịnh thì nhất định biết được người khác nghĩ gì, tính gì trong tâm (tha tâm trí).

Quả-quyết thứ chín: Hễ có thanh-tịnh thì nhất định không còn bị trở ngại trong việc truy-tâm ánh sáng chân-lý, cho nên có thể vượt đến bao nhiêu giai tầng cao-siêu, xa vời của chân-lý cũng được.

Quả-quyết thứ 10: Hễ có thanh-tịnh thì nhất định hết những tư-tưởng ích-kỷ.

Quả-quyết thứ 11: Hễ có thanh-tịnh thì nhất định hết tán loạn (định) và diệt được mọi phiền-não hệ phược (Niết-bàn).

Quả-quyết thứ 12: Hễ sắp được làm Phật (thanh-tịnh toàn-hoàn) thì nhất định ánh sáng trí-huệ vô cùng tận, đầu soi cũng tối (việc gì cũng xét thấy rõ).

Quả-quyết thứ 13: Hễ sắp được làm Phật (thanh-tịnh hoàn-toàn) thì nhất định sẽ sống đời sống bất diệt (vie éternelle) là đời sống của tâm-linh giải-thoát.

Quả-quyết thứ 14: Những người nghe bốn chân-lý của Phật dạy (Thanh-văn) mà thanh-tịnh được tâm, những người nghe lý vạn-vật do nhân duyên sanh

(Duyên-giác) mà thanh tịnh được tâm, hai hạng người ấy rất nhiều không kể xiết.

Quả-quyết thứ 15: Trừ trường hợp phát nguyện trở vào nhân-gian để độ thoát chúng-sanh, hay thực-hiện những công-đức khác, hàng trời, người đã có thanh-tịnh nhất định phải sống đời sống tinh-thần bất diệt.

Quả-quyết thứ 16: Hễ có thanh-tịnh thì nhất định tai không còn nghe tiếng ác.

Quả-quyết thứ 17: Mười phương chư Phật nhất định đều phải ca ngợi đức thanh-tịnh mà tượng trưng là danh hiệu A-Di-Đà.

Quả-quyết thứ 18: Trừ những người trọng tội, gia dư chúng-sanh đều nhất định được thanh-tịnh, nếu một lòng niệm mười danh hiệu Phật mà không tán loạn.

Quả-quyết thứ 19: Chúng-sanh nào nguyện cầu Chánh-giác (phát tâm Bồ-đề), làm việc thiện (tu tập công-đức), đầy đủ tín-tâm (hết lòng tin-tưởng) và nguyện được thanh-tịnh (sinh về nước Phật) thì nhất định khi lâm chung, tâm được từ-bi, trí-huệ (chư Bồ-tát vây quanh và hiện ra trước mắt).

Quả-quyết thứ 20: Hễ nghe danh hiệu A-Di-Đà (tượng trưng cho sự thanh-tịnh) mà muốn được thanh-tịnh, rồi do đó làm việc phúc đức mà không cầu mong

hưởng quả (hồi-hướng) thì nhất định được thanh-tịnh (kết quả toại lòng).

Quả-quyết thứ 21: Hễ có thanh-tịnh, thì thân hình có tướng đẹp vì tướng do tâm uốn nắn.

Quả-quyết thứ 22: Bạc Bồ-tát (vị tha) hễ đắc thanh-tịnh thì nhất định sanh về cõi nào sẽ thành Phật cõi ấy (nhất sanh bồ xứ), trừ trường hợp phát nguyện trở lại thế gian ra ơn hoá độ.

Quả-quyết thứ 23: Hễ có thanh-tịnh thì tâm hồn giải thoát mặc tình giao du trong cảnh chân-lý vô tận.

Quả-quyết thứ 24: Hàng Bồ-tát thanh-tịnh cầu mong lợi tha nào cũng được.

Quả-quyết thứ 25: Hàng Bồ-tát thanh-tịnh nhất định phải có khả-năng diễn giải mọi đạo-lý.

Quả-quyết thứ 26: Hàng Bồ-tát thanh-tịnh nhất định phải có hùng lực bất thoái (thân kim cang Na-la-diên).

Quả-quyết thứ 27: Số trời người được thanh-tịnh nhất định không thể biết được (vì ai cũng có thể trở thành thanh-tịnh). Chúng-sanh đã vô số thì người được thanh-tịnh cũng phải vô số.

Quả-quyết thứ 28: Dầu ít đức, dầu nhiều đức như hàng Bồ-tát, hễ có thanh-tịnh là thấy biết được ánh sáng và sự cao siêu của Pháp (Đạo- tràng).

Quả-quyết thứ 29: Bồ-tát thanh-tịnh thì nhất định có biện tài trí-huệ.

Quả-quyết thứ 30: Trí-huệ biện tài của hàng Bồ-tát thanh-tịnh vô lượng vô biên, nhất định như vậy.

Quả-quyết thứ 31: Tâm của người sắp hoàn-toàn thanh-tịnh là trí sáng vô biên, không đâu không soi tới.

Quả-quyết thứ 32: Trong tâm người sắp thành Phật chỉ chứa của báu công-đức và mùi thơm của thanh-khiết.

Quả-quyết thứ 33: Ánh sáng thanh-tịnh đến với ai (chạm) thì nhất định người ấy sẽ trở thành nhẫn-nhục (mềm-dẻo).

Quả-quyết thứ 34: Chúng-sanh nào niệm danh Phật A-Di-Đà mà tai nghe được danh-hiệu ấy không thiếu sót (có định) thì nhất định không còn tạo nghiệp, không còn khởi niệm nghiệp (vô sanh pháp nhẫn) và cũng như các vị Bồ-tát, nhất định giữ ác không cho sanh và phát triển các việc lành (đà-la-ni).

Quả-quyết thứ 35: Người nữ mà phát tâm tu thanh-tịnh, thì nhất định không tái sinh làm nữ nữa.

Quả-quyết thứ 36: Bồ-tát chưa được thanh-tịnh, hễ nghe danh Phật A-Di-Đà rồi (nghĩa là được thanh-tịnh rồi) thì sau khi chết, sẽ sống mãi trong thanh-tịnh, đoạn dục (phạm hạnh) và tu tiến đến thành Phật.

Quả-quyết thứ 37: Chúng-sanh biết hành thiện bất ác (Trời, người) nghe nói đến đức thanh-tịnh (nghe danh hiệu Phật) mà biết kính mến đến chỗ tu hạnh vị tha, thì nhất định được kính nể.

Quả-quyết thứ 38: Chúng-sanh có thanh-tịnh rồi mà muốn lấy Chánh-pháp, chân-lý che thân (diệu phục) là được ngay, nhất định như vậy.

Quả-quyết thứ 39: Hễ được thanh-tịnh thì nhất định được hưởng đời sống an vui của bậc tu hành đã đoạn trừ phiền não (lậu tận).

Quả-quyết thứ 40: Bồ-tát đắc thanh-tịnh, nhất định được nương vào Pháp mà thấy mọi cảnh của giác-ngộ, giải-thoát hoàn toàn.

Quả-quyết thứ 41: Chư Bồ-tát chưa được thanh-tịnh, một khi nghe tiếng nói của thanh-tịnh từ lúc đầu cho đến khi thành Phật, không hề gián đoạn, thì nhất định mọi căn đầy đủ.

Quả-quyết thứ 42: Hễ được chánh định trong thanh-tịnh rồi, thì nhất định không bao giờ mất cái chánh định ấy.

Quả-quyết thứ 43: Chư Bồ-tát chưa thanh-tịnh (cõi khác), một khi nghe được tiếng thanh-tịnh, thì nhất định sẽ tái sinh vào nơi tôn quý.

Quả-quyết thứ 44: Chư Bồ-tát chưa thanh-tịnh mà nghe được tiếng của tâm và biết vui mừng, thì nhất định phải tu hạnh Bồ-tát và làm mọi việc lành.

Quả-quyết thứ 45: Chư Bồ-tát chưa thanh-tịnh (cõi khác) một khi nghe được tiếng của tâm (danh hiệu Phật) thì nhất định sẽ đạt đến chỗ chánh định trong mọi cử chỉ, hoàn cảnh (đi đứng nằm ngồi) và ở mãi trong chánh định ấy, nhờ vậy mà diện đối với ánh sáng chân-lý luôn luôn (thấy Chư Phật đông vô lượng).

Quả-quyết thứ 46: Bồ-tát đắc thanh-tịnh rồi (Bồ-tát trong nước Phật) thì nhất định muốn hỏi tâm về một vấn-đề nào (nghe pháp), sẽ được tâm trả lời dứt khoát (tự nhiên nghe được pháp).

Quả-quyết thứ 47: Chư Bồ-tát chưa đắc thanh-tịnh, hễ nghe được tiếng của thanh-tịnh, thì nhất định tiến tu không bao giờ nản chí (bất thối chuyển).

Quả-quyết thứ 48: Chư Bồ-tát chưa đắc thanh-tịnh, hễ nghe được tiếng của thanh-tịnh (tâm) thì tự nhiên được ba tiếng nhĩn: **1) âm hưởng nhĩn** (như nghe tiếng chửi mắng mà không giận), **2) nhu thuận nhĩn** (đối với người khác luôn luôn mềm dẻo, thuận hoà), **3) vô sanh pháp nhĩn** (không còn tạo nghiệp, niệm nghiệp).

(trích tạp chí Từ Quang số 119, Hội Phật học Nam Việt ấn hành tháng 12 năm 1961)



Phật nói với A-Nan: "Lúc bấy giờ, Tỳ kheo Pháp tạng, sau khi phát nguyện xong, đọc bài tụng như sau:

1. **Tôi lập nguyện "siêu thế"¹
 Ất đến Đạo Vô thượng
 Nguyện bằng không đầy đủ
 Thệ không thành Chánh giác.**
2. **Nếu trong vô số kiếp
 Không làm bố thí lớn
 Khấp trợ kẻ nghèo khổ
 Thệ không thành Chánh giác.**
3. **Nếu khi thành Phật đạo
 Danh tiếng vượt mười phương
 Mà rốt không nghe được (tiếng Pháp)
 Thệ không thành Chánh giác.**
4. **Lìa dục, sâu chánh niệm,
 Tịnh, sáng, tu phạm hạnh
 Chí cầu Vô thượng Đạo**

1. Siêu thế Vô thượng không thể gian thông tình sâu cõi.

- Làm thầy bậc thiên, nhân.
5. Sức thần bủa sáng lớn
Khắp chiếu không bờ bến
Tiêu trừ ba bụi mờ
Rộng cứu chúng ách nạn.
6. Mở chung mắt trí huệ
Diệt dứt tối mê mờ
Đóng ngăn các đường ác
Thông suốt cửa hướng thiện.
7. Công phu đều đầy đủ
Uy sáng ánh mười phương
Nhật nguyệt đành kém sáng
Sáng trời ẩn không hiện.
8. Vì chúng mở Kho pháp¹
Rộng cho báu công đức
Thương trong đám đại chúng
Nói pháp Sư tử rống.
9. Cúng dường tất cả Phật
Đầy đủ các gốc đức
Trí huệ đúng như nguyện
Thành bậc hùng ba cõi.

1. Kho pháp: Pháp tạng (tâm) vì tâm chồa ñuùmoì Pháp laø Chaân lyù

10. Như Phật, trí vô ngại¹
 Không đâu không chiếu suốt
 Nguyên công, huệ lực tôi²
 Đều là lực tối mạnh.
11. Nguyên này bằng đúng quả³
 Vũ trụ nên cảm động
 Hư không người cõi trời
 Xin rải mưa hoa diêu.

Phật nói với A-Nan: Tỳ kheo Pháp Tạng đọc xong bài tụng, ngay lúc ấy khắp mặt đất sáu thứ chấn động nổi lên, chư thiên rải hoa xuống trên đầu Pháp tạng như mưa. Tự nhiên trong không trung âm nhạc nổi lên ca ngợi: "Nhất định sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng chánh giác". Rồi đó, Tỳ kheo Pháp Tạng tu hành đầy đủ những nguyện lớn đã lập, thành thực không dối, vượt ngoài thế gian, vui đi sâu trong vắng lặng. Nay A-Nan, Tỳ kheo Pháp Tạng tại nước Phật, trong đám chư thiên, ma, Phạm, Long, Thần, tám bộ, phát những nguyện lớn ấy. Phát nguyện rồi hưởng về một chỗ là chuyên chí trang nghiêm mãnh đất nhiệm màu.

1. Trí vô ngại: Trí Phải không gì không biết, không bỏ gì ngại ngại, vì thế giải thoát hoàn toàn mọi vòng luân.

2. Công, huệ lực: Sức mạnh của công đức và trí tuệ

3. Quả kết quả

Chú giải:

Cũng như 48 lời nguyện, 11 bài tụng ở trên có ý nghĩa thâm sâu như sau:

1. Có lập nguyện "siêu thế", nghĩa là có ý muốn quả quyết xa lìa thế sự, thì nhất định sẽ được sự giác ngộ tốt bậc (Vô thượng chánh đẳng chánh giác).

2. Muốn có giác ngộ tốt bậc, phải hành hạnh bố thí lớn, nghĩa là phải ban ra tất cả cho mọi loài.

3. Có bố thí lớn là có Pháp (Dharma) tức là nắm được Chân lý của vũ trụ.

4. Nghe được tiếng Pháp, sẽ không còn tham muốn nữa (lìa dục) bỏ việc trần thế, sống đời sống đạo đức tâm linh (đi sâu vào chánh niệm).

5. Ly dục được là có trí huệ (ánh sáng lớn), soi chiếu mọi sự mọi vật, nhờ vậy mà phá trừ ba độc tham, sân, si (tiêu trừ ba bụi mờ).

6. Công phu và phúc đức, khi đã được đầy đủ, thì ánh sáng tâm linh (lumière spiriluelle) bừng dậy, không một ánh sáng thế gian nào có thể so sánh bằng, dù đó là ánh sáng của mặt trăng, mặt trời.

7. Có huệ rồi thì vô minh chấm dứt, đường ác bị đóng ngăn và đường lành được mở thông suốt.

Từ 1 đến 7, là tự độ. Tự độ xong, phải bước sang gian đoạn độ tha:

8. Đem Chánh pháp truyền cho tất cả chúng sanh (nói pháp Sư tử rống).

9. Phục vụ tất cả chúng sanh (cúng dường tất cả Phật) bằng cách thực hành các đức cho tới mức hoàn toàn như vậy sẽ có trí huệ viên mãn và thành bậc anh hùng thoát khỏi ngục tù của ba cõi: dục giới, sắc giới và vô sắc giới (monde des désirs, monde des formes, monde des non-formes), nghĩa là lìa lối sống thiên về vật chất, thiên về mơ tưởng, thiên về quan niệm.

Đến đây là đạt đến ngôi vị giải thoát, giác ngộ, tột bậc, cho nên:

10. Sẽ có một trí huệ soi sáng khắp nơi, không bị gì ngăn ngại và bao nhiêu công đức và trí huệ thực hiện sẽ được trở thành một sức mạnh không sức mạnh nào hơn.

11. Thực hiện được sự giác ngộ Vô thượng là một đại sự sẽ làm chấn động vũ trụ và một sự vui mừng lớn lao, chung cho hạng lành cao cả (trời) và chúng sanh ở thế gian (người).

Vậy đại ý của 11 bài tụng là: Để được thành Phật (được Vô thượng chánh đẳng chánh giác), phải biết muốn một cách cương quyết. Kế đó là phải tự tu sửa:

xa lìa thế sự, làm việc bố thí lớn, phải bịt tai với tiếng đời mà lắng nghe tiếng Pháp, hết ham muốn giữ lòng thanh tịnh. Có tịnh là có định, có định sẽ có huệ, nhờ huệ mà trừ ba độc, phá vô minh, sáng suốt không lường. Được như thế rồi, phải đem ánh sáng giác ngộ mà soi chiếu cho tất cả, phục vụ mọi chúng sanh. Rốt hết là phải đưa công phu và trí huệ đến chỗ cùng tột, được thế là sẽ như Phật.

Tóm lại, con đường dẫn đến quả Phật khởi đầu ở chỗ **nguyện** (vonlonté), trải qua giai đoạn rất dài là **hành** (pratique) và chấm dứt ở điểm **quả** (réalisation).

*(trích tạp chí Từ Quang số 120, tr. 41-44.
Sài Gòn tháng 1 năm 1962)*



Nước Phật nên tu phải khuếch trương rộng lớn, hơn tất cả các nước và tiếng được tinh đẹp; phải được xây dựng trên "thường nhiên", không suy giảm, không biến đổi, trong chỗ không thể nghĩ bàn, lâu dài mãi mãi; (nơi ấy) chứa tròng vô lượng đức hạnh Bồ tát, không sanh những tri giác tham muốn, giận hờn, làm hại; không dấy những tư tưởng tham muốn, giận hờn, làm hại; không dính líu vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; sức mạnh nhấn nhục thành tựu, không kể các khổ; ít muốn, biết đủ;

không nhiễm oán giận, si mê; chánh định, luôn vắng lặng, sáng suốt, chẳng ngại, không có lòng dối trá, nịnh hót, tà vạy; vẻ mặt hòa thuận, lời nói dễ thương, đón trước ý người, vâng chịu câu hỏi; mạnh mẽ tinh tấn, chí nguyện không mỏi, chuyên cầu pháp trắng trong, lấy lòng nhân làm lợi quần sinh; cung kính Tam Bảo, phụng sự bậc thầy và người trên; dùng đại trang nghiêm mà làm đầy đủ mọi hạnh, khiến các chúng sinh thành tựu công đức; ở hẳn trong ba định "Không", "Vô tướng", "Vô nguyện", không làm, không khởi¹, xem mọi sự vật như huyễn hóa; xa lìa lời nói thô bỉ hại mình, hại người, hoặc hại cả hai đàng; tu tập lời nói lành, lợi mình lợi người, đôi đàng đều lợi; bỏ nước từ ngôi, tuyệt dứt của cải sắc đẹp; tự hành 6 phép ba la mật; dạy người cùng làm; trong vô cùng số kiếp, chứa công chồng đức, muốn sinh nơi nào là được như ý muốn, kho báu vô lượng tự nhiên phát ứng; dạy sửa và đặt chỗ cho an ổn không biết bao nhiêu chúng

-
1. Ba ãnh la Tam tam muoã hay Tam trồ, la phồõng pháp trồ tâm: 1) **Khoãng tam muoã**: ãnh trong choã thay vãn vaã la "khoãng", voãngã 2) **Voãtồõng tam muoã**: ãnh trong choã thay ãõõr Thõr tõõng cuã vãn pháp; 3) **Voãnguyẽã tam muoã**: ãnh trong choã khoãng con võõng ãõõng, caõ mong. **Voãtaù** (khoãng lam): tâm khoãng cõõnhõõng yũnicã lam vieã nay, vieã nõi **Voãkhõu** (khoãng khõu): khoãng khõu nhaã ãẽãsanh quaũ

sinh, đứng hẳn trong đường vô thượng chánh chân. Hoặc làm trưởng giả, cư sĩ¹, họ hàng hơn người, được đời tôn quý, hoặc làm Sát đế ly, làm Vua, hay Thánh đề Chuyển luân, hoặc làm các Thiên vương cõi trời Lục dục, nhần đến Phạm vương; thường tứ sự cúng dường² tất cả chư Phật. Công đức như thế, không thể nói cho xứng. Hơi miệng thơm sạch như mùi hoa Ưu bát la, chân lông ở thân tiết ra mùi thơm trầm chiên đàn mùi thơm ấy xông khắp cùng vô lượng thế giới. Dung sắc ngay thẳng, tướng tốt không ai bằng tay thường ban ra của báu vô tận, quần, áo, uống, ăn, đều là những thứ trân diệu thơm như hoa; còn lụa, lọng, cờ, phướng đều là những vật trang nghiêm. Tất cả những đồ dùng ấy tốt đẹp hơn tất cả những (thứ tương tựa) ở cõi trời, người. Nhưng trong tất cả các pháp đó, luôn luôn được tự tại.

Chú giải:

-
1. Cỗ sớ Hiền giớ danh tở nay dung ñe chæ nhõng ngõõ tã gia hõ Phã. Ñùng theo nghĩa kinh ñie chõ Phãm, thì cỗ số la ngõõ giau cõu (quãng tích tở tã, cỗ tã chi số)
 2. Tõisõicùng dõõng: Boãn mõi ñõng cùng: thờ ãn, thờ uõng, vã ñùng ñãm ngoã, thuõ thang.

"Nước Phật nên tu" (Sở tu Phật quốc) nói ở đây có nghĩa "Tâm nên tu sửa", vì Phật quốc (le Royaume de Bouddha) là Tâm.

Tâm chúng sanh là tâm ngã chấp, ích kỷ, nên nhỏ hẹp. Nay phải khuếch trương cho nó rộng lớn ra, tức là làm cho nó thành vị tha, thành tâm Bồ tát, Phật.

Tâm chúng sanh chạy theo cảnh thế gian biến dịch vô thường (impermanent). Tâm của người tu hành phải được xây dựng trên cái Thường (Eternel), là cái không hao mòn, suy giảm, biến đổi.

Tâm phải tu là tâm không chú ý, không tư tưởng đến những cái tham muốn, giận hờn, gây hại; là tâm giải thoát ngoài cảnh (không dính líu vào sắc, thanh...) là tâm nhẫn nhục, tri túc, ít muốn, chánh định, vắng lặng, sáng suốt... Đó là đối với mình.

Còn đối với người thì phải không đối trá, nịnh hót, tà vạy; phải hòa thuận, có lời nói dễ thương, đón trước ý người, vâng chịu người hỏi, lấy nhân ái mà đãi, cung kính phụng sự bậc trên trước.

Phải giữ vững "tâm nên tu" ấy trong cái thấy vạn vật là không (Không tam muội), trong chỗ thấy thực tướng của vạn pháp (Vô tướng tam muội), trong chỗ không còn cầu mong (Vô nguyện tam muội), trong chỗ không vọng động (Vô tác), trong chỗ không gây nhân để sanh quả (Vô khởi).

Như thế là giải thoát. Giải thoát tài, sắc; tự hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ (lục ba la mật).

Giữ tâm, rèn tâm được như vậy thì trên đường luân hồi, luôn luôn được tái sinh hoặc làm Thiên hưởng phước, hoặc làm người cao sang giàu có. Người có tâm thanh tịnh, chánh chân, giải thoát, ắt sẽ có thân tốt đẹp, hơi miệng thơm sạch, mồ hôi mùi trầm, dung sắc ngay thẳng, nhưng không mũi lệch, mắt lé...

V. PHÁP TẠNG THÀNH PHẬT

A Nan bạch Phật: "Bồ tát Pháp Tạng đã thành Phật rồi và nhập Niết bàn, hay chưa thành Phật, hay hiện hãy còn?"

Phật nói với A Nan: "Bồ tát Pháp Tạng nay đã thành Phật, hiện ở Tây Phương, cách đây mười muôn ức cõi. Thế giới của Phật ấy tên là An Lạc".

A Nan lại hỏi: "Đã trải qua bao nhiêu lâu rồi, từ khi Pháp Tạng thành Phật?"

Phật đáp: "Từ thành Phật đến nay, đã qua mười kiếp".

Chú giải:

Pháp Tạng là Tâm, như đã giải mà Tâm là Phật (tức Tâm thị Phật), nên nay nói Pháp Tạng đã thành Phật rồi, là đều không phải khó hiểu. Tâm thành Phật là Tâm đã giác ngộ, giải thoát và trở về với cái bản nguyên thanh tịnh của nó.

Thành Phật ở cõi Tây phương, cách đây mười ức cõi. Vậy Tây phương xa thật là xa, nhưng chỉ xa cho người mà tâm chưa được giác ngộ. Nói một cách khác, thanh tịnh là một cái gì rất xa xôi đối với người chưa giác ngộ. Nhưng khi đã giác ngộ rồi thì rất gần, gần hơn tất cả cái gần mình nhất vì đó là tâm giải thoát của mình.

Cõi Tây phương có tên là An lạc. Tâm đã giải thoát, trở về với cái bản nguyên thanh tịnh của nó, hết cầu hết muốn, hết phiền hết lo, thì tức nhiên phải có sự an ổn (paix intérieure) và vui sướng không ngần hay lạc (félicité), cho nên gọi là An lạc.

VI. CẢNH NƯỚC AN LẠC

Nước của đức Phật ấy tự nhiên có 7 món báu: vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não¹.

1. **Bảy món báu:** Phải chăng này kinh muốn àm chẻ bảy món báu của bả Thành (Thái Thành tào) lao 1. Tín (long tin), 2. Giòu (giồogiòu, giòu hành), 3. Vaên (nghe hồ Phaỉ pháp), 4.

hợp lại làm đất, rộng rãi thênh thang, không biết giới hạn và đến đâu là cùng. Các báu ấy lẫn lộn, xen nhau, sáng sửa rực rỡ, mầu nhiệm, tốt đẹp lạ lùng, trong sạch trang nghiêm, vượt trên các thế giới trong mười phương. Bề trong các báu ấy thật tinh anh, các báu ấy giống như những báu ở cõi Trời thứ sáu¹. Lại nữa, trong nước ấy không có núi Tu di và rào Kim cang, cũng không có biển lớn, biển nhỏ, khe, ngòi, giếng. Hang. Nhưng nhờ thần lực của

Tam (biết thế), 5. Quý (biết xaui hoá maé côi), 6. Xâu (biết boú không tham luyến), 7. Hueã (trí hueã sáng suố).

Cou7 thòugoi laogiam. Không cougôi laobàn cung toã Bã.

1. Cou7ta4 caũ18 côi Thiên thuoã Saé giới.

Sô thiên: 1- Phaĩm chung thiên

2- Phaĩm phuĩ thiên

3- Nãĩ phaĩm thiên

Nhò thiên: 4- Thiêu quang thiên

5- Voãlõõng quang thiên

6- Quang âm thiên

Tam thiên: 7- Thiêu tòngh thiên

8- Voãlõõng tinh thiên

9- Biếĩn tòngh thiên

Tòuthiên: 10- Voãvãn thiên, 11- Phuĩ sanh thiên,

12- Quaũg quaũthiên

13- Voãtõõng thiên, 14- Voãnhieĩ thiên,

15- Voãnhieĩn thiên

16- Thiếĩn kieĩn thiên, 17- Thiếĩn hieĩn thiên,

18- Saé cõũ cãmh thiên.

Phật, hễ muốn thấy các thứ ấy là thấy¹. Cũng không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và những xu hướng tai nạn; cũng không bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông, không lạnh không nóng, khí hậu điều hòa vừa phải.

Lúc bấy giờ A Nan bạch Phật: "Thế Tôn nếu ở nước ấy không có núi tu di, thì bốn vị Thiên vương và cõi trời Đạo lợi nương trú vào đâu?"

Phật đáp A Nan: "Vậy cõi Trời thứ ba là Viêm Thiên cho đến cõi Trời Sắc cứu cánh đều trú vào đâu?"

A Nan bạch Phật: "Quả báo của hạnh nghiệp thật không thể nghĩ bàn được".

Phật nói với A Nan: "Quả báo của hạnh nghiệp không thể nghĩ bàn, thế giới của chư Phật cũng không thể nghĩ bàn. Công đức thiện lực của chúng sanh ở các cõi Phật ấy nằm trong đất của hạnh nghiệp, bởi cố nên được như vậy đó thôi".

A Nan bạch Phật: "Tôi chẳng nghi ngờ điều này, chỉ vì chúng sanh trong tương lai nên mới hỏi nghĩa của "cái không thể nghĩ bàn ấy", để trừ lòng nghi ngờ của họ".

Chú giải:

1. Còubam Kinh viết: Heāmuoān thấy laocàt thòuàý hiēn.

Kinh nói: đất nước An lạc do bảy báu thành. Nên hiểu: Muốn có thanh tịnh, phải lấy tín, giới, vãng, tà, m, quý, xả và huệ mà tạo (xem cước chú về bảy báu hay thất bảo).

Người thế gian lấy vàng, bạc, châu, báu bằng chất kim, chất đá làm quý, người tu hạnh thanh tịnh phải bảy cái tín, giới,... nói trên làm quý, làm tài sản, làm sự nghiệp. Ý Phật muốn đối chiếu của cả thế gian (biens terrestres) với của báu tinh thần (biens spirituels) tức là đức hạnh.

Kinh nói: Các báu ấy giống những báu của cõi Trời thứ sáu là Quang Âm Thiên, thuộc Đệ nhị thiên. Vậy phải chăng ý Kinh muốn nói: Tâm thanh tịnh giống như tâm của người tu thiên định vào được bậc thứ hai (đệ nhị thiên), ở đấy tâm sống trong cõi Thiên Quang Âm (plan divin de Lumière), tức là trong ánh sáng? Mà sống trong ánh sáng, phải chăng là sống giải thoát khỏi cái hắc ám của vô minh, nghiệp chướng, triền phược?

Phật quốc nói ở đây là Tâm thanh tịnh, mà thanh tịnh thì bình đẳng, cho nên nói không có núi, có biển thí dụ cho những bất bình đẳng ở thế gian. Thanh tịnh thì hết những ý niệm bất thiện, cho nên nói không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Thanh tịnh thì an nhiên, bất biến, cho nên nói không có bốn mùa thay đổi, nóng lạnh vô chừng.

Phật quốc nói ở đây không có nghĩa là một thế giới trong tam thiên đại thiên thế giới của Kinh, hay trong hằng sa thế giới của khoa Thiên văn học ngày nay, như có người hiểu lầm. Đây là cảnh giới của tâm linh (plan spirituel) chứ nào phải cảnh giới của vật chất (plan physique), đó là diệu nghĩa của câu: "Vây cõi trời thứ ba là Viêm Thiên cho đến cõi trời Sắc cứu cánh đều trú vào đâu?"

Theo Kinh điển, Phật dạy thế giới của chúng ta đang ở đây, giữa có núi Tu di, bốn hông núi Tu di có bốn vị Thiên vương và trên đỉnh có cõi Trời Đao lợi.

Rồi trong Kinh này, Phật lại nói Tây phương thế giới không có núi Tu di.

Vậy Thế giới Tây phương rất khác biệt thế giới của chúng ta đang ở, khác biệt luôn tất cả những thế giới mà Thiên văn học tìm thấy. Để cho chúng sanh hậu tấn khỏi lầm điều này, ông A Nan mới giả tuồng ngờ ngẩn, đặt ra câu hỏi: "Không có núi Tu di thì bốn thị Thiên vương và cõi Trời Đao lợi nằm ở chỗ nào?" để cho Phật giải.

Phật không giải mà hỏi lại: "Vây cõi Trời thứ ba là Viêm Thiên cho đến cõi Trời sắc cứu cánh đều trú vào đâu?" Tất cả những cõi này không trú vào đâu cả, vì đâu phải cảnh vật chất mà cần phải có chỗ nương tựa? Ai nói: "Thiên văn học ngày nay tìm ra không biết bao nhiêu thế giới trong vũ trụ vô biên, vậy thì biết

đâu một trong những thế giới đó không là thế giới Cực lạc", là người "pháp chấp", chưa biết gì về khoa tâm pháp của Phật, cũng chưa hiểu được lối thí dụ (enseignement parabolique) của Phật. Thà đừng giải thích còn hơn là giải thích theo lối này, vì không còn sự mê hoặc nào hơn. "Y kinh giải nghĩa, tam thế Phật oan" là đây.

(trích tạp chí Từ Quang số 121-122, tr.69-75, Sài Gòn tháng 2-3 năm 1962)



VII. ÁNH SÁNG KHÔNG LƯỜNG

(Quang minh vô lượng)

Phật nói với A Nan: Ánh sáng uy nghiêm và linh thiêng của Phật Vô lượng Thọ cao hơn hết, là bậc nhất; ánh sáng của các Phật khác không bì kịp. Ánh sáng của Phật Vô lượng Thọ hoặc chiếu soi trăm thế giới Phật, hoặc chiếu soi ngàn thế giới Phật. Tóm tắt mà nói, ánh sáng ấy chiếu soi những nước Phật nhiều như cát sông Hằng ở phương đông và phương trên, phương dưới¹ cũng đều được chiếu

1. Bốn hõmng chành lơ ãoàng, tây, nam, bắc, thêm vào bốn hõmng phuĩ lơ ãoàng-nam, tây-nam, ãoàng-bắc, tây-bắc vào hai hõmng trên vào döõu, cõng lơ lơ mõõu hõmng (thấp phõng), tõu vuõ trui voã bieãn.

soi như vậy. Hoặc chiếu soi tới bảy thước, hoặc một do tuần¹, hai, ba, bốn, năm do tuần, lần lên như vậy cho đến khắp một nước Phật. Bởi cố, Phật Vô lượng Thọ có những hiệu Vô lượng quang Phật, Vô biên quang Phật, Vô ngại quang Phật, Vô đối quang Phật, Diệm vương quang Phật, Thanh tịnh quang Phật, Hoan hỷ quang Phật, Trí huệ quang Phật, Bất đoạn quang Phật, Nan tư quang Phật, Vô xưng quang Phật, Siêu Nhật nguyệt quang Phật. Ở các cõi Phật, chúng sanh nào mà gặp ánh sáng ấy, thì ba chất dơ (tham, sân, si) được tiêu diệt, thân ý mềm mại, vui vẻ nhả nhót, vì tâm lành đã sinh rồi vậy. Nếu còn ở trong ba đường (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh) là nơi lao lực, khổ sở, mà thấy được ánh sáng ấy, thì đều được nghỉ ngơi, khổ lo không trở lại nữa; sau khi mạng chung, lại còn nhờ đó mà giải thoát.

Ánh sáng của Phật Vô lượng Thọ rất là rực rỡ, chiếu sáng mười phương, các nước của chư Phật, không đâu không nghe biết. Chẳng phải một mình ta xứng tụng ánh sáng của Phật Vô lượng Thọ mà tất cả chư Phật, Thanh Văn, Duyên giác, các hàng Bồ tát, đều cùng nhau ngợi khen y như vậy. Nếu chúng sinh nào nghe biết được uy thần công đức của ánh sáng ấy mà ngày đêm hết lòng không dứt khen

1. Do tuần: Theo phong tục Án Độ mỗi do tuần là 30 dặm, còn theo kinh Phật giáo là 16 dặm.

nói, thì được như lòng nguyện ước mà sinh về nước của Phật Vô lượng thọ, được chư Bồ tát và các hàng Thanh văn cùng nhau khen ngợi ánh sáng của mình, y như hôm nay (ánh sáng của Phật Vô lượng thọ được khen ngợi vậy).

Đức Phật Thích Ca nói: Ánh sáng uy nghiêm thiêng liêng, cao xa, mầu nhiệm của Phật Vô lượng thọ mà ta nói đây, dầu có trải qua một kiếp, ngày đêm nói mãi, cũng không làm sao nói cho hết những cái uy nghiêm, thiêng liêng, cao xa và mầu nhiệm ấy.

Chú giải:

Dưới đây là những điểm chúng ta cần để ý và tìm hiểu:

I.- "Ánh sáng của Phật Vô Lượng Thọ cao hơn hết, là bậc nhất; ánh sáng của các Phật khác không bì kịp".

Tại sao có sự sai khác giữa Phật và Phật như vậy?

Ở phần chú giải phía trước chúng ta đã nói Phật Vô Lượng Thọ chính là cái ánh sáng vô thượng đó, nghĩa là không có Phật Vô Lượng Thọ làm chủ một cái ánh sáng cao hơn hết, bậc nhất, mà chỉ có thứ ánh sáng ấy mà Kinh quyền gọi là Phật Vô Lượng Thọ. Và ánh sáng ấy – viết bằng chữ A mới đúng – là Thể của vũ trụ vạn vật.

Vì là Thể của tất cả, là nguồn cội của tất cả, nên trong một bài tán mới có câu:

Quang trung hóa Phật vô số ức

Hóa Bồ tát diệc vô biên.

Trong Hào quang quyền gọi là A Di Đà Phật (chớ không phải của A Di Đà Phật) vô số ức Phật cũng như vô biên Bồ tát hóa sanh ra. Ngoài hào quang ấy, không có Phật và chúng sanh (Bồ tát).

Vì lẽ này mà Kinh có câu: "**Nhất thế do Tâm tạo**", Tâm là Phật, mà Phật là Hào quang hay Ánh sáng bậc nhất ấy.

Tâm sanh ra hai cái đối nhau sai khác nhau là Phật và Bồ tát, y như Nho gia nói: "**Thái cực sanh lưỡng nghi**" hay như Lão giáo nói "**Nhất sanh nhị, nhị sanh tam**". Tuy ba mà vẫn một, cho nên Phật giáo nói: "Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt" (Tâm, Phật, chúng sanh, tuy ba nhưng không sai khác và cách biệt nhau).

Ánh sáng là Thể của Phật, của chúng sanh, thì Nó là Toàn thể, còn Phật là phần tử, vì vậy Toàn thể phải bao trùm phần tử. Thí như một giọt nước biển, tuy đồng một chất mặn như nước của một đại dương, vẫn không phải toàn nước của đại dương.

II.- "Ánh sáng ấy ở khắp cùng. Không khắp cùng sao được khi Ánh sáng ấy là Thể của vũ trụ vạn vật;

hễ đâu có vũ trụ thì phải có Thể, mà vũ trụ vô cùng thì Ánh sáng ấy là Cái Khắp Cùng (Ommiprésence). Đoạn này còn giúp ta hiểu câu "**Phật biến nhất thể xứ**" (Phật ở khắp mọi nơi".

III.- Kinh nói Phật Vô Lượng Thọ có 12 hiệu. Nên hiểu: Ánh sáng Vô Lượng Thọ có 12 thuộc tánh hay đặc tánh (attributs). Đó là:

1) **Vô lượng.** Vũ trụ như vừa nói, là vô cùng, thì làm sao đo lường nó được. Tưởng mà còn như vậy, thì thể của nó là Ánh sáng cũng phải vô lượng (incommensurable).

2) **Vô biên.** Hễ vô cùng, vô lượng, là vô biên không bờ bến (illimité).

3) **Vô ngại.** Không có gì ngăn ngại, cản trở, ngăn đón cái Ánh sáng Thể đó. Thật vậy, nếu nó bị ngăn ngại, thì làm sao ở khắp cùng được? Một hình dáng xa xôi của cái "vô ngại" này là cái vô ngại của âm ba (làn sóng điện của radio), không đâu là nó không chui vào được, dầu là cửa đóng, tường cao.

4) **Vô đối.** Không gì đem ra so sánh, đối đãi được, vậy là tuyệt đối (absolu).

5) **Diệm vương.** Diệm là Ánh sáng trên ngọn lửa. Vương là vua. Vậy Diệm vương là vua của các ánh sáng, là cao hơn hết (suprême).

6) **Thanh tịnh.** Trong sạch (pur)

7) **Hoan hỷ.** Là vui vẻ, là an lạc (félicité)

8) **Trí huệ.** Thông minh sáng suốt (intelligence, sagesse, sapience).

9) **Bất đoạn.** Không, thể cắt ra từng khúc. Ánh sáng này vô hình, vô tướng, làm sao cắt nó được mà không bảo là "vô đoạn" (insécable).

10) **Nan tư.** Khó mà suy nghĩ, khó mà quan niệm, nghĩa là khó lấy trí óc phàm phu mà quan niệm, mà nghĩ tưởng đến Ánh sáng ấy được (impensable, inconcevable).

11) **Vô xưng.** Không gọi được, không đặt tên được (innommable) vì nó vượt khỏi vòng danh sắc nghĩa là vòng vật chất có hình, có tên.

12) **Siêu nhật nguyệt.** Vượt lên trên mặt trời, mặt trăng, nghĩa là sáng hơn cái sáng của nhật nguyệt (incomparable).

Nói cho đúng, chính những cái Vô biên, Vô lượng... đó là cái mà kinh quyền gọi là Ánh sáng (Lumière) là Phật Vô Lượng Thọ.

VIII. SỐNG LÂU VÔ CÙNG

(Thọ mạng vô lượng)

Phật nói với A Nan: Lại nữa, đời sống của Phật Vô lượng thọ lâu dài chẳng biết chừng nào mà kể, người có biết chăng? Giả như vô lượng chúng sinh

trong các thế giới khắp mười phương đều được thân người, rồi những người ấy đều được thành tựu quả Thanh văn, Duyên giác và cùng nhau tập họp lại, một lòng tham thiền định ý, suy gẫm hết sức mình trong trăm ngàn muôn kiếp để tính đếm số tuổi dài xa của Phật Vô lượng thọ, cũng không làm sao biết cho được tận cùng cái giới hạn và mức cùng cực của số tuổi ấy. Thọ mạng của các Thanh văn, Bồ tát, trời, người ở Phật Vô lượng thọ, dài vẫn cũng như vậy nữa, nghĩa là không thể lấy sự tính toán, thí dụ mà biết được.

Chú giải:

Ngoài những thuộc tánh kể trên, còn một thuộc tánh chánh nữa là "Vô lượng thọ", nghĩa là sống hoài, còn hoài, không mất.

Thế là bất sanh thì phải bất diệt, mà bất diệt là vô lượng thọ vậy.

Các Thanh văn, Bồ tát, trời, người, mà ở trong nước Vô lượng Thọ (Eternité), thì nhất định không phải Thanh văn, Bồ tát, trời, người nhục thân, mà là Thanh văn, Bồ tát, trời, người pháp thân tức là cái phần Tâm Tánh. Mà Tâm Tánh là Thể, cho nên cũng Vô lượng thọ.

*(trích tạp chí Từ Quang số 123, tr. 40-44,
Sài Gòn tháng 4 năm 1962)*

**IX. THÁNH CHÚNG VÔ LƯỢNG**

Lại nữa, số Thanh văn, Bồ tát (ở cõi ấy) chẳng thể nói ra cho xiết được. Tất cả các vị đều là bậc Tâm Tánh, trí huệ rõ thông, uy lực tự tại, có thể thu nắm tất cả thế giới trong bàn tay.

Phật nói với A Nan: Trong buổi hội lần đầu của Phật Vô lượng thọ, số Thanh văn không thể đếm được, số Bồ tát cũng vậy. Có khả năng như Đại Mục

Kiên Liên đây và đông trăm ngàn, muôn, ức, cho đến vô lượng vô số, dầu có trải qua một số kiếp kể không xiết đi nữa, xúm nhau lại mà cộng đếm, cũng không làm sao biết rốt ráo cả, sâu rộng không lường. Giả sử có người chặt một sợi lông ra làm trăm đoạn, mỗi đoạn thấm lấy một giọt nước. Người nghĩ thế nào? Nước thấm trong các khúc lông ấy và nước ở dưới biển cả, đàng nào nhiều? A Nan bạch Phật: Sự ít nhiều giữa nước thấm lông và nước trong biển cả, dầu là kẻ khéo léo từng trải về khoa tính toán cũng không thể đem lời nói, thí dụ, so sánh mà biết được.

Phật nói với A Nan; Như bọn Mục Kiên Liên kia, dầu có trải trăm ngàn muôn ức na do tha kiếp để đếm tính số Thanh văn và Bồ tát ở buổi hội đầu tiên tại nước An Lạc, thì con số của bọn ấy đếm tính được giống như nước thấm lông, còn con số chúng không biết được như nước ở biển cả.

Huyền Nghĩa:

Thanh văn chỉ đức " tự giác, tự độ". Bồ tát chỉ đức "tự giác giác tha, tự độ độ tha".

Nhưng dù mới thức tỉnh cho riêng mình, hay sau khi tự thức tỉnh rồi ra làm việc thức tỉnh cho người khác, hai hạng đều phải là những bậc đã "đắc thanh tịnh".

Đã là người "thanh tịnh", lẽ cố nhiên phải sống trong thanh tịnh, phải "ở cõi thanh tịnh, phải sống trong và vì cái Thường tồn bất biến (Vô lượng thọ = Eternité), không còn sống trong và vì cái Vô thường biến dịch nữa (Impermanence).

Chúng sanh vô lượng, mà chúng sanh nào cũng có khả năng thành Tiên tác Phật, thì số người tự giác (Thanh văn) và giác thọ (Bồ tát) phải đông vô số kể.

Kinh còn nói: "buổi hội lần đầu của Phật Vô lượng thọ, số Thanh văn không thể đếm được, số Bồ tát cũng vậy". Buổi hội lần đầu là buổi hội nào? Phải chăng Kinh muốn nói ở chỗ nguyên thủy (à l'origine), Tâm chứa toàn những đức tánh sáng suốt (tự giác tượng trưng bởi Thanh văn) và vị tha (giác tha tượng trưng bởi Bồ tát)? Rất có lẽ, vì nguyên lai, nguồn cội của Tâm là như thế, nhưng vì chúng sanh để cho vật dục lôi kéo, thức tâm làm kê, thành sau cái "hội đầu tiên" ấy, Thanh văn và Bồ tát ly tán, để rồi phải gia công tu tập mới quy cả hai về một mối ở đất Thanh tịnh.

X. CÁC CÂY BẢY BÁU

Lại nữa, tại nước ấy, những cây bảy báu đầy khắp thế giới. Có những cây vàng, cây bạc, cây lưu ly, cây pha lê, cây san hô, cây mã não, cây xa cừ. Hoặc có thứ cây hai báu, ba báu, cho chí bảy báu,

các báu ấy cùng nhau xây chuyển mà hợp thành. Hoặc có cây vàng mà lá, hoa, trái bạc; hoặc có cây bạc mà lá, hoa, trái vàng; hoặc có cây lưu ly mà lá, hoa, trái pha lê, hoặc có cây thủy tinh mà lá, hoa, trái lưu ly; hoặc có cây san hô mà lá, hoa, trái mã não; hoặc có cây mã não mà lá, hoa, trái lưu ly; hoặc có cây xa cừ, mà lá, hoa, trái là các thứ báu khác. Hoặc có thứ cây báu gốc vàng tía, thân bạc, cành lưu ly, đọt thủy tinh, lá san hô, hoa mã não, trái xa cừ. Hoặc có thứ cây báu gốc bạc, thân lưu ly, cành thủy tinh, đọt san hô, lá mã não, hoa xa cừ, trái vàng tía. Hoặc có thứ cây báu gốc lưu ly, thân thủy tinh, cành san hô, đọt mã não, lá xa cừ, hoa vàng tía, trái bạc trắng. Hoặc có thứ cây báu gốc thủy tinh, thân san hô, cành mã não, đọt xa cừ, lá vàng tía, hoa bạc trắng, trái lưu ly. Hoặc có thứ cây báu gốc san hô, thân mã não, cánh xa cừ, đọt vàng tía, lá bạc trắng hoa lưu ly, trái thủy tinh. Hoặc có thứ cây báu gốc mã não, thân xa cừ, cành vàng tía, đọt bạc trắng, lá lưu ly, hoa thủy tinh, trái san hô. Hoặc có thứ cây báu, gốc xa cừ, thân vàng tía, cành bạc trắng, đọt lưu ly, lá thủy tinh, hoa san hô, trái mã não. Các thứ cây báu ấy, hàng hàng ngang nhau, thân thân liền nhau, lá lá hướng về nhau, hoa hoa thuận với nhau, trái trái như nhau, vẻ tốt sáng rọi, ngắm không thể xiết. Lúc có gió thanh

nổi lên thì từ các cây ấy, năm âm cung, thương, mầu nhiệm phát xuất, tự nhiên hòa nhau cho chí bảy báu, các báu ấy cùng nhau xây chuyển mà hợp thành.

Huyền Nghĩa:

Cây có cành lá, có hoa có quả, mà lại bằng bảy báu (vàng bạc, lưu ly, pha lê...) là một điều lạ. Vì lạ nên phải hiểu là Phật đã phương tiện mượn cảnh thế gian để đưa chúng sanh vào cảnh xuất thế gian.

Bảy báu đã là "thất Thánh tài" (tín, giới, văn, tài, quý, xả và huệ; xem chú thích 1 trang 72) thì những cây này cũng chỉ là "thất Thánh tài", hay là gốc của tín, giới, văn... Có người vì tín mà giữ giới (trong thí dụ cây lưu ly mà lá, hoa, trái pha lê chẳng hạn), hoặc biết thẹn mà xả (trong thí dụ cây san hô mà lá, hoa, trái mã não chẳng hạn). Cũng có người nhờ tin mà giữ giới, mà nghe pháp, rồi được tài, được quý, được xả, được huệ. Do đây Kinh nói: có thứ cây gốc vàng tín, thân bạc, lưu ly, đọt thủy tinh, lá san hô, hoa mã não.

Nói tóm, trong bảy đức kể trên, mỗi đức có thể hòa hợp với những đức khác, để đem lại cho tâm linh con người những hoa trái tinh thần tốt đẹp.

Nhưng muốn được kết quả ấy, các cây báu phải "hàng hàng ngang nhau, thân thân liền nhau, lá lá

hương về nhau, hoa hoa thuận với nhau, trái trái như nhau", nghĩa là bảy đức tánh tín, giới, văn... phải đồng một sức mạnh như nhau, phải đồng thời phát huy với nhau, phải cùng hướng về một nẻo là giải thoát và kết quả phải thuận và như nhau.

XI. CÂY BÁU NƠI ĐẠO TRÀNG

Lại cây Đạo tràng¹ của Phật Vô lượng Thọ, cao bốn trăm vạn lý², gốc tròn năm mươi do tuần, cành lá xòe ra 4 phía tới hai mươi vạn dặm. Tất cả các thứ báu tự nhiên hợp thành; lấy ngọc ma ni nguyệt quang³, báu trì hải luân⁴ là chúa của các báu mà trang nghiêm cây ấy. Vòng quanh đọt cây chuỗi ngọc anh lạc buông mảnh, trăm ngàn muôn sắc, thứ thứ biến ra nhiều sắc khác nhau, ánh sáng rực rỡ không lường, soi sáng không biết đến đâu là cùng. Trên chót vót cây, có lưới báu lạ lùng phủ lên, làm cho mọi thứ trang nghiêm tùy ứng mà hiện. Khi có gió hiu từ từ nổi lên và thổi vào cành lá, thì phát ra âm thanh của Diệu Pháp không lường. Tiếng ấy

-
1. Nãb trang: Choãphat Nãb, hanh Nãb, nhö döôù coã BoãÑeà Phaï thanh nãb. Vay cây Nãb Trang ôũnãy còughóa an lao Chanh ñinh.
 2. Lyù daãn, 576 thöôù tay
 3. Nguyẽ quang ma ni: Ngöc baù anh saùng nhö mãe trang roi ban ñeãn
 4. Trì haũ luaân: Bành xe ngai nõôù biãn

tràn lan khắp các nước Phật. Những ai nghe được tiếng ấy thì được Pháp nhãn thâm sâu, ở hẳn trong bất thối chuyển¹, cho tới khi thành Phật đạo, lỗ tai trong suốt, không gặp hoạn nạn. Mắt thấy được hình sắc, tai nghe được tiếng, mũi biết được mùi, lưỡi nếm được vị, thân đặng được ánh sáng của cây Đạo tràng, tâm lấy "pháp" mà liên lạc được với cây ấy, thì tất cả đều được pháp nhãn rất sâu, ở hẳn trong bất thối chuyển, cho tới khi thành Phật đạo, sáu căn trong suốt, chẳng còn các sự phiền não hoạn nạn. Nay A Nan! Hạng trời, người ở nước ấy mà thấy được cây Đạo Tràng thì được ba pháp nhãn: 1) âm hưởng nhãn², 2) nhu thuận nhãn³, 3) vô sanh pháp nhãn⁴. Được ba pháp nhãn ấy là do sức mạnh uy thần, sức mạnh bản nguyện, lời nguyện đầy đủ, lời nguyện rõ ràng, lời nguyện kiên cố, lời nguyện rốt ráo của Phật Vô lượng Thọ.

Phật bảo An Nan: Bạc đế vương ở thế gian có trăm ngàn thứ âm nhạc. Những âm nhạc ấy bị âm nhạc của Chuyển luân Thánh vương chí âm nhạc của cõi Trời thứ sáu thắng mất. Nhưng muôn thứ âm nhạc của cõi Trời thứ sáu không bằng âm thanh

1. Bất thối chuyển: Không lui bước.

1. Âm hưởng nhãn: Cái nhãn do tiếng vang vọng mà có.

3. Nhu thuận nhãn: Cái nhãn mềm dịu thuận hòa.

4. Vô sanh pháp nhãn; Xem lại câu chú(37)

của những cây bầy báu ở nước Phật Vô lượng Thọ, vì âm thanh này hay hơn âm nhạc kia ngàn ức lần. Lại nữa (ở nước Phật), còn muôn thứ múa hát âm nhạc tự nhiên, và tiếng nhạc ấy, không tiếng nào là không phải tiếng Pháp, trong trẻo, líu lo, mầu nhiệm, êm đẹp, bậc nhất của mọi thứ tiếng trong mười phương thế giới.

Huyền Nghĩa:

Cây báu nơi Đạo tràng: ám chỉ cây Bồ đề, nơi đức Phật Thích Ca đắc đạo.

Trong dân gian, cây này có tên là Acvatha hay Pippala. Vì cây đã chứng kiến sự Đại giác của đức Phật nên người đời cho cây có tính cách linh hiển và đặt cho một biệt danh là Bodhivriksa hay Bodhidruma (cây Bồ đề). Mà Bồ đề là "giác", vậy cây Bồ đề là cây Giác ngộ, và khi nói đến cây là ý muốn nói đến sự giác ngộ.

Kinh Vô Lượng Thọ nói cây Bồ đề của Phật Vô Lượng Thọ cao 400 vạn lý, gốc tròn 50 do tuần, cành lá xòe ra 4 phía tới 20 dặm, và cây ấy cũng do 7 thứ báu hợp thành. Ý nói có 7 đức (thất Thánh tài) mới có Giác ngộ, và cái giác ngộ này là Đại Giác ngộ cho nên cao lớn và rộng trùm như đã thí dụ ở trên.

Trên cây Đạo tràng lại còn được trang hoàng bằng những chuỗi ngọc ma ni nguyệt quang (dụ cho huệ) và báu trì hải luân (dụ cho giới). Không trí huệ, không giữ giới thì không bao giờ đắc Đạo được.

Thấy được, tiếp xúc được với cây Đạo tràng, tức là thể hiện được sự giác ngộ. Có giác ngộ, là có ba thứ nhãn: 1) âm hưởng nhãn (như niệm Phật mà có tiếng vang trong tâm là hướng nội có kết quả và con người không còn chạy theo tiếng của trần thế nữa); 2) nhu

thuận nhãn (vì chạy theo ngoài nên tranh chấp, nay đã vào trong thì phải mềm dịu thuận hòa); 3) vô sanh pháp nhãn (tâm hết tạo nghiệp).

Làm sao thấy được cây Đạo tràng (được Giác ngộ)? Phải phát nguyện một cách đầy đủ, rõ ràng, kiên cố, rốt ráo, tức là phải có cái muốn cương quyết (volonté inébranlable). Chỉ có sức mạnh của cái muốn ấy mới đưa chúng sanh đến dưới cây Đạo tràng (tới chỗ giác ngộ).

Âm nhạc của thế gian, của cõi trời làm vui thức mà không làm tỉnh tâm, làm dấy tính mà không làm phát huệ, Chỉ có khúc nhạc vi diệu, do bầy đức hòa nhau trong chân tâm, thực tánh, mới là khúc nhạc hay vì nó giải thoát. Càng nghe được thứ nhạc ấy, càng thấm Đạo pháp.

*(trích tạp chí Từ Quang số 124, tr 38-43,
Sài Gòn tháng 5 năm 1962)*

XII. NHÀ CỬA CUNG ĐIỆN

Giảng đường, tinh xá, cung điện, lầu quán trong nước Phật đều trang sức bằng bảy thứ báu, tự nhiên hóa thành. Lại lấy trần châu, ngọc ma ni minh nguyệt kết thành râu, phủ trùm lên các nhà ấy.

HUYỀN NGHĨA:

Ở thế gian, nhà cửa cung điện đều bằng vật chất.

Sống trong nhà cửa đó là sống trong vòng vật chất, trong không khí vật chất mà đặc tánh là ô nhiễm, là thất đức...

Những tâm hồn đầy đủ bảy đức (thất thánh tài) là những tâm hồn thanh tịnh, và một khi đã thanh tịnh, những tâm hồn ấy không làm sao không sống trong phạm vi và không khí của bảy đức. Vì vậy mà Kinh quyền nói là sống trong những cung điện bằng bảy báu.

Các nhà cửa cung điện ấy lại còn được chuỗi ngọc ánh sáng trùm lên. Thí dụ này có nghĩa: sống trong bảy đức, dưới sự soi sáng của ma ni Bát nhã là Huệ.

Nói tóm và rõ ràng: Hễ có thanh tịnh là có Huệ.

Kinh A Di Đà đã lặp đi lặp lại bốn lần câu này: "**Cực lạc quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm**", với nghĩa: Nước Cực lạc mà xây đắp được như vậy, là nhờ sự tô bồi của các công đức. Công đức là công cán về mặt đạo đức (mérite moral), vậy nước **Cực lạc là một nước xây dựng bằng đạo đức**, và như thế thì đừng mong tìm nó trong vô số thế giới của Khoa Thiên văn...

Chúng ta làm được một công đức là chúng ta đã mua được một viên gạch để xây dựng tòa lâu đài của ta ở nước Vui sướng vô cùng vô cực rồi đó.

XIII. HỒ TẮM BẢY BÁU

Trong, ngoài, trái, mặt, có những hồ tắm, hoặc mười do tuần, hoặc hai mươi, ba mươi cho chí trăm ngàn do tuần, dài, rộng, sâu, cạn đều một loạt như nhau. Các hồ ấy đầy đầy nước tám công đức yên lặng, trong trẻo, thơm sạch, vị như cam lộ. Hồ vàng ròn thì đáy trắng cát bạc; hồ bạc trắng thì đáy trắng cát vàng ròn; hồ thủy tinh thì đáy trắng cát lưu ly; hồ lưu ly thì đáy trắng cát thủy tinh; hồ san hô thì đáy trắng cát hổ phách; hồ hổ phách thì đáy trắng cát san hô; hồ xa cừ thì đáy trắng cát mã não; hồ mã não thì đáy trắng cát xa cừ; hồ ngọc trắng thì đáy trắng cát vàng tía, hồ vàng tía thì đáy trắng cát ngọc trắng. Hoặc có hai món báu, ba món báu cho đến bảy món báu trộn lộn với nhau hợp lại mà thành.

Trên bờ ao ấy, có cây chiên đàn, bông lá rũ tỏa ra, mùi thơm xông cùng tất cả. Những hoa cõi Trời như Ưu bát la, Bát đàm ma, Câu mâu đầu, Phân đà ly, xen lộn mọi màu sáng tốt, phủ khắp trên mặt nước.

Chư Bồ tát, Thanh văn ở cõi ấy, hễ xuống các hồ báu này, ý muốn cho nước ngập chân, thì nước ngập chân; ý muốn cho nước tới gối, nước liền tới gối; ý muốn cho nước tới lưng, nước liền tới lưng; muốn cho tới cổ, nước liền tới cổ; muốn cho xối lên thân, tự nhiên nước xối lên thân; muốn cho trở lại

như cũ, nước liền trở lại. Nước ấy làm sáng tinh thần, làm đẹp thân thể, rửa sạch hết chất dơ trong tâm, trong sáng lắng sạch, không gợn, gần như vô hình. Cát báu ánh suốt, không chỗ sâu nào không chiếu tới. Sóng nhỏ chảy vòng, xây lộn xối rớt với nhau, an lành và từ từ chảy luôn, chẳng mau chẳng chậm. Sóng reo lên không kể xiết những tiếng mầu nhiệm tự nhiên. Tùy theo chỗ ứng, không ai không nghe: hoặc nghe tiếng Phật, hoặc nghe tiếng Pháp, hoặc nghe tiếng Tăng, hoặc nghe tiếng của Sự Vắng lặng (tịch tĩnh), tiếng của Không, của Vô ngã, tiếng của Đại Từ bi, tiếng của Ba la mật, hoặc tiếng của Thập lực, Vô úy, Bất cộng pháp⁽¹⁾, các tiếng của Sự

-
1. Mồôô sôô lơThập lực: Mồôô sôô mãnh trí hueăcưê Phaă: 1. Bieă choăphaă trau, 2. Bieă nghiêp bàu cầũnôă, 3. Bieă phep thiêũn ãnh giăũ thoăũ, 4. Bieă cầũn nao thăng cầũn nao lieă, 5. Bieă cầũn thồũtri giăũ cầũn chũng sanh, 6. Bieă heă cầũn cầũn giôũ cầũn chũng sanh, 7. Bieă heă cầũn choăđăũn đăũ chũng sanh ãeă, 8. Bieă thiêũn nhaũ voăngăũ, 9. Bieă tuũ măng voălaũũ, 10. Bieă ãoăũn tuyeă cầũn tăp kũ.

Voăũũ: Khoăng sôũ mớũ trong nhồũng ãoũ cầũn Phaă.

Băũ cồũng phăp: Mồôô phăp riêũng cầũn Phaă. Theo Tieũ thồũ thì cồũũ: Thăp lơũ, Tôũvoăũũ, Tam ãeũn trũũvăũũNăũ bi. Theo Năũ thồũ thì: Thăũ, khaũ, yũvoăthăũ; voăđũ tôũũũũ, voăbăũ ãnh tăũũ, voăbăũ tri kyũxăũ đũũ ãũchũng sanh voăgiăũũ, tĩũ tăũũ voăgiăũũ, ãeũn voăgiăũũ, giăũ thoăũũ voăgiăũũ, giăũ thoăũũ tri kieăũ voăgiăũũ, nhaũ thiêũ thăũ nghiêp tuyũ trí hueăhăũũ, nhaũ thiêũ khaũ nghiêp tuyũ trí hueăhăũũ, nhaũ thiêũ yũnghiêp tuyũ

Thông tuệ, tiếng của Vô sở tác⁽¹⁾, tiếng của Bất khởi Bất diệt⁽²⁾, tiếng của Vô sanh nhẫn⁽³⁾, cho đến tiếng pháp mầu của Cam lộ quán đảnh. Những tiếng như thế, xứng với những gì mà những tiếng ấy nghe được, vui mừng không kể xiết, tùy thuận theo nghĩa của Thanh tịnh, Ly dục, Tịch diệt, Chân thật, tùy thuận theo cái pháp Vô sở úy và Bất cộng của sức Tam bảo, tùy thuận theo con đường đi của các bậc Thông tuệ Bồ tát, Thanh văn. Không có những cái danh Tam đồ⁴, khổ nạn, chỉ có cái tiếng tự nhiên khoái lạc. Bởi cố, nước ấy tên gọi là Cực lạc⁵.

HUYỀN NGHĨA:

Hồi xưa và nhất là bên Ấn Độ, dân chúng thường chỉ có một lối tắm là tắm trong ao. Mà ao của thế gian thì đầy bùn nước đục. Tuy nhiên, không nước ao thì con người không còn phương nào khác để gội rửa

trí hueãhañh, trí hueãtri quaùkhòùtheávoàngaĩ, tri vò lai voàngaĩ, tri hieã tai theávoàngaĩ.

1. Vôasôutàu hay vôatàu: Laøm maøkhoàng nõng vaø mã nhàn duyeãn naø, nhõ ngõõ giõõ giõõ ñãõ thuañ, ba nghiẹp củ thaãn, khai, yù tuy khoàng còuyùgìn giõõmaøvañ ñuùng vòu giõõ luaĩ.
2. Baá khõu baá dieã: Cháung khõu mã tö töõng gì cho neãn cháung dieã mã tö töõng naø.
3. Vôasanh nhaãn: Xem cõõu chui(37).
4. Tam ñoà Ba neø: Ñõa nguõ, ngaiquæ suø sanh.
5. Còubañ vieã laøAn laẽ.

những bụi nhớp làm bẩn thân.

Nhưng chẳng phải chỉ có thân mới bị bụi trần làm dơ. Hàng ngày tâm con người cũng bị bụi trần làm ô trược. Làm thế nào để tẩy đây?

Phải tắm, không phải trong ao vật chất thế gian, mà trong ao bảy báu, đầy nước 8 công đức.

Theo Phật học Đại từ điển, chẳng những ở ao Cực lạc có thứ nước lạ lùng này, mà ở các biển trên núi Tu di và bảy Núi Vàng (Thất Kim sơn) cũng đầy đầy.

Còn 8 công đức của nước là gì? - Kinh "Xưng tán Tịnh độ" nói: "Sao gọi là nước 8 công đức? Một là lóng sạch, hai là trong lạnh, ba là ngọt ngon, bốn là nhẹ mềm, năm là nhuần thấm, sáu là an hòa, bảy là khi đang uống thì trừ được vô lượng sai lầm lo nghĩ của sự đói khát, tám là khi uống xong rồi thì nhất định các căn được trưởng dưỡng, thân thể được thêm mạnh khỏe".

Vậy muốn tắm, muốn uống được nước ấy, cần phải sang Cực lạc thế giới, nghĩa là phải giữ lòng thanh tịnh, không thì phải leo lên núi Tu di, nghĩa là cất mình, đưa tâm hồn mình lên chỗ cao thật cao, đừng để nó là đà dưới mặt đất thế sự. Cảnh thật cao ấy là cảnh Giải thoát. Hoặc nữa phải leo lên bảy ngọn Núi Vàng, là bảy nấc của chiếc thang Chánh định.

Nói trắng, muốn tắm mình trong ao đạo đức, để hưởng được cái sạch trong, lạnh mát, ngọt ngon, nhẹ

nhàng, an hòa, thay cho cái dơ bẩn, nóng bức, cay chua, nặng nề, tranh chấp của nhà lửa thế gian, thì phải áp dụng một trong ba phương pháp này là Thanh tịnh, Giải thoát và Chánh định.

Vì ý này, mà Kinh nói: "**Nước ấy làm sáng tinh thần, làm đẹp thân thể, rửa sạch chất dơ trong tâm...**".

Tùy mình, tùy sự cương quyết và công phu của mình mà được thanh tịnh, nhiều hay ít. Do đây Kinh nói "**Chư Bồ tát, Thanh văn ở cõi ấy, hễ xuống ao rồi, ý muốn cho nước ngập chân, thì nước ngập chân; ý muốn cho nước tới gối, nước liền tới gối...**"

Xuống ao, chẳng những tắm trong nước sạch mát, mà còn hưởng được cái thơm của Thiện, mà Kinh tượng trưng bằng mùi ngạt ngào của những hoa báu cõi Trời.

Đã là ao thì lẽ ra không có sóng. Nhưng vẫn có, khác chẳng là sóng ở ao bầy báu không gào thét làm đình tai nhức óc như sóng của biển trần. Trong thanh tịnh, con người nghe được tiếng sóng nhiệm mầu ấy, vì là tiếng của Giác ngộ (Phật), của Luật thiên nhiên (Pháp), của sự Điều hòa trong vũ trụ hay Harmonie universelle (Tăng). Tâm còn nghe được tiếng nói của tự mình (Tịch tĩnh) và nhiều tiếng khác đều là những lời tự mình nhắc nhở với mình những chân lý bất diệt như: vạn vật là không, ngã là cái gì không có thật...

Những tiếng ấy tùy thuận theo Thanh tịnh, Ly dục, Tịch diệt, nghĩa là khi tâm không trong sạch, không xa lìa mọi ham muốn, không vắng lặng, thì không bao giờ những tiếng ấy phát ra.

Thật vậy, làm sao nghe được tiếng của Từ bi, thí dụ, khi lòng ta còn vang dội tiếng của tham sân?

XIV. Y, THỰC TỰ NHIÊN

Này A Nan! Những ai sanh sang được nước Phật ấy thời có đầy đủ nào sắc thân thanh tịnh, nào những tiếng nhiệm mầu, nào những thần thông công đức như vậy. Nơi cung điện của các vị vãng sanh ấy ở, những quần áo, món ăn thức uống, những vật dùng trang sức bằng các thứ hoa thơm mầu nhiệm, tất cả những vật ấy đều giống như những vật tự nhiên ở cõi Trời thứ sáu. Hễ đến giờ muốn ăn, thì những bát (chén) bằng bảy báu tự nhiên có trước mặt. Những bát bằng vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách và trân châu minh nguyệt, tùy ý mà tới. Trăm thức ăn, uống tự nhiên đầy đủ. Tuy có những món ăn ấy, thực ra không có cái việc ăn, chỉ có thấy hình dáng, ngửi mùi, rồi ý cho là đã ăn thời tự nhiên no đủ, thân tâm mềm dẻo, chứ không có cái việc nếm vị. Xong rồi là bữa ăn biến mất, tới bữa khác lại hiện ra nữa.

Nước của đức Phật ấy trong sạch, an ổn, mầu

nhệm, vui sướng gần như cõi Niết bàn vô vi vậy.

HUYỀN NGHĨA:

Cảnh Cực lạc là cảnh của tâm thanh tịnh, mà tâm tầm thường còn không cần những quần áo, món ăn thức uống vật chất, hà huống tâm thanh tịnh!

Nhưng vì con người, quá đắm say đời sống vật chất, cho nên để giúp con người mạnh dạn tu hành, không sợ về Cực lạc thiếu ăn, thiếu mặc, Phật mới "phương tiện" lấy việc thế gian mà dẫn dụ.

Đứng về mặt khác mà xét thì thấy, tuy tâm nào phải thân mà cần ăn cần mặc đồ vật chất, tâm vẫn còn cái thèm. Có người thèm đến thấy ăn, thấy mặc như ý muốn trong giấc chiêm bao. Có người khác, ngay trong lúc thức, thèm quá đến thấy vật thèm trong tưởng tượng mà chảy nước dãi.

Tâm người tu hành thanh tịnh không có những thèm khát vật chất đó, nhưng có những thèm khát đạo đức, những món ăn TINH THẦN.

Món ăn mặc vật chất, muốn có, phải tạo, nào nấu nướng, nào may cắt; còn về tinh thần, muốn mặc áo nhẵn nhục chẳng hạn, là có nhẵn nhục liền, cần gì may cắt; muốn tận hưởng cái vị của hỷ xả, là ăn được hỷ xả ngay, cần gì nấu nướng. Do đây kinh nói các thứ ấy "tự nhiên đầy đủ".

Lại nữa, nói món ăn tinh thần, thật ra nào có cái

việc ăn như ăn cơm, ăn bánh. Chỉ là một thí dụ thôi. Sợ người nghe Phật, đọc Phật nghĩ sai hiểu lầm, Kinh thêm: Không có cái việc ăn.

Cứ nhớ lại những việc Kinh nói, như các vật đều trang sức bằng các thứ hoa thơm màu nhiệm, như bát chén bằng bảy báu và tự nhiên hiện bày, khỏi cần mua sắm, như ăn xong là bát chén cũng như món ăn còn dư đều biến mất để hiện trở lại, đủ thấy Phật muốn nói đến cái gì cách biệt hẳn chuyện thế gian.

Một bằng chứng khác để đánh đổ cái tin sai lầm là Thế giới Cực lạc nằm trong số thế giới do Thiên văn học tìm thấy!

Câu chót của đoạn XIV trên đây hàm chứa một cách quá rõ rệt cái nghĩa ẩn của lời Phật nói: "Nước của đức Phật ấy (Vô lượng thọ) trong sạch, an ổn, màu nhiệm, vui sướng gần như cõi Niết bàn vô vi vậy". Một thế giới của vũ trụ hữu vi mà vui sướng gần như Niết bàn vô vi là điều không thể có được.

*(trích tạp chí Từ Quang số 125,
tháng 6 năm 1962, tr. 33-39)*

XV. NHAN SẮC, DUNG MẠO ĐOAN CHÍNH

Những Thanh văn, Bồ tát, thiên, nhân trong nước Phật trí tuệ cao sáng, thần thông rộng suốt, đều đồng một loạt, hình không khác trạng. Chỉ vì để thuận theo các phương pháp cho nên mới đặt ra

những cái danh thiên, nhân vậy thôi. Nhan sắc, dung mạo của hàng thiên nhân này ngay thẳng, ngoài trần, ít có. Dung mạo, hình dáng của họ mâu nhiệm, chẳng phải trời, chẳng phải người; tất cả đều tự nhiên hưởng được cái thân hư vô, cái thể vô cực.

Phật bảo A Nan: Ví như trên đời có kẻ ăn mày nghèo cùng đứng cạnh một nhà vua, hình mạo dung trang đôi bên có thể như nhau không?

A Nan bạch Phật: Giả như kẻ ăn xin kia có đứng gần bên vua đi nữa thì cái thân tong teo, què mùa, xấu xa của anh ta làm sao đem so sánh với dung mạo của nhà vua được, vì kém xa đến trăm ngàn muôn ức lần, không thể nói xiết được.

Sở dĩ có điều ấy vì kẻ nghèo khó ăn xin, rơi sâu xuống chỗ thấp, áo chẳng che thân, ăn không đủ nuôi mạng, đói rét khốn khổ, làm ăn nguy ngập, đều tại đời trước không trồng gốc lành, chứa của không cho, giàu thêm ích kỷ, lại thêm tham muốn không chán, chẳng tin tu thiện, phạm ác như núi. Sống như vậy cho nên khi chết, tiền của tiêu tán, khổ thân chông chất tạo nên phiền não, với mình còn không ích lợi gì, hà huống đối với người khác, không lành để nhờ, không đức để tựa, bởi cố, chết rồi thì rơi vào nẻo ác, chịu khổ dằng dai. Tội hết, tái sanh vào nơi thấp hèn, ngu què cùng cực đối với người đồng loại. Sở dĩ ở thế gian, các bậc vua chúa là bậc độc

tôn trong loài người là vì nhờ đời trước đã chứa đức, thương yêu, cho rộng, nhân ái, giúp đỡ, tin tưởng, sửa lành, không điều trái ngược. Nhờ đó mà khi tuổi thọ chấm dứt, phước ứng được lên Thiện đạo. Nếu là bậc cao thì sanh về cõi Trời, hưởng nhiều phước lạc. Cái dư thưởng của việc làm lành, là được làm người, sanh vào nhà vua chúa, tự nhiên được quý trọng, dung mạo đoan chánh, ai thấy cũng kính, tùy lòng mà ăn ngon mặc đẹp, đó là nhờ chứa đức mà được như vậy.

Phật bảo A Nan: Người nói phải đó. Kể ra thì nhà vua, tuy là bậc tôn quý trong loài người, hình dáng đoan chánh, nhưng đem ra sánh với hàng Chuyển luân Thánh vương, thì thật rất què mùa, chẳng khác nào anh ăn xin kia đứng gần nhà vua vậy. Còn bậc Chuyển luân Thánh vương, oai tướng tốt đẹp lạ thường, hạng nhất trong thiên hạ, nhưng ví với Đạo lợi Thiên vương (Đế Thích) lại quá xấu xa, chẳng thể so sánh được với bậc muôn ức lần trội hơn. Nay giả sử đem Thiên đế ra so sánh với vị Thiên vương cõi Trời thứ sáu (Tha hóa Tự tại Thiên vương), thì cái khác tới trăm ngàn ức lần. Bây giờ lấy vị Thiên vương cõi Trời thứ sáu mà so sánh với các vị Bồ tát, Thanh văn trong nước của Phật Vô Lượng Thọ, thì nhan sắc sáng suốt của Thiên vương chẳng kịp nhan sắc trội hơn ngàn muôn ức lần của

Bồ tát, Thanh văn.

HUYỀN NGHĨA:

Nước Phật Vô Lượng Thọ là cảnh của tâm thanh tịnh ở chớ không phải của thân xác thịt, mà tâm nào cũng như tâm nào, cho nên Kinh nói "thân của người Tịnh độ đồng một loại".

Hình không khác trạng là tùy việc thế gian mà huyền nói, chớ tâm làm gì có hình có trạng, và cũng tùy việc thế gian mà chia có thiên, có nhân là hai hạng chúng sanh cao thấp khác nhau trong tam giới.

Vì sợ người đọc nghe hiểu lầm, Kinh thêm câu chót mà nghĩa sâu như thế này: Nếu dân chúng cõi Cực lạc mà có thân, thì thân ấy là thân hư vô (không không, trừu tượng, abstrait), còn thể của thân ấy là thể vô cực (tuyệt đối, principe absolu).



Thân người ăn mày - hàng thiếu đức - không đẹp bằng thân một ông vua - hàng có đức. Thân một ông vua không bằng thân của một Đại đế (Chuyển luân Thánh vương) là hàng có đức trội hơn. Thân Chuyển luân Thánh vương, sánh với thân các Vua Trời là hàng có đức cao hơn nữa, lại kém xa. Nhưng nhan sắc sáng suốt của bậc Vua Trời cao nhất, đem so sánh với nhan sắc sáng suốt của Bồ tát, Thanh văn cõi Tịnh độ, lại kém hơn ngàn muôn ức lần.

Vậy rõ đức không chẳng đủ, mà phải vừa có đức, vừa thanh tịnh, cái sáng suốt mới to. Sáng suốt là Huệ vậy, và vì có Huệ mới giải thoát mới "thành Phật", cho nên Kinh nhấn mạnh điểm này.

Có hai thứ đẹp: một của thân, một của tâm hồn. Nhưng dầu là của tâm hồn, cũng phải do thân mà đoán.

Đẹp thân của thân cũng có hai thứ, đẹp lành và đẹp ác.

Đẹp ác là cái đẹp quyến rũ, cái đẹp khiêu dâm, chứng tỏ một tâm hồn bất chánh, đa dục.

Đẹp lành là cái đẹp hiền hòa, nhu thuận, chứng tỏ một tâm hồn chân chánh, thanh tịnh, trang nghiêm.

Sự sai khác giữa hai cái đẹp này dễ nhận ở chỗ cái đẹp ác không sáng, còn cái đẹp lành thì hực hỡ như vừng thái dương.

Vậy thân nào đẹp sáng bao nhiêu, thì trí đức của thân ấy cũng tốt đẹp bấy nhiêu. Nhưng đã còn là chúng sanh, dầu là hạng thiện nhiều ác ít (Thiên) đi nữa, thì tâm vẫn chưa phải là tâm thanh tịnh như hàng vị tha (Bồ tát) và thức tỉnh (Thanh văn) đã đắc thanh tịnh (ở nước Cực lạc). Do đây Kinh bảo cái đẹp tâm hồn của tất cả các hạng chúng sanh, từ thấp lên cao, đều không bằng cái đẹp tâm hồn của những bậc vị tha, thức tỉnh an trú trong thanh tịnh.



Phật bảo A Nan: Những quần áo, miếng ăn, thức uống, hoa hương, chuỗi mủ, cờ xí, âm thanh hết sức nhiệm mầu, nhà cửa, cung điện, lầu gác của những trời, người nơi nước Phật Vô Lượng Thọ, đều tùy hình sắc của họ mà cao thấp, lớn nhỏ, hoặc bằng một báu, hai báu, chí đến vô lượng thứ báu. Tùy ý muốn của họ, mà những thức này có ngay. Lại lấy áo mầu nhiều báu trải khắp mặt đất, tất cả trời, người đặt chân lên đó mà đi. vô số lưới báu che trên đất Phật, cũng đều bằng vàng ngọc thật, trăm ngàn đủ thứ báu, lạ mầu quý khác, treo qua vắt lại trang nghiêm, bao quanh bốn mặt. Trên không lại còn những chuông báu tòng teng, sắc sáng lòe mắt, hết sức là nghiêm trang tốt đẹp. Tự nhiên gió đức chậm rãi nổi lên khe động, điều hòa, chẳng lạnh chẳng nóng, ấm áp mềm mại, chẳng mau chẳng chậm, thổi vào các lưới cùng các cây báu, làm phát sanh vô lượng tiếng pháp nhiệm mầu và làm lan cùng muôn thứ hương đức đẹp ấm. Ai nghe được tiếng gió ấy thì những lao khổ thế gian, những tập quán như bản tự nhiên chẳng khởi. Gió đưng đến thân, liền được khoái lạc tỷ như các vị Tỳ khưu được "tam muội tận

diệt"¹.

HUYỀN NGHĨA:

Người đức hạnh, thanh tịnh, sống cho tâm mà không sống cho thân, vì vậy lấy đức và thanh tịnh mà làm thức ăn thức mặc, làm nơi trú ẩn (nhà cửa, lầu gác) cho tinh thần. Đức to thì bủa rộng, chỗ an trú cao lớn; đức nhỏ thì bủa hẹp, chỗ an trú thấp hẹp, như tùy thân mà xây nhà cao thấp, lớn bé. Đây là ý của câu kinh: "... lầu gác của những trời, người nơi nước Phật Vô Lượng Thọ, đều tùy hình sắc của họ mà cao thấp, lớn nhỏ..."

Những lầu gác ấy còn hoặc bằng một báu, hai báu chí đến vô lượng thứ báu, nghĩa là họ muốn xây lầu cho tâm họ ở bằng toàn một thứ báu Từ, hay bằng nhiều thứ báu khác như Bi, Hỷ, Xả v.v..., đều được hết, không bị một gì ngăn ngại. Và tùy ý muốn của họ mà họ có ngay những vật liệu để xây cất những lầu gác ấy. Thật vậy, chúng ta muốn có Từ không? Cứ muốn là có ngay, chúng ta không đợi giàu hay đợi có phép mới mua được.

Dưới chân đi thì có thảm áo báu, trên đầu che thì có lưới lạ chuông linh. Câu này có nghĩa: hễ đắc thanh

1. Tam muoã hay Tam ma ñeà (samadhi) laø chaøn ñoàn. Tam muoã taãn dieã laø vaø chaøn ñoàn dieã trøømoï võng töøng ñeán taãn goá.

tịnh (người của nước Phật Vô Lượng Thọ) thì đi, đứng, nằm, ngồi, hoàn toàn được bao bọc trong đức hạnh và trí huệ, không một chỗ hở.

Trong cảnh ấy, dầu có gặp cơn gió lốc tức là những cảnh bên ngoài thường làm cho mừng, giận, thương, vui... nổi lên - người thanh tịnh vẫn thấy tâm mình chỉ khẽ động chớ không xao xuyến nhiều, điều hòa mà không bỗng bật. Nếu từ trong cái khẽ động điều hòa ấy có một tiếng phát ra sai sử, nhất định tiếng đó là tiếng của Chân lý (Pháp), chớ không phải của Hư vọng.

Nghe được tiếng của Chân lý, làm gì không làm theo Chân lý. Làm theo Chân lý là hợp với đức. Hợp với đức cho nên tiếng thơm (hương đức) được lan, thân tâm nhẹ nhàng (những lao khổ thế gian và những tập quán như bản tự nhiên chẳng khởi). Hưởng được cái mát mẻ nhẹ nhàng ấy, là hưởng được một khoái lạc tinh thần y như cái khoái lạc tinh thần của các bậc tu hành đã vào chánh định và diệt trừ mọi vọng tưởng đến tận tận gốc.



Lại nữa, gió còn rải hoa đầy khắp nước Phật, thứ lớp tùy màu không hề xáo trộn, mềm mại, bóng dợn, mùi hương nồng nhiệt. Chân bước trên đất ấy thì đất lún xuống 4 tấc, nhưng khi giở chân lên thì

mặt đất trở lại như cũ. Hoa rải xong là tiêu mất, mặt đất hiện bày trở lại sạch sẽ như trước, không hề sai chạy. Tùy thời tiết, gió thổi tung hoa như vậy quanh đi quanh lại sáu lần. Lại nữa, những hoa sen bảy báu đầy khắp thế giới, mỗi mỗi hoa báu có trăm ngàn ức lá màu sắc trong sáng không thể nói xiết. Sen xanh thì sáng ánh xanh, sen trắng thì sáng ánh trắng, tím, vàng, đỏ, tía cũng tùy màu mà sáng ánh như thế, hực hỡ hơn mặt trời mặt trăng. Từ trong mỗi hoa, phát ra ba mươi sáu trăm, ngàn, ức ánh sáng; từ trong mỗi luồng ánh sáng, lại phát ra ba mươi sáu trăm, ngàn luồng ánh sáng khác, soi cùng 10 phương, tuyên thuyết pháp mầu. Như thế, chư Phật an lập vô lượng chúng sanh trong chánh đạo của Phật.

HUYỀN NGHĨA:

Gió rải hoa là gió làm rụng hoa, mà mỗi hoa ở Tịnh độ là một trong 7 báu (7 đức), vậy mỗi màu xanh, trắng, vàng, tím... nói trong Kinh là tượng trưng cho mỗi đức.

Nên hiểu một cách chân chánh nghĩa của thanh tịnh, mẹ đẻ của chánh định.

Định mà bất động, đức Lục Tổ bảo là cây đá. Mà con người là loài có tri giác, thì bảo bất động sao được? Vậy bản chất của con người là động.

Có hai lối động, một theo thường tình (bất thanh tịnh), một theo lối Cực lạc (thanh tịnh).

Vậy đâu là đặc thanh tịnh rồi, tâm người tu vẫn còn động, vẫn còn bị gió làm rụng hoa. Nhưng hoa gì? Phải chăng những thứ hoa đại độc hại, giết người, giết mình? Không. Toàn là những hoa đức, và mỗi thứ phân biệt, thứ lớp tùy màu, như lúc hoa "biết hổ thẹn" (tàm) phải rơi là rơi, hay lúc hoa "tự tin" (tín) phải rớt là rớt, không xáo trộn như trên miếng đất tâm phàm bất tịnh mà đôi thứ xà ngẫu, làm cho con người vừa biết hổ thẹn cho việc xấu vừa làm, mà cũng vừa quá tự tin đến nỗi bệnh mình mà chối ác.

Lại nữa, người thanh tịnh là người đã xả kỷ, quên mình, cho nên khi đáng và phải hổ thẹn (đi trên mặt đất rải hoa), là đi sâu vào cái hổ thẹn ấy (mặt đất lún xuống) để thấy thật rõ lỗi mình, không như người thế gian ướ trước, tuy cũng biết hổ thẹn, nhưng chỉ đi phớt trên mặt.

Một cái khác nữa giữa đôi đàng, thanh tịnh và bất thanh tịnh, là người Cực lạc không nắm giữ cái hổ thẹn mãi, để rồi chán nản sanh hờn. Một khi đã biết xấu hổ và hối cải xong, là rồi, tâm trở lại quân bình (mặt đất trở lại như cũ, hết lún, và hoa cũng hết rơi).

"Tùy thời tiết, gió thổi tung hoa như vậy, quanh đi quanh lại 6 lần". Sáu lần ám chỉ 6 giờ, tức là ngày đêm, theo lối tính thuở xưa (ngày đêm 6 giờ: trú dạ lục

thời), sau chia làm 12, bây giờ chia làm 24. Vậy một giờ hiện nay bằng 1/4 giờ hồi xưa.

Ý nghĩa của câu kinh vừa nhắc lại là: Tùy việc mà cho tung một trong các thứ hoa báu - nên hiểu tùy trường hợp mà gieo, mà làm nảy nở những hoa đức hạnh, nhưng nhớ là đừng cho gián đoạn, mà phải liên tục mãi, ngày đêm nào cũng như ngày đêm ấy. Có như thế, ánh sáng của các đức mới hực hỡ, tức là mới tăng lên, và tâm mới nằm yên trong con đường giải thoát (an lập trong chánh đạo của Phật).

(trích tạp chí Từ Quang số 126-127, tr. 61-67, Sài Gòn tháng 7-8 năm 1962)



QUYỂN DƯỚI

I. CÓ CHÁNH ĐỊNH MỚI VẮNG SANH

Phật bảo A Nan: Những chúng sanh nào được sanh về nước Phật ấy đều phải đứng hẳn vào chỗ tựa của chánh định¹. Tại sao thế? Vì nơi nước Phật ấy, không có tà tụ², cũng không có bất định tụ³. Chư Phật Như Lai ở khắp mười phương, đông như cát sông Hằng, đều một lòng khen ngợi uy thần, công đức không thể nghĩ bàn của Phật Vô Lượng Thọ. Trong hàng chúng sanh, có chúng sanh nào nghe được danh hiệu của Phật Vô Lượng Thọ mà vui mừng tin tưởng cho đến một niệm hết lòng hồi hướng, nguyện sanh về nước Phật ấy, tất được sanh sang, ở mãi trong bất thoái chuyển, trừ những kẻ phạm tội ngũ nghịch, phỉ báng Chánh pháp.

-
1. Túi la sơn hòm hộp, tồ la tập trung (concentration) nhờ chùng ta nou bậy giô - Chành ãnh la giô y ãnh va choã chành chành. Vây tui củ chành ãnh còu nghóa la tập trung tồ tồu va choã chành chành.
 2. Ta tui - Ta la cong vạy. Ta tui la tui khoàng ãnh ãnh (tập trung tồ tồu va ãnh vie ba chành, cong vạy).
 3. Ba ãnh tui - Khoàng thea còu tập trung tồ tồu khi long con nhòu tồu nhiea vie (ba ãnh).

HUYỀN NGHĨA:

Chánh định là tập trung tư tưởng, nhớ nghĩ vào một chỗ và chỗ ấy phải hoàn toàn chân chánh.

Người ác, tập trung tư tưởng (tụ) vào việc bất chánh, như đào tường khoét vách, như trả oán trả thù, họ cũng "định", nhưng là một cái định vào nẻo tà.

Muốn tập trung tư tưởng vào một chỗ chân chánh thì chỗ ấy phải là ở Phật, vì không còn ai hay không còn gì chân chánh hơn Phật.

Lại nữa, cái muốn ấy phải là một cái muốn hết sức tha thiết, duy nhất, và được cái muốn ấy là được thanh tịnh (sinh sang Tịnh độ).

Những kẻ phạm tội ngũ nghịch và phỉ báng Chánh Pháp, nhất định không được thanh tịnh, vì họ có tin Chánh Pháp đâu mà nhất tâm niệm Phật, hay vì họ đã quá mù tối đến nỗi giết cha, hại Phật...

II. BA HẠNG VÃNG SANH

Phật bảo A Nan: Số trời người trong mười phương thế giới chí tâm nguyện sanh về nước Phật ấy, chia ra làm ba hạng.

Hạng thứ nhất là những người bỏ nhà cửa, ném ham muốn mà làm Sa môn, phát tâm bồ đề, hướng về một chỗ, chuyên tưởng Phật Vô Lượng Thọ, tu tập mọi công đức, nguyện sanh về nước của Ngài.

Hạng chúng sanh này, đến giờ phút lâm chung, được Phật Vô Lượng Thọ cùng các hàng đệ tử hiện ra trước mặt, rồi theo Phật Vô Lượng Thọ mà sanh sang nước Ngài, liền tự nhiên hóa sanh trong hoa bảy báu, ở vững trong bất thối chuyển, trí huệ mạnh mẽ, thân thông tự tại. Bởi cố, này A Nan, nếu có chúng sanh nào muốn trong đời này thấy được Phật Vô Lượng Thọ thì nên phát tâm bồ đề vô thượng, tu tập công đức, nguyện sanh về nước Phật.

Phật bảo A Nan: Hạng thứ nhì là hạng dân chúng của các cõi trời, người, chí tâm nguyện sanh về nước Phật, tuy chẳng thể làm bậc Sa môn, đại tu công đức, phát tâm bồ đề vô thượng, nhưng một hướng chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ, làm lành ít nhiều, vâng giữ trai giới, phát tâm xây đức tháp tượng, ăn uống theo Sa môn, treo phướng đốt đèn, tán hoa đốt hương, lấy đó mà hồi hướng, nguyện sanh về nước Phật. Những hạng người ấy, khi gần chết, Phật Vô Lượng Thọ hóa hiện ra, thân tướng ánh sáng, tốt đẹp đầy đủ như Phật thật, cùng với các đệ tử, hiện ra trước người sắp chết. Những người này sẽ theo Phật hiển hóa mà sanh sang nước Phật, đứng vững trong bất thối chuyển, công đức và trí huệ như hạng thứ nhất, nhưng kém hơn.

Phật bảo A Nan: Hạng chót hết là những dân chúng của các cõi trời, người, hết lòng muốn sanh

về nước Phật, giả sử không hay làm mọi công đức thì nên phát tâm bồ đề vô thượng, một hướng chuyên ý cho đến mười niệm, tưởng nhớ Phật Vô Lượng Thọ, nguyện sanh về nước Ngài. Nếu nghe được Pháp sâu, vui mừng tin tưởng, không sanh nghi hoặc, thậm chí một niệm tưởng nhớ Phật Vô Lượng Thọ, cho đến tâm thành nguyện sanh về nước Ngài, thì những người ấy, khi gần chết, nằm mộng thấy Phật Vô Lượng Thọ, cũng được vãng sanh, công đức và trí huệ giống như hạng thứ hai, nhưng kém hơn.

HUYỀN NGHĨA:

Có 3 đường lối để được về cõi thanh tịnh:

1. Xuất gia tu hành, chuyên tưởng Phật Vô Lượng Thọ, tu tập mọi công đức và nguyện sanh về Tây Phương. Ấn chứng: khi lâm chung, được Phật Vô Lượng Thọ cùng các hàng đệ tử **hiện ra trước mặt**, rồi theo Phật mà về nước Ngài.

2. Tại gia tu hành, làm lành, trai giới, bỏ việc đời theo nẻo đạo, chuyên niệm Phật, hương đăng, tháp tượng cúng dường, nguyện sanh về Tây phương. Ấn chứng: khi gần chết, Phật A Di Đà (tức Phật Vô Lượng Thọ) cùng các đệ tử **hóa hiện ra trước mặt**, rồi cùng Phật sanh sang Cực lạc.

3. Tại gia lòng lành, tuy chưa làm được mọi thứ công đức, nhưng mong muốn giải thoát (phát tâm bồ

đề), một lòng hướng về Phật Vô Lượng Thọ trong 10 niệ^m mà không loạn và nguyện sanh về nước Ngàⁱ. Ấn chứng: khi gần chết, **nằm mộng** thấy Phật Vô Lượng Thọ rồi cũng được vãng sanh, công đức trí huệ giống như hạng thứ hai, nhưng kém hơn.

Vậy tùy công phu tu tập mà kết quả có khác, không phải trong sự vãng sanh, mà trong chỗ thấy Phật. Thứ nhất thấy **Phật thiết** hiện ra (tức kiến Tánh), hạng thứ nhì thấy **hóa Phật** (tức là thấy theo hình tướng tượng trưng mà bấy lâu đã lễ bái, tin tưởng), còn hạng thứ ba không thấy được trong lúc thức mà thấy trong giấc mộng, vì nhờ đã hết sức tin tưởng.

Nhưng dầu thấy bằng cách nào, người được thấy đều hưởng được như nhau, là vui lòng theo Phật mà không còn vương víu với một vật gì ở thế gian. Ai vui mà đi như thế là quả đã vãng sanh vậy.

*(trích tạp chí Từ Quang số 126-127,
tháng 7-8 năm 1962, tr. 61-71)*



Phật bảo A Nan: Oai thần của Phật Vô Lượng Thọ không cùng. Chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới vô lượng vô biên, không Phật nào là không ca ngợi (oai thần ấy). Chư Bồ tát ở hằng sa

nước Phật phương Đông đều sang đến nước Phật Vô Lượng Thọ cung kính cúng dường, cùng với đại chúng Bồ tát, Thanh văn, nghe nhận kinh pháp, tuyên bố đạo hóa. Các Bồ tát ở phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương cạnh, phương trên, phương dưới, đều cũng như thế.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn mới nói bài tụng như sau:

1. Đông phương các nước Phật,
Nhiều như cát sông Hằng,
Bồ tát các nước ấy
Sang châu Vô Lượng Giác.
2. Nam, Tây, Bắc, bốn hướng (cạnh)
Trên, dưới, đều như thế,
Bồ tát các phương này
Sang châu Vô Lượng Giác.
3. Tất cả chư Bồ tát,
Mỗi cầm hoa thánh mẫu,
Hương báu, áo vô giá,
Cúng dường Vô Lượng Giác.
4. Tự nhiên nhạc trời tấu,
Thông phát hòa nhã âm,
Ca ngợi Tối thắng tôn

Cúng dường Vô Lượng Giác.

5. Rốt được thần thông huệ
Đi vào cửa Pháp sâu,
Đầy đủ kho công đức
Trí mầu không sánh kịp.
6. Huệ nhật soi thế gian
Làm tan mây sanh tử,
Cung kính quanh ba vòng
Cúi đầu lễ Vô thượng.
7. Thấy nước Phật nghiêm tịnh
Nhiệm mầu khó nghĩ bàn,
Nhân phát tâm vô thượng
Nguyện nước mình cũng thế.
8. Ngay đó Phật Vô Lượng
Dung nhan khởi tươi cười
Miệng xuất vô lượng quang
Khắp soi mười phương nước;
9. Xoay hào quang quanh mình
Ba vòng rồi nhập đảnh.
Tất cả loài trời, người
Nhảy nhót đều mừng rỡ.
10. Bồ tát Quán Thế Âm

Sửa áo cúi đầu thưa:

Bạch Phật cố sao cười,

Xin Phật cho biết ý.

11. Tiếng Phạm như sấm nổ,
Tám âm suốt diệu vang:
Sẽ thọ ký Bồ tát,
Nay thuyết nhân cố thính.
12. Nay Bồ tát mười phương,
Ta đều biết nguyện người
Chí cầu đạt nghiêm tịnh
Quyết tâm sau thành Phật.
13. Nên tỉnh biết các "pháp"
Giống như mộng, huyễn, vang
Lưỡng túc¹ bao nguyện mẫu,
Hẳn thành nước tịnh ấy.
14. Biết "pháp" như điện, ảnh,
Rớt vào đường Bồ tát.
Đầy đủ bao công đức,
Nhận quyết sẽ thành Phật.
15. Thông suốt các "pháp tánh"

1. Lồông từ: Hai câu "ñày ñũitron veñ" (plemitudes) ôuPhaã laø
Phuø ñõu ñày ñũivaøTrí hueã(sageasse) ñày ñũu

Tất cả KHÔNG, VÔ NGÃ,
Chuyên cầu đất Phật tịnh
Ắt thành nước như thế.

16. Chư Phật bảo Bồ tát:
Nên châu Phật An Dưỡng,
Nghe pháp vui lãnh làm,
Sớm được xứ thanh tịnh.
17. Đến nước nghiêm tịnh rồi
Chừng ấy được thần thông,
Tất nơi Vô Lượng Tôn,
Thọ ký thành Đẳng giác.
18. Sức nguyện gốc của Phật,
Nghe danh muốn vãng sanh,
Đều được đến nước Phật
Tự đặt chỗ không lui.
19. Bồ tát hết lòng nguyện
Nguyện nước mình không khác,
Khấp nhớ độ tất cả,
Danh rạng rỡ mười phương.
20. Phụng sự ức Như Lai,
Bay hóa khắp các nước,
Cung kính vui vẻ đi,

Xong về An dưỡng quốc.

21. Nếu người không gốc thiện,
Chẳng thể nghe kinh này.
Người thanh tịnh giữ giới
Bèn được nghe chánh pháp.
22. Từng năng thấy Thế Tôn,
Ắt năng tin thử sự.
Khiêm kính nghe theo làm,
Nhảy nhót vui mừng rộn.
23. Kiêu ngạo cùng lưỡi biếng
Khó lòng tin thử pháp.
Kiếp trước có thấy Phật
Mới vui nghe Phật dạy.
24. Thanh văn hoặc Bồ tát
Không năng đạt thánh tâm
Tỷ lợt lòng đã dui
Mà muốn dẫn người khác.
25. Như Lai trí như biển
Rộng sâu không bờ bến,
Hai Thừa không thể lượng,
Chỉ Phật riêng hiểu rõ.
26. Giả sử tất cả người

- Đầy đủ đều đắc đạo,
Trong sáng biết "vốn không",
Ức kiếp suy Phật trí,
27. Hết sức cố giảng thuyết,
Đến chết như không biết:
Phật huệ không ranh bạn.
Như thế giữ lòng thanh.
28. Đời sống rất khó được,
Phật giảng cũng khó gặp.
Làm người khó tín, huệ,
Bằng nghe, gắng sức cầu.
29. Nghe pháp mà chẳng quên,
Thấy, kính, được phúc lớn,
Gần Phật như bạn thân,
Bởi cố nên phát ý.
30. Thế giới lò đầy lửa,
Muốn qua phải nghe pháp.
Đến khi thành Phật đạo,
Rộng cứu giòng sanh tử.

HUYỀN NGHĨA:

A Di Đà là Vô Lượng Quang, mà Quang tiêu biểu

cho Giác ngộ, vậy Vô Lượng Quang là Vô Lượng Giác.

Bồ tát là hạng những truy cầu sự Giác ngộ, thì tâm trí phải hướng về đó, vì vậy bài tụng nói "chư Bồ tát 10 phương sang châu Phật Vô lượng Giác". Chẳng những hướng mà còn phải lấy thanh tịnh (hoa thanh), giới đức (hương báu) và nhẫn nhục (áo vô giá) làm lễ phẩm cúng dường Phật Giác ngộ.

Làm được hai việc ấy, Bồ tát sẽ nghe được tiếng nhiệm mầu như từ trên không vang xuống (nhạc trời) nhưng thật sự là tiếng của Chân tâm, và rốt được thần thông, nghe thấy những gì mà tai phàm mắt tục không nghe thấy, đi sâu vào Chân lý (cửa Pháp), công đức, trí huệ đầy đủ, thoát vòng sanh tử và thấy rõ Chân tánh (lễ Vô lượng Phật). Đó là nghĩa sâu của những đoạn từ 1 tới 7 trong bài tụng.

Vậy thanh tịnh là điều kiện cốt yếu của giác ngộ (thành Phật), và muốn thực hiện được điều kiện này, cần thức tỉnh mà biết rằng:

- Đứng về mặt **tướng** mà luận, thì các pháp (sự vật), tuy có (existant), mà không thật (irrèel), cho nên Phật xem vạn vật như những điều trông thấy trong giấc chiêm bao (mộng), như những trò hát thuật (huyễn), như tiếng dội trong hang (vang), như làn điện xẹt (điện), như bóng trăng dưới nước trong gương (ảnh) -

(đoạn 13 và 14).

- Đứng về mặt **tánh** mà xét, thì các pháp đều do các chất hợp thành, vì vậy nếu có thì các chất là có, còn vật thì thật là không, vì ngoài chất không có vật. Đến như tìm cái anh chủ tể trong vật, như tìm "cái ta" ở con người, "cái hội" ở một nhóm người "cái bàn" ở sự kết hợp của những mảnh gỗ, thì đến chết cũng không tìm ra. Do đây, Phật dạy các pháp là "vô ngã" - (đoạn 15).

Có thanh tịnh là có sự an ổn trong tâm (paix intérieure) mà Kinh gọi là "châu Phật an dưỡng". Thanh tịnh và an ổn đã có thì nhất định sẽ thành Chánh giác (đoạn 16 và 17).

Nhưng được cùng không được, không phải do ngoại duyên mà do cái muốn mạnh hay yếu của mỗi người. Đây là nghĩa của câu "sức nguyện (nguyện lực hay force de volonté) là gốc của sự thành Phật" (đoạn 18).

Hễ là Bồ tát quên mình vì người, thì phải đem hết thiện chí vừa tự sửa mình trong sạch, vừa giúp đỡ người, việc gì cũng làm nhưng không để cho đời lôi kéo, làm xong rồi thôi, lòng an nhiên như không có làm gì hết (trở về an dưỡng quốc) (đoạn 19 và 20).

Lý thì như vậy, nhưng không phải dễ mà nghe, dễ mà hiểu, mà tin, mà hành những lời Phật dạy, nếu không phải là người đã từng sống trong sự thức tỉnh

(từng năng thấy Thế tôn), không kiêu ngạo tự hào và không lười biếng. Vui nghe lời Phật, không phải là bậc tầm thường đâu, mà là những người trong kiếp trước đã thấy Phật, với nghĩa hoặc có thấy thật nhờ sanh đồng thời với Phật, hoặc đã phát tâm tu hành và thấy được một phần ánh sáng Giác ngộ. Nên nhớ: trí Phật như biển, rộng sâu không bờ đáy, đừng lấy óc phàm mà mong đo lường.



Phật bảo A Nan: Bồ tát ở nước ấy đều sẽ đến chỗ rốt ráo, sanh trở lại có một lần rồi bỏ xứ làm Phật, trừ khi nào các vị phát nguyện, vì chúng sanh, rộng tu công đức, vừa tự trang nghiêm, muốn khắp độ thoát tất cả chúng sanh.

A Nan! Trong nước Phật ấy, chư Thanh văn có thân ánh sáng xa một tầm (8 thước), còn ánh sáng của hàng Bồ tát thì xa đến trăm do tuần. Có hai Bồ tát được tôn kính bậc nhất, ánh sáng oai thần chiếu soi ba ngàn đại thiên thế giới.

A Nan bạch Phật: Danh hiệu của hai Bồ tát ấy là gì?

Phật nói: Một, tên Quán Thế Âm, hai, tên Đại Thế Chí. Hai Bồ tát ấy, ở tại nước này tu hạnh Bồ tát, khi mạng dứt, chuyển hóa sanh về nước Phật

kia. A Nan! Nếu có chúng sanh nào sanh về nước Phật kia, thì những chúng sanh ấy tất phải đầy đủ 32 tướng tốt, trí huệ thành tựu viên mãn, vào sâu mọi pháp cho đến chỗ rốt ráo thiết yếu và nhiệm mầu, thần thông không ngại, các căn sáng bén. Hạng căn cơ cùn cạn thì thành tựu được hai "nhẫn", hạng căn bén thì được cái nhẫn chẳng thể kể xiết gọi là "Vô sanh pháp nhẫn"⁽¹⁾. Lại nữa, những Bồ tát ấy, dẫn đến khi thành Phật, không trở lại nẻo ác, thần thông tự tại, thường biết các đời trước của mình, trừ trường hợp sanh về phương khác, nơi thế giới có 5 loại như bản thì thị hiện đồng một tướng như ở nước của ta vậy.

Phật bảo A Nan: Bồ tát ở nước Phật ấy, nhờ oai thần của Phật, cho nên trong thời gian ngắn của một bữa ăn, đi sang vô lượng thế giới của mười phương, cung kính cúng dường chư Phật Thế tôn. Tùy lòng nhớ tưởng mà hoa, hương, múa, nhạc, khăn đội, cờ xí, vô số vô lượng những đồ vật cúng dường tự nhiên hóa sanh, đúng với lòng nghĩ mà tới, mỗi mỗi đều quý báu, nhiệm mầu, đặc biệt, cõi thế gian không bao giờ có. Khi tung lên trên chư Phật, Bồ tát và hàng Thanh văn, thì những vật ấy, tại trong hư không, hóa thành lọng hoa sắc sáng như

1. Xem lô chui65 vaø37.

mặt trời, khí thơm khắp xông. Vòng tròn của hoa ấy tới bốn trăm dặm, rồi rộng lớn thêm cho đến che trùm ba ngàn đại thiên thế giới. Những lọng hoa ấy, tùy hiện ra trước hay sau mà thứ tự hóa mất. Những Bồ tát ấy đều tự nhiên vui mừng, trong hư không, cùng nhau trỗi nhạc trời, để dùng tiếng nhiệm mầu mà ca ngợi những đức của Phật, nghe lãnh kinh pháp, hoan hỷ vô lượng. Cúng dường Phật xong, tuy chưa ăn cơm, nhưng bỗng thấy tự nhiên nhẹ nhàng, bèn trở về nước mình.

Phật bảo A Nan: Vì các hàng Thanh văn và Bồ tát, Phật Vô Lượng Thọ, lúc ban bố tuyên thuyết Pháp mầu, tập hội tất cả thánh chúng tại Giảng đường xây cất bằng 7 báu, rộng tuyên đạo giáo, diễn xướng diệu pháp, không ai là không vui mừng, tâm giải, được đạo. Ngay lúc ấy, 4 phương tự nhiên gió nổi, khắp thổi cây báu, làm phát sanh năm thứ âm thanh, mưa đổ vô lượng hoa báu, hoa này theo gió mà bay khắp nơi, tự nhiên cúng dường, như thế không lúc nào dứt. Tất cả người cõi Thiên đều chở lên trời trăm ngàn hoa thơm, muôn thứ múa nhạc, cúng dường Phật Vô Lượng Thọ cùng chư Bồ tát, Thanh văn, tung hoa thơm rộng khắp, tấu các thứ âm nhạc, trước sau lui tới rồi cùng nhau mở lối tránh đi. Đương lúc ấy, ai ai cũng vui vẻ sung sướng không thể nói xiết.

HUYỀN NGHĨA:

Người thường sống trong vô minh, cho nên đen tối, "không có ánh sáng". Hàng tu hành Thanh văn, Bồ tát sống trong giác ngộ, cho nên thân "có ánh sáng". Nhưng ánh sáng của Thanh văn không bằng ánh sáng của Bồ tát - 8 thước đối với 96 muôn thước - chỉ vì Thanh văn chưa thấy xa và chưa hành lớn bằng Bồ tát.

Có hai Bồ tát được trọng kính hơn hết và ánh sáng oai thần rộng chiếu hơn hết là Quán Thế Âm và Đại Thế Chí. Tại sao thế? Tại vì không Từ bi (Quán Thế Âm) và không Trí huệ (Đại Thế Chí) thì không thành Phật để cho đời tôn trọng và để soi sáng cho chúng sanh.

III. CÔNG ĐỨC CỦA CHƯ BỒ TÁT

Phật nói với A Nan: Những lời giảng thuyết của các Bồ tát sanh về nước Phật Vô Lượng Thọ đều là tuyên dương chánh pháp, tùy thuận trí huệ, không sai không mất. Ở nước của các vị ấy, đối với vạn vật, các vị không có tâm ngã, sở; không có tâm nhiễm dính; lại qua, tới dừng, tình không bị cột, tùy ý tự tại, không chấp phải trái¹, không người không ta,

1. Nguyên văn: Thích maṃ. Noṃ cho ñiṃṃlaṃ"Thích maṃ caṃ voṃ - Luaṃ ngōṃcoṃcaṃ: Voṃthích voṃmaṃ. Thích laṃhaṃ ñiṃh laṃ laṃ phaṃ, maṃ laṃhaṃ ñiṃh laṃ laṃ khoṃg phaṃ. Thích maṃ

không giành không kiện. Đối với chúng sanh, các vị có tâm đại từ bi, làm việc ích lợi, tâm mềm mại, điều phục, không giận hờn, tâm lìa xa những cái che lấp, trong sạch, không nhầm chán. Các vị có những tâm hơn người như thế, tâm sâu, tâm định như thế, tâm mền pháp, muốn pháp, vui pháp như thế, diệt các phiền não, xa lánh tâm hướng về nẻo ác, rốt cuộc đến với tất cả. Việc làm của Bồ tát thành tựu đầy đủ vô lượng công đức, được thiên định sâu xa, các "thông"¹ sáng suốt, đi đến bảy Giác², sửa tâm theo pháp Phật, mắt thịt trong sạch, không gì là không phân tách trọn vẹn. Mắt trời suốt đạt tới vô lượng vô hạn; mắt pháp quán sát các đường tới chỗ cùng tột; mắt huệ thấy cái chân thật, năng đưa đến bờ bên kia; mắt Phật đầy đủ, nhìn thấy pháp tánh, dùng trí vô ngại mà vì người diễn thuyết. Xem xét tam giới thì thấy toàn là "không", chẳng có gì là có thật, cho nên đem hết chí mình cầu được Phật pháp, tự ban đầy đủ biện tài, diệt trừ những cái tai hại phiền não, không cho sanh sôi nảy nở. Theo chỗ Như

cau voalaothich cuong khoang maomã cuong khoang, cha thuaan theo não lyumãkhong pha long riêng to.

1. Các thông, àm chã Nguõthoàng, tồu Nguõthàn thoàng: 1. thiên nhãn thoàng, 2. thiên nhó thoàng, 3. tha tâm thoàng, 4. tuồ mãng thoàng, 5. nhõ yũthoàng.
2. Bảy giai: Trãch pháp, Tinh taãn, Hyũ Kinh an, Nieãn, Nõnh vaøHanh xaũ

Lai sanh¹ mà giải pháp Như như², biết rõ thế nào là nguyên nhân của khổ (Tập), thế nào là sự diệt khổ (Diệt), lấy âm thanh làm phương tiện, nhưng không vui thích lời nói thế gian, vui tài chánh luận, tu tập các gốc lành, để hết tâm chí vào việc sùng bái con đường Phật. Biết tất cả các pháp đều phải về nơi vắng lặng, và cái thân sống đây cùng tất cả phiền não, hai đàng đều phải chấm dứt. Nghe pháp thâm sâu, tâm không nghi sợ, thường hay tu hành.

Lòng đại bi của các vị sâu xa, nhỏ nhặt, không vật nào là không bao trùm, che chở. Rốt cuộc chỉ có một thừa (thặng), đến bờ bên kia. Quyết chặt lưới nghi, huệ do tâm ra, nơi giáo pháp của Phật, bao la không ngoài. Trí huệ như bể cả, chánh định như non cao, ánh huệ trong sạch, sáng hơn nhật nguyệt. Các pháp trong trắng đều đầy đủ trọn vẹn giống như núi tuyết, soi mọi công đức ấy do tịnh mà ra vậy. Giống như mặt đất, sạch như tốt xấu đều chứa, ấy do không có tâm (niệm) khác vậy. Giống như nước

-
1. Nhô Lai sanh: Nhô Lai chæ cau baá sanh baá dieá, không lui không tồ (principe immuable) ôuchùmng sanh. Nôulaøtaâm, laø tàmh, laøvò Phaã cao ngõitrong mãngõõ. Vaãy Nhô Lai sanh còughóa laøminh tâm kieán tàmh, thay ñõõt mình tìm ñõõt mình, noù toùm laøñãõgiàu ngoặ giầu thoàu.
 2. Nhô nhô: Chæ cau lyùthêa (principe essentiel) của phap tàmh (nature de toute chose) còumõ vaø bình ñãng (unique et toujours eùgal).

sạch, rửa hết bụi nhọc cùng các thứ cặn nhiễm vậy. Giống như lửa to, thiêu mất tất cả những củ phiến nào vậy. Giống như gió lớn, đi mọi thế giới không bị chướng ngại vậy. Giống như hư không, đối với tất cả những cái có, không hề dính lúu vậy. Giống như hoa sen, trong mọi thế gian, không có sự ô nhiễm vậy. Giống như xe to, chuyên chở đoàn mù ra khỏi sanh tử vậy. Giống như mây dày, làm nổi sấm sét, thức tỉnh kẻ chưa thức tỉnh vậy. Giống như mưa to, rưới pháp cam lộ, thấm ướt chúng sanh. Như núi Kim Cương, chúng ma ngoại đạo không làm lay động được vậy. Như Phạm Thiên Vương, vì là đứng đầu trên hết trong các thiện pháp. Như cây Ni câu loại là vì che trùm tất cả vậy. Như hoa Ưu đàm bát, là vì ít có khó gặp vậy. Như chim Kim túy¹, là vì lấy oai mà hàng phục ngoại đạo. Như những loài chim rày đây mai đó, là vì không giấu chứa một vật gì vậy.

1. Kim túy điểu: Chim cánh vàng, hai cánh rộng nên 36 ngàn dặm, ôcup đöôi chöu của nuu Tu Di, thöông bät röng ăn thö. Nhö Lai nööc ví vöu chuä loaü chim cánh vàng vì Nhö Lai öütrong hö không của vôngai, lấy maé thanh tönh quäm sät tá cáuchùng sanh trong cäu cung niên của theágiöu. Néu tháy nhöng cäu lanh ñaöthuañ thüch thì lién mãnh meödung hai cánh Chæ vaø Quäm maøvet möünööc beäsanh töuüü dưc, röa tuy söü ööng maø ñöa ra khoü beä dieä tröø tá cáu vöng töömg, niên ñaö, vaø ñaé vaø nhöng hành vôngai của Nhö Lai.

Giống như con bò chúa, là vì không bò nào thắng nổi vậy. Giống như tượng chúa, là vì khéo điều phục (dạy dỗ) vậy. Như sư tử chúa, là vì không biết sợ gì vậy. Rộng như hư không, là lòng đại từ bình đẳng vậy. Xua đuổi và diệt trừ niệm ganh ghét, là vì tánh không đố kỵ đã thắng rồi vậy. Chuyên vui cầu Pháp, lòng không chán nản hay tự cho là đầy đủ rồi, thường muốn nói cho rộng người nghe, chí không mỗi mọt. Đánh trống Pháp, dựng cờ Pháp, rực trời Huệ, trừ ngu tối, tu sáu điều hòa kính¹ hằng làm bố thí, chí mạnh tiến mãi, tâm không thối lui mềm yếu, vì người thế gian mà làm ngọn đèn sáng, mà làm miếng ruộng phước; hằng làm thầy dẫn đường, bình đẳng không thương ghét. Chỉ mong Chánh đạo, ngoài ra không còn vui thích nào khác. Nhổ tất cả những gai ham muốn để làm an mọi loài. Công đức, trí huệ tuyệt vời, không ai không tôn kính. Diệt chướng ngại của ba nhớ⁽²⁾, dạo chơi trong chốn thần thông. Sức mạnh của nhân, của duyên, của ý, của nguyện, của phương tiện, của thường, của thiện, của định, của huệ, của "nghe" nhiều, của bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, của chánh niệm, chánh quán, của các thông minh, của sự điều

1. Lục hòa kính: 1. Thân hoa, 2. Khái hoa, 3. Yù hoa, 4. Giồi hoa, 5. Kiến hoa, 6. Lôi hoa.

2. Tam cấu: Caái: bụi bần. Tam caái: Tham, Saái, Si.

phục mọi chúng sanh đúng theo Pháp, tất cả những sức mạnh ấy đều đầy đủ, thân hình sắc diện đều tốt đẹp, công đức và biện tài đều đầy đủ trang trọng và nghiêm chỉnh, không lấy gì sánh bằng được. Cung kính cúng dường chư Phật vô lượng, thường được chư Phật đều cùng ngợi khen. Rốt cuộc được các ba la mật của Bồ tát, tu các thiền định "Vô", "Không tướng", "Vô nguyện", "Bất sanh, Bất diệt" xa lìa địa vị Thanh văn, Duyên giác.

A Nan! Chư Bồ tát ấy thành tựu vô lượng công đức như vậy, đây là ta vì người mà nói sơ đó thôi. Nếu phải nói rộng ra, thì trăm ngàn muôn kiếp, cũng không thể nói hết được.

*(trích tạp chí Từ Quang số 128-129,
tháng 9-10 năm 1962, tr 79-89)*



IV. KHUYÊN TẤN TỚI VÃNG SINH

Phật bảo Bồ tát Di Lạc và chư thiên, nhân rằng: Công đức, trí huệ của hàng Thanh văn, Bồ tát ở nước Phật Vô Lượng Thọ, không thể nói cùng. Lại nữa, nước ấy đã nhiệm mầu, an lạc, trong sạch như thế, tại sao chẳng ra sức làm lành, nghĩ đến cái tự nhiên của con đường, nương vào chỗ không trên không dưới, thấu suốt đến chỗ không bờ cõi? Vậy

các người nên cần tinh tấn, ra sức tự cầu cho được công đức và trí huệ ấy, ắt được đi đến nơi siêu tuyệt, sanh sang nước An Dưỡng, cắt ngang năm xu hướng ác, xu hướng ác tự nhiên bị đóng, bước lên đường vô cùng cực. Chỗ dễ sang mà chẳng có người tới, nước Phật Vô Lượng Thọ chẳng có điều trái ngược, (muốn về đó) thì để cho tự nhiên dắt dẫn. Sao chẳng bỏ thế sự, nhọc làm để cầu đạo đức, để được trường sanh mãi mãi, sống vui không biết chừng nào hết.

HUYỀN NGHĨA:

Trong đoạn đầu, Kinh có câu: "...nước ấy đã nhiệm mầu, an lạc, trong sạch như thế, tại sao chẳng ra sức làm lành, nghĩ đến cái tự nhiên của con đường, nương vào chỗ không trên không dưới, thấu suốt đến chỗ không bờ cõi?"

Thật là giản dị mà cũng thật là thâm sâu: lời Phật có khác! Không ra sức làm lành để sang nước nhiệm mầu chỉ vì con người còn mê đắm cõi phàm phu thô tục; an lạc mà không muốn đến, chỉ vì con người say sống trong khổ đau lo buồn; nơi trong sạch mà không muốn vào, há chẳng phải tại con người đã quen sống với ược trước? Nhưng nào phải khó khăn hiểm trở gì con đường dẫn đến nước nhiệm mầu, an lạc và thanh tịnh ấy! Nho gia bảo: "**Suất tánh chi vị đạo**" (Trung dung). Theo tánh tự nhiên mà không uốn nắn sửa đổi, đó là con đường (chân chánh). Câu "**nghĩ đến cái tự nhiên**

của con đường" không có nghĩa nào khác hơn. Phật tánh của mỗi chúng sanh là tánh tự nhiên, vì sẵn có, không cần phải rèn luyện. Cứ theo con đường tự nhiên ấy là đến cõi nhiệm mầu, an lạc... Tiếc thay, thường chúng ta không theo con đường tự nhiên ấy mà lại theo con đường nhân tạo. Thấy người nghèo khổ, tâm Phật liền vạch ngay con đường cứu tế, tại sao ta không xuôi theo, lại sửa đổi bước đi để rẽ sang con đường "nhân tạo" ích kỷ? Nói tóm, cứ theo tiếng gọi của lòng trong sạch (Chân tâm), của tánh sáng suốt (Phật tánh) mà đi là đúng con đường tự nhiên. Do đây, ở chót đoạn, Kinh dạy: **"để cho tự nhiên dắt dẫn"**.

"Nướng vào chỗ không trên không dưới" là không thái quá, không bất cập, đứng giữa hai cái cực đoan thương ghét, lấy bỏ... (Trung đạo).

"Thấu suốt đến chỗ không bờ cõi" là thấu suốt lẽ Vô cùng (Infini), lẽ Tuyệt đối (Absolu), tức là thông hiểu tới chỗ "chí đạo".

Nhưng muốn không, chưa đủ, mà **"cần tinh tấn, ra sức tự cầu..."** Vậy ra, tuy có tiếng là dựa trên tha lực, pháp môn Tịnh độ tự trung đòi hỏi một sức tự cầu tinh tấn mới thành tựu.



Nhưng người đời sống trong mộng manh, cùng

nhau tranh giành những sự không khẩn thiết. Trong chỗ cực khổ, dữ dội ấy, con người để thân nhọc nhằn làm việc hầu tự cung cấp sự ích lợi cho mình. Bất luận kẻ sang người hèn, kẻ nghèo người giàu, lớn nhỏ, nam nữ, tất cả đều lo về tiền của (kẻ) có (người) không đồng y như nhau, để cho buồn rầu kéo đến, lo toan sầu khổ, chồng niệ m chứa lự, làm tôi mọi cho tâm, không lúc nào được an. Có ruộng thì lo cho ruộng, có nhà thì lo cho nhà, có bò ngựa, lục súc, tôi trai tớ gái, tiền bạc, của cải, quần áo, miếng ăn mọi thức, thì đều lo cho các thứ ấy. Chồng chất lo nghĩ, thêm nhiều thở ra, buồn, nhớ, sầu sợ, để rồi bị cái thế lực của "phi thường": nước, lửa, trộm, giặc, kẻ thù, chủ nợ, đốt, trôi, cướp, đoạt, tan tác mòn mất, nọc độc lo buồn, không lúc nào giải được, kết chứa trong lòng, không lìa ưu não. Tâm bền ý vững cho đến không buông không bỏ thì khi lâm vào cảnh suy vỡ, thân mất mạng chung, rồi bỏ hết mà đi, không một vật nào theo được. Bậc giàu sang cũng có những tai hại ấy: lo sợ muôn bề, nhọc khổ cũng thế, cột mình với nóng lạnh, cùng ở với sự đau đớn. Hạng nghèo khó thấp thỏm, thiếu thốn tay không, chẳng có ruộng thì cũng lo, muốn có ruộng; không nhà cũng lo, muốn có nhà; không có bò ngựa dê gà chó lợn, tôi trai tớ gái, tiền bạc áo quần, miếng ăn thức uống, vật này thứ nọ, cũng lo, muốn sao cho có. Đến khi được một, lại cho một là ít, có

bao nhiêu cũng cho là ít, lo có cho được bằng người. Đến khi cái muốn được đầy đủ rồi thì lại làm cho nó tan nát. Rồi vì đó mà lo khổ, mất rồi kiếm trở lại, không bao giờ được, thành ra nhớ nghĩ vô ích, thành ra thân tâm đều mệt nhọc, ngồi đứng không an. Lo nghĩ theo nhau, nhọc khổ như thế, mà lại còn thất buộc mình với nóng lạnh, cùng ở với đau nhức. Lâm vào cảnh ấy thì chung thân chết yểu, nhưng lại không khứng làm lành, đi trong con đường chân chánh, tiến tới chỗ đức hạnh để thọ hết, thân chết, một mình ra đi, có nơi có hướng. Con đường lành dữ, chẳng khá không biết vậy.

HUYỀN NGHĨA:

Tranh giành, lo nhọc là vì tham lam ích kỷ, tham tiền của, tham sung sướng vật chất. Không có thì mong có, mong không được là khổ (câu bất đắc khổ), được bao nhiêu cũng không vừa lòng. Vả lại, được nào phải là được mãi, trộm cướp, lụt lội, hỏa hoạn, kẻ thù, bao giờ cũng chực xâm đoạt, mà hễ mất là khổ đến (ái biệt ly khổ).

Từ trước tới đây, Kinh chỉ cái độc hại của lòng tham là sự khao khát không bao giờ thỏa mãn. Vậy nghĩ nên bỏ tham lam, mẹ đẻ của lo buồn, để cho tâm thanh tịnh, hưởng cảnh an lạc và cảnh nhiệm mầu tuyệt đối vô vi.

Làm người trong đời, cha con anh em, vợ chồng nhà cửa, họ hàng trong ngoài (nội ngoại), nên cùng nhau thương kính, không nên cùng nhau ganh ghét; kẻ có người không, thông cảm nhau, không nên tham tiếc. Lời nói, sắc mặt luôn luôn hòa dịu, đừng làm ngang trái nhau. Hoặc khi trong lòng có ý tranh chấp, có điều nóng giận, (nên biết) một chút giận oán nghịch lẫn, ganh ghét trong đời này, sẽ chuyển mạnh hơn lên đến thành oán lớn trong đời sau. Tại sao vậy? Vì muôn việc ở đời, hễ đối ý muốn hại nhau, thì tuy không tức thời phá nhau nhanh chóng, vẫn chứa nuôi cái độc cái giận, làm cho tinh thần bị kết chặt với cái giận, tự nhiên chống đối với tâm thức. Không lìa xa nhau được, (vì oán thù cột chặt) thì sẽ cùng nhau sanh trở lại trong cảnh chống báng để rồi cùng nhau báo oán trả thù. Con người ở thế gian, sống trong vòng thương muốn, sanh một mình, thác một mình, một mình mình đi, một mình mình đến, nên đi đúng hướng. Sống khổ cảnh nào cũng chỉ một mình mình gánh chịu, không ai thay thế. Lành dữ biến hóa, họa phúc khác nơi, đều có dự trước và nghiêm nghị đợi chờ, vậy nên một mình hưởng về nẻo khác mà xa lánh vậy. Kẻ nào không biết lẽ này thì lành dữ tự nhiên sẽ theo đuổi ở kiếp lai sanh trong chỗ tối tăm sâu kín. Có thể xa cách lâu dài, mỗi người mỗi ngã, nhưng gặp nhau trở lại, thật không biết lúc nào. Khó thay! Khó thay!

HUYỀN NGHĨA:

Nóng giận, oán thù, ganh ghét, tranh chấp, chống chọi nhau, là những tật xấu của con người mà Kinh Phật đặt chung cho cái tên "Sân".

Nên nhớ câu "một chút giận oán, nghịch lẫn, ganh ghét trong đời này, sẽ chuyển mạnh hơn lên đến thành oán lên cho đời sau".

Thương nhau, ai muốn chia lìa, nhưng khi chết đến, thì ai cũng ra đi có một mình như lúc tới là sanh. Vậy phải đi cho đúng hướng và hướng ấy nhất định phải là hướng thiện, thanh.

Lại nữa, vì lấy oán trối cột nhau, cho nên khó tránh sự tái ngộ. Đó là nghĩa của câu "oan oan tương báo" mà mình thường nghe.

Đã biết sẽ gặp lại nhau, cứ sao không bỏ mọi việc, ai cũng đem cái thời xinh tươi mạnh mẽ của mình ra mà nỗ lực cần tu điều lành, tinh tấn nguyện độ đời. Tạo được đức là sống hoài không cùng cực. Như vậy mà không cầu đạo, an lòng chờ đợi, còn ham cái vui nào khác ư?

Ấy vì người đời không tin làm lành được lành, theo đạo được đạo; không tin con người chết đi rồi còn sống lại, hễ cho nhiều thì được phước. Việc lành

việc ác đều không tin, cho là không thể có việc báo ứng, rốt cuộc không có gì hết. Hãy lấy đây và tự xét, sẽ thấy đôi bên kẻ liếc người ngó, trước sau như nhau, đôi đàng cùng nhau cho, lẫnh. Cha dạy điều gì là do tiên nhân tổ phụ truyền lại, mà ông bà lại không làm lành, không biết đạo đức, thân ngu trí tối, lòng nghệt ý đóng, cái lẽ thúc đẩy của sanh tử, đôi đường thiện ác mà tự mình không thấy, thì không còn biết nói làm sao! Kiệt hung họa phước, tranh nhau mà làm, thật không có gì lạ cả. Sanh tử đạo thường, nối nhau lập ra, hoặc cha khóc con, hoặc con khóc cha, anh em, vợ chồng cũng lại khóc nhau, lộn lên trở xuống, cội rễ tại lẽ vô thường. Vậy nên bỏ qua đi, vì đó không phải là điều giữ gìn còn mãi. Lấy lời mà dạy, mở lối cho đi, người tin rất ít, vì lưu chuyển trong dòng sanh tử, không lúc nào nghỉ dừng. Những người như thế ngu tối quá sâu, không tin Kinh pháp, lòng không lo xa, ai ai cũng muốn khoái ý, mê muội trong ham muốn, không đạt đến đạo đức, mê chìm trong nóng giận, tham lam nơi của cải, sắc đẹp. Đó là vì không đắc đạo, sẽ hưởng về nơi ác khổ, sanh tử không biết đến đâu là cùng hết. Đau đớn thay! Thật là đáng thương vậy!

HUYỀN NGHĨA:

Không thấy làm lành mà ưa tạo việc ác, chỉ vì con

người chưa tin luật nhân quả, báo ứng và luật luân hồi tái sanh.

Kẻ liếc qua, người ngó lại, là giữa đôi bên có sự ràng buộc rồi. Cho mà không ai lãnh, như mắng đánh mà không ai tự xem bị mắng bị đánh, thì không khác nào gió qua cửa sổ, chẳng có hậu quả gì. Đến như cho mà có người lãnh, thì mối tương quan, dây thù oán, không biết ngày nào tháo gỡ được.

Mấy lời của Phật trong đoạn chót trên đây thật là tha thiết, chứng tỏ Phật thương đàn con dại không biết đến đâu là cùng.

Hoặc có lúc cùng chung một nhà, làm cha làm con làm anh làm em, làm chồng làm vợ, một chết một sinh, càng thêm cùng nhau thương xót ân ái nhớ tưởng lo nghĩ kết chặt, tâm ý dính liền, dần thêm thương mến không rời, ngày qua năm hết, không sao giải được. (Vì vậy cho nên), lấy lời mà dạy đạo đức, tâm chẳng khai mở, trong mọi tư tưởng thương mến, chẳng lìa tình dục, tối tăm đóng ngăn, ngu si mê hoặc che lấp, không năng suy tính sâu xa, để sửa lòng cho đoan chính, ròng lo hành đạo, quyết dứt việc đời, lại cứ quay mòng mãi theo tình dục rồi đến khi năm hết mạng chung, không nắm được đạo, thì chẳng biết còn làm thế nào. Nói chung một cách mộc mạc, tất cả những trạng thái tâm loạn tâm rối

đều do tham lam, thương mến, ham muốn gây ra. Lầm đường thì nhiều, biết đường thật ít. Thế gian đâu đâu cũng thế, chẳng ai mà chẳng làm lợi trong chỗ đau thương. Bậc cao như bậc thấp, nghèo giàu sang hèn cần cù lao khổ làm ăn mỗi mỗi đều chứa cái độc giết chóc, ác khí sâu kín. Vì cảnh đối láo mà hoạt động, trái nghịch trời đất, chẳng từng những tâm là cái tự nhiên chẳng phải ác. Trước còn tùy theo tâm, sau lại nghe việc của mình làm, đến khi tội lỗi đầy đầy, tuổi thọ chưa tận lại làm cho nó đứt đứt rơi xuống đường ác, nhiều đời khổ nhọc, quay quần trong cảnh ấy ngàn, muôn ức kiếp, chẳng có ngày ra khỏi đống đau không nói xiết. Thật đáng thương thay!

HUYỀN NGHĨA:

Thương mến (ái dục) mà còn thì gọi là còn bị cột trói (triền phược). Vì người đời sống theo thương mến mà không nghĩ đến việc cởi mở (giải thoát) nên Kinh nói: "Lầm đường thì nhiều, biết đường thật ít". Biết đường đây là đường diệt dục, giải thoát. Có diệt dục mới thanh tịnh, có giải thoát mới an lạc.

"Vì cảnh đối láo mà hoạt động". Phải quả quyết cảnh thế gian này là huyền hoặc không thật, vậy là một trò đối láo (mensonge), khác với sự thật (vérité). "Trước còn tùy theo tâm" là tiếng sai sử của Tâm tánh "tự nhiên không phải ác", rồi "sau lại nghe việc của

mình làm", tức là nghe lời đường mật thúc đẩy của tham lam, giận hờn, si mê.

Phật bảo Bồ tát Di Lạc và các hàng thiên, nhân: Ta nay nói cho các người biết, vì ở thế gian con người xử sự như vậy cho nên không được đạo. Vậy nên suy tính cho chín chắn, xa lìa các ác, chọn những điều lành và ra công thi hành. Thương muốn, vinh hoa chẳng thể giữ mãi, vậy cũng nên biệt ly, không gì vui cả. Gặp Phật ra đời, nên cố gắng tinh tấn. Ai là người chí tâm nguyện sinh về nước An lạc có thể được trí huệ sáng suốt, công đức thù thắng. Chớ nên xuôi theo cái ham muốn của lòng mà làm thiệt hại hay trái ngược với Kinh, với Luật, để phải đứng sau người. Nếu có điều gì nghi ngờ, chẳng giải được nghĩa kinh, khá đem ra hỏi Phật đầy đủ, ta sẽ thuyết cho nghe.

Bồ tát Di Lạc quỳ mọp bạch rằng: **Hỡi đức Phật** oai thần kính trọng! Lời Phật nói thật là sắc sảo. Nghe Phật nói rồi để lòng thông suốt mà suy gẫm thì thấy rằng người đời quả đúng như vậy. Nay Phật thương xót, bày chỉ Đạo cả, thì tai mắt mở sáng, được độ thoát lâu dài. Nghe những lời Phật thuyết, không ai là không hoan hỷ. Từ hàng chư Thiên cho đến loài người và các loài thú máy cựa, tất cả đều đội ân lành, giải thoát lo khổ. Lời Phật

dạy răn, rất sâu, rất phải, (chứng tỏ) một trí huệ sáng suốt, tám phương, trên dưới, việc qua, việc nay, việc tới, không việc nào mà Phật không cứu xét tận tường. Nay chúng con sở dĩ mong được giải thoát là nhờ ở các kiếp trước, trong lúc còn cầu đạo, Phật đã nhún nhường chịu khổ, đem ân đức bao trùm tất cả, phước lộc vôi vọi, sáng chiếu cùng tột, đạt đến "Không", "Vô tướng", khai mở và đi vào Niết bàn. Rồi Phật dạy bảo, trao truyền phép tắc, dùng oai thần mà chế ngự, tiêu trừ, biến hóa, làm cho mười phương chuyển động không cùng không cực. Phật là Vua Pháp, đáng tôn trọng hơn tất cả các vị Thánh, khắp vì tất cả Trời Người mà làm Thầy, tùy tâm nguyện của mỗi người mà khiến cho đắc đạo. Nay được gặp Phật, lại nghe được tiếng của Vô Lượng Thọ Phật, không ai chẳng hoan hỷ, lòng được mở sáng.

HUYỀN NGHĨA:

Chạy theo thương, muốn, vinh hoa là những cái mình biết không thể giữ mãi, thì có gì là vui đâu?

Xuôi theo thương muốn mà làm thiệt hại người hay trái với lời Phật dạy, với giới luật, thì phải "đứng sau người" trên đường đạo đức.

Phật bảo Bồ tát Di Lặc: Lời người rất phải vậy. Nếu có người thương kính Phật, thì đó là một điều

lành lớn. Dưới gầm trời này, lâu lâu mới có Phật ra đời. Nay ta ở cõi này làm Phật, diễn thuyết kinh pháp, tuyên bố đạo giáo, chặt đứt lưới nghi, nhổ gốc ái dục, lấp nguồn mọi ác, đạo bước trong ba giới, không bị gì câu thúc ngăn ngại, trí huệ lâu thông yếu điểm của mọi đạo, cầm giữ giềng mối, chiếu tỏ phân minh, mở chỉ năm "thú", độ kẻ chưa được độ, giải quyết một cách chân chính đạo sinh tử, Niết bàn. Di Lặc! Người nên biết rằng, người đã từ vô số kiếp đến nay, tu hạnh Bồ tát, muốn độ chúng sanh, như thế đã lâu lắm rồi. Những kẻ theo người đắc đạo cho đến Niết bàn, đông không thể biết số. Người và mười phương chư Thiên, Nhân, tất cả bốn chúng, từ kiếp xa đến nay, lăn lộn trong năm nẻo lo sợ nhọc khổ không thể nói cho hết, cho tới đời này mà đường sinh tử chẳng dứt. Nay cùng Phật gặp gỡ, nghe lãnh kinh pháp, lại còn được nghe Phật Vô Lượng Thọ, sung sướng biết bao, lành thay! Ta mừng giùm cho người đó. Nay người cũng nên tự người nhằm chán sự đau khổ của sinh, già, bệnh, chết, nhằm chán thứ nước ngọt bất tịnh của điều ác, là những cái không có gì vui cả. Nên tự quyết chặt đứt, giữ thân ngay thẳng, gìn hạnh chân chánh, làm thêm việc lành, sửa mình, sạch thể, tẩy trừ mọi nhơ bẩn của tâm, nói làm trung tín, ngoài trong ứng nhau. Người đời ai cũng có khả năng tự độ, (vậy

nên) chuyển hướng mà cứu vớt lẫn nhau, tinh cần sáng suốt cầu nguyện, chứa chất căn lành. Tuy một đời khó nhọc, nhưng (đối với thời gian vô tận) cũng chỉ khoảnh khắc thôi, mà về sau sẽ được sinh về nước Phật Vô Lượng Thọ, hưởng sự khoái lạc vô cực, mãi cùng đạo đức bất tay, vĩnh viễn nhổ đứt cội rễ sinh tử, không còn chịu trở lại cái hoạn họa tham, giận, ngu si, khổ não. Muốn sống lâu một kiếp, trăm kiếp, ngàn muôn ức kiếp trong tự tại tùy ý, đều có thể được vô vi tự nhiên, kế đó là vào con đường Niết bàn vậy. Các người nên tinh tấn, cầu cho được sở nguyện của tâm mình. Không nên vì nghi hoặc mà hối tiếc, tự làm sai lầm tội lỗi, mà phải sinh vào cõi đất biên thùỵ của nước cung điện bảy báu, chịu khổ ách trong năm trăm năm vậy.

Di Lặc bạch Phật, nói: Xin lãnh lấy lời dạy trân trọng của Phật, cần chuyên tinh tấn tu học, y theo lời Phật dạy mà hành, không dám có điều ngờ vực.

HUYỀN NGHĨA:

Lời Phật dạy Bồ Tát Di Lặc là lời dạy chung cho tất cả chúng sanh: "... nên tự nhàm chán sự đau khổ của sanh, già, bệnh, chết; nhàm chán thứ nước ngọt bất tịnh của điều ác..." mà Kinh gọi là "ác lộ bất tịnh". Bã vinh hoa, mồi phú quý là những thứ nước ngọt (cam lộ) không trong sạch mà trong đó những con ruồi chúng

sanh bị quyến rũ thường té chết.

Đem muôn ức kiếp cần tu ra so với thời gian vô tận, chỉ là khoảnh khắc. Huống chi lấy cái nhỏ hẹp hữu hạn đánh đổi cái vui vô cùng, thì cái lợi hiển nhiên, tại sao không cố gắng?

*(trích tạp chí Từ Quang số 130-131,
tháng 11-12 năm 1962, tr 90-98)*



V. NÊN BỎ NĂM ĐIỀU ÁC

Phật bảo Di Lặc: Ở đời này mà các người giữ được tâm ý đoan chính, không làm điều ác, thì thật là đức cả, mười phương thế giới, không ai sánh kịp vậy. Tại sao? Các hàng Thiên, nhân ở các nước Phật, tự nhiên mà làm lành, không bao giờ làm ác, thì rất dễ khai hóa. Ta nay làm Phật ở thế gian này, đứng trong 5 ác, 5 đau, 5 dốt, là những cái khổ hết sức nguy kịch mà giáo hóa quần sinh, dạy cho chúng bỏ 5 ác, khử 5 đau, lìa 5 dốt; hàng phục biến hóa tâm ý của chúng, dạy chúng nắm giữ 5 lành, thu hoạch phước đức, vượt khỏi cảnh thế gian, vào đường trường thọ Niết bàn.

Phật nói tiếp: Năm ác là gì? Năm đau là gì? Năm dốt là gì? Những gì sẽ làm tiêu hóa 5 ác khiến nắm giữ năm lành để thu hoạch phước đức, thoát

cảnh thế gian, vào nẻo Niết bàn trường thọ?

HUYỀN NGHĨA:

Năm ác sẽ nói sau đây là những vi phạm của năm giới: chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu.

Tạo những nghiệp sát, đạo, dâm, vọng và tửu thì lúc sống, bị luật pháp nhà nước tù đầy trừng phạt, chết sa vào ác đạo, đau khổ, cho nên gọi là 5 đau (ngũ thống).

Đau khổ bức bách, cắt xé thân thể như bị lửa đốt, cho nên gọi 5 thiêu (ngũ thiêu).

Trên đây, là giải theo Phật học Đại Từ điển. Thâm sâu hơn, có thể nói rằng sở dĩ có phạm 5 ác, là vì bị 3 độc tham, sân, si sai sử. Mà sống trong tam độc ví chẳng khác sống trong nhà cháy (hỏa trạch) mà ở trong nhà cháy thì sẽ cố nhiên phải bị thiêu đốt, những cái thiêu đốt của dục vọng, của giận hờn, của say đắm.

1) Ác thứ nhất - Phật nói: Loài thiên, loài người cho chí những loài máy cưa, hễ muốn làm ác, thì đều làm y như nhau, là mạnh hiệp yếu cho đến nước xem nhau như giặc, tàn hại, giết chóc, thậm chí đến cắn nuốt lẫn nhau, không biết tu sửa làm lành. Ác nghịch vô đạo, thì sau phải lãnh tội vạ, tự nhiên nó

xô đẩy tới, vì có thần minh ghi biết. Kẻ phạm tội không chịu buông tha cho nên mới có cảnh nghèo cùng, hèn hạ, ăn mày, côi cút, điếc đui, câm ngọng, ngu si, tẻ ác, cho đến điên khùng không bằng ai. Trái lại, có những bậc cao sang giàu có, tài cao sáng suốt, ấy chẳng qua những người ấy đều do đời trước biết từ hiếu làm lành, chất chứa phước đức. Thế gian có con đường thông thường của thế gian, là phép vua, lao ngục, thế mà họ không khấn sợ hãi, thận trọng, để làm ác phạm tội, lãnh chịu sự trừng phạt, muốn thoát khỏi khó được vậy. Chuyện thế gian trước mắt như thế, chỉ như chuyện của khi thọ chung, của đời sau, thì lại sâu sắc, nguy kịch hơn nhiều; vào chốn đen tối, chuyển sanh thọ thân khác, tử như chịu sự đau khổ cực hình của phép vua. Bởi cố có ba nẻo tự nhiên, khổ não vô lượng, bán đổi cái thân, cải hình đổi lối, còn tuổi thọ chịu lãnh thì hoặc dài hoặc ngắn, hồn thần tỉnh thức, tự nhiên hưởng về đó mà đến. Lẽ ra một mình, lại gặp những kẻ thù trước theo gót cùng sanh, để cùng nhau báo thù phục hận, không lúc nào dừng hết. Ác hại chưa hết, thì chưa xa lìa nhau được, quay quần trong cái vòng ấy mãi, không có lúc ra khỏi, khó mà giải thoát, đờn đau không thể nói xiết. Trong trời đất, tự nhiên có cảnh ấy, tuy không ngay đây, bạo cùng ứng đến. Con đường lành dữ, nên lấy trí mà hội ý. Đây là nói

đến cái ác thứ nhất, cái đau khổ thứ nhất, cái nung đốt thứ nhất. Khổ nhục như thế, tử như lửa to đốt thân. Con người bị đốt như thế mà biết một lòng chế ý, đoan thân chính hạnh, độc làm việc lành mà không làm ác, thì sẽ riêng được độ thoát, lượm nhiều phước đức, vượt khỏi thế gian, lên cõi Thiên thượng, vào đường Niết bàn. Đó là sự lành lớn thứ nhất vậy.

HUYỀN NGHĨA:

Ác thứ nhất là ác sát sanh hại mạng.

Câu "thần minh ghi biết" có lẽ là một lối diễn tả luật nhân quả, nghiệp báo nghiêm minh.

Đã nói nhân quả, thì cũng như các thứ trái kia, có thứ chín chậm, có thứ chín mau, không đồng đều. Vì vậy đừng thấy trái nghiệp chưa chín mà tưởng là không có báo ứng. Kinh dạy: "Tuy không ngay đây, bạo cùng ứng đến" (tuy bất tức thời, tốt bạo ứng chí), nghĩa là cuối cùng rồi, sự hung ác ứng nghiệm mà đến.

2) Ác thứ hai - Phật nói: Điều ác thứ hai là: Người đời, cha con, anh em, cửa nhà, chồng vợ, tóm lại đều không nghĩa lý. (Nhưng vì) không biết thuận theo Pháp cho nên mới sinh ra xa xí, hoang dâm, kiêu ngạo, buông lung, ai cũng muốn làm khoái ý

mình, đem lòng phóng túng, đối gạt lẫn nhau, lòng miệng khác nhau, lời nói tư tưởng không thành thực, nịnh hót không trung với người, nói khéo, bợ đỡ, ghét người hiền, gièm người thiện, làm cho người sa vào hầm oan uổng. Trên, bậc làm chủ không sáng suốt trong chỗ giao phó chức việc cho bầy tôi; dưới, bầy tôi tự do gian xảo nhiều bề. Chà đạp lên pháp luật mà có người làm, là vì họ biết tình trạng của pháp luật như thế nào; tại chức vị mà không chánh, là vì bị chức vị dối lừa. Nói láo làm thương tổn hạng ngay thẳng hiền lành, không xứng với thiện tâm. Tôi dối vua, con dối cha, anh em vợ chồng, trong ngoài bè bạn quen biết cũng dối láo nhau, ai cũng mang lòng tham muốn, hờn giận, ngu si, chỉ vì muốn tự hậu đãi mình. Tham muốn cho nhiều, tâm ý ấy, người sang kẻ hèn, người trên kẻ dưới, đều đồng như nhau vậy. Nhà hư thân chết là vì chẳng ngó trước xem sau. Hễ có tâm ý ấy thì dầu là bà con nội ngoại, cũng có thể diệt được. Có khi trong chỗ gia đình, quen biết, làng xóm, chợ búa, cùng làm việc với hạng ngu dốt, quê mùa mà lại làm lợi làm hại lẫn nhau, làm cho giận hờn mà sanh thù oán. Giàu thì keo kiệt, tiếc của, không chia sớt với ai; thương giữ, tham nặng, lòng nhọc, thân khổ, như thế mãi cho đến cùng, không có nơi nương tựa, nhờ cậy, thành phải tới lui một mình, không một ai theo.

Lành dữ, họa phước là do đời sống trước của ta sanh ra, (vì vậy) mà có kẻ sanh nơi vui sướng, có người lại vào chỗ khổ độc. Như vậy mà đợi đến sau mới ăn năn thì làm thế nào khắc phục tình thế cho kịp?

Người đời, lòng ngu trí hẹp, thấy lành thì ghét bỏ, phỉ báng, không nghĩ đến việc mền chuộng và làm cho bằng người, chỉ muốn làm ác, vọng tạo điều phi pháp, thường mang lòng trộm cắp, trông mong những cái lợi của người. Làm cho tiêu tán mòn hết rồi lại đi tìm kiếm. Lòng vậy không ngay, sợ người đến ra mặt. Không xét không tính trước khi việc xảy ra, việc đến rồi mới hối ngộ. Trong đời này và trước mắt thì bị phép vua lao ngục, tùy tội mà định đoạt, phải lãnh họa tội. Nguyên nhân ở chỗ đời trước không tin đạo đức, không tu căn lành, rồi đời nay lại làm ác. Thần trời ghi biết, biên tên vào bộ sổ, đến khi tuổi hết (mạng chung), thần hồn ra đi, phải rơi vào đường dữ. Bởi cố, tự nhiên mà có ba đường (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh), khổ não không lường, quây quần trong đó, đời đời kiếp kiếp, không có ngày ra, khó nổi giải thoát, đờn đau không nói xiết. Cái đại ác thứ hai, cái đau đờn thứ hai, cái thiêu đốt thứ hai là như thế đó.

Bị nhọc nhằn đau khổ như vậy tỷ như thân bị lửa to thui đốt. Người ở trong lò lửa ấy mà năng một

lòng chế ngự ý mình, sửa thân đoan trang, làm hạnh chân chánh, chỉ có làm việc lành mà không làm việc ác, thì riêng độ thoát được thân mình, mà còn gặt hái nhiều phước đức, ra khỏi thế gian, về chốn Thượng thiên và bước vào con đường dẫn đến Niết bàn. Đây là điều lành thứ hai vậy.

3) Ác thứ ba - Phật nói: Điều ác thứ ba là: Con người ở thế gian, nương nhau sống gởi, cùng nhau chung ở giữa khoảng trời đất, hưởng thọ nghĩ có bao năm. Trên thì có những bậc hiền minh, trưởng giả, sang trọng, giàu có, dưới thì có nghèo cùng thấp thỏi, yếu đuối ngu si; giữa hai giai cấp đó thì có hạng người chẳng lành, thường ôm tà dâm tà ác, chỉ nhớ nghĩ đến chuyện dâm dật, phiến não, đầy đầy trong bụng, thương muốn chằng chặt, ngồi đứng không an, ý tham giữ tiếc, chỉ muốn được to. Đôi mắt lăm lét ngó nhìn sắc đẹp, nét tà dâm xuất hiện ra ngoài, vợ mình thì chán ghét, riêng tư bậy bạ, ra vô hao tổn của nhà, làm việc phi pháp. Giao kết, tụ hội, kết đoàn đánh nhau, tấn công, cướp đoạt, giết chóc, cưỡng đoạt không kể gì đạo lý. Ác tâm đã hiện ra ngoài thì không sửa nghiệp được. Trộm cắp mà thích rồi, ham muốn thành nét rồi, để cho cái sợ cái nóng bức bách, thì phải đem về mà cho vợ cho con. Phóng tâm khoái ý, hết sức tìm vui, thì trong lòng thân thuộc, không còn kể gì tôn ty, còn bà con nội

ngoại trong gia đình, đều làm khổ, gây họa cho họ. Lại cũng không còn sợ phép vua lệnh cấm. Những điều ác như thế liên quan đến người và quỷ, nhật nguyệt soi thấy, thần minh ghi biết. Bởi có ba nẻo tự nhiên khổ não khôn lường, quay quần trong đó, đời đời kiếp kiếp không có ngày ra khó mà giải thoát, đau đớn không thể nói. Đây là ác lớn thứ ba, cái đau đớn thứ ba, cái thiêu đốt thứ ba. Lao, nhọc khổ sở như vậy, tở như lửa to thiêu đốt con người.

Người ở trong lò lửa ấy mà năng một lòng kềm chế ý mình, sửa thân đoan trang, làm hạnh chân chính, chỉ có làm việc lành mà không làm điều ác, thì riêng được độ thoát thân mình, gạt hái nhiều phước đức, ra khỏi thế gian, về chốn Thượng thiên và bước vào con đường Niết bàn. Đây là điều lành lớn thứ ba vậy.

4) Ác thứ tư - Phật nói: Điều ác thứ tư là: Con người ở thế gian, chẳng nhớ nghĩ đến sự tu sửa điều lành, lại cùng nhau dạy bảo làm ác, đâm thọc, mắng chửi, nói bậy thêu dệt, gièm hại, khuấy rối, ganh ghét người làm, làm hư hỏng bậc hiền minh, thế mà gần như sung sướng. Bất hiếu với cha mẹ, khinh lờn thầy và bậc trưởng thượng, đối với bạn bè không giữ chữ tín, khó được thành thật, tự coi mình cao mình lớn, cho mình có đạo, hoành hành uy thế, lấn lướt người khác. Thế mà tự mình không biết, làm ác mà

không hổ, tự lấy sức mạnh muốn làm cho người kính nể, chẳng sợ trời đất, thần minh, nhật nguyệt, chẳng khứng làm lành, khó thể hàng phục biến hóa, tự do ngất ngưỡng, cho đó là thường, không biết lo sợ gì, thường mang tính kiêu ngạo. Những điều ác như vậy, thần trời ghi biết. Dựa vào đời trước có tạo một vài phước đức, một ít việc lành, đời nay được phò tiếp hộ trợ rồi làm ác, đến khi phước đức hết, các hồn thần lành cùng nhau bỏ đi, thì thân còn trơ trọi, không còn chỗ nào tựa nương. Đến khi thọ mạng chấm dứt, bao nhiêu điều ác đều đổ dồn, tự nhiên mà bức bách và cùng nhau xô đẩy xuống chỗ thấp hèn. Lại thêm nổi tên tuổi đã bị ghi chép nơi thần minh, tai ương sẽ dẫn dắt thì sẽ nhắm hướng tội báo tự nhiên mà đến. Trước không bỏ lia, chỉ biết đi tới mãi trên con đường ác thì phải vào lò lửa, vạc dầu thân tâm gãy nát, tinh thần đau khổ. Đến lúc ấy rồi, ăn năn sao kịp! Đạo trời tự nhiên, không bao giờ sai chạy, cho nên tự nhiên có ba nẻo khổ não khôn lường, quay quần trong đó, đời đời kiếp kiếp không có ngày ra, khó được giải thoát, đau đớn không thể nói. Đó là ác lớn thứ tư, cái đau đớn thứ tư, cái thiêu đốt thứ tư. Lao nhọc, khổ sở như vậy, tử như lửa to thiêu đốt thân người.

Ở trong lò lửa ấy mà năng một lòng kèm chế ý mình sửa thân ngay thẳng, làm hạnh chân chính, chỉ

làm việc lành, không làm điều ác, thì riêng được độ thoát thân mình, gạt hái nhiều phước đức, ra khỏi thế gian, về chốn Thượng thiên và bước vào con đường Niết bàn. Đây là điều lành lớn thứ tư vậy.

5) Ác thứ năm - Phật nói: Điều ác thứ năm là: Con người ở thế gian lần lựa, biếng nhác, chẳng khứng làm lành, trị thân sửa nghiệp (để cho) cửa nhà họ hàng phải bị đói rét khốn khổ. Cha mẹ có dạy dỗ, thì lỗ mất giận dữ cãi lại, lời nói chẳng hòa, ngang trái phản nghịch, tử như kẻ thù. Thà không con còn hơn! Giũ, cho, không chừng, người người đều lo ghét. Quên ơn trái nghĩa không lòng đền đáp thưởng công. Nghèo cùng, khốn thiếu, chẳng năng khắc phục được. Ngăn đón cạnh tranh, buông thả cướp lấy phóng túng chơi bời, làm không chân chính để mau thành công, nói càn cho được việc, tự lo châu cấp, vui rượu thích đẹp, uống ăn vô độ, buông lòng càn dỡ, ngu độn ngang ngược, đụng đâu chạm đó, chẳng biết nhân tình, cố muốn, áp bức. Thấy người có điều lành thì ganh ghét. Không nghĩa không lễ, không nghĩ đến tai vạ. Tự dùng chức phận, chẳng thể khuyên can. Lục thân quyến thuộc, khi cho khi không chẳng năng xót nhớ. Chẳng tưởng ơn cha mẹ, chẳng nhớ nghĩa thầy bạn, lòng thường tưởng dữ, miệng thường nói ác, chưa từng có một việc lành. Chẳng tin bậc Thánh trước, chư Phật và

kinh pháp, chẳng tin hành đạo có thể ra khỏi thế gian; chẳng tin chết rồi, thần thức sanh lại; chẳng tin làm lành được lành, làm dữ được dữ. Muốn giết Chân nhân (Phật) khuấy rối chúng Tăng, muốn hại cha mẹ anh em họ hàng, sáu thân đều ghét và muốn cho chết. Người đời như thế, tâm đều tự nhiên ngu si mê muội mà cho đó là trí huệ, chẳng biết sanh là từ đâu mà lại, chết là nhắm hướng nào mà đi thẳng lòng nhân ái, chẳng ý hòa thuận? Làm dữ, ngược với trời đất, thế mà hy vọng cầu lợi; muốn cầu sống lâu mà lại đi về nẻo chết. Gặp bậc từ tâm dạy dỗ, khiến cho nhớ tưởng điều lành, mở chỉ cho biết những xu hướng của sanh tử thiện ác và cái lẽ tự nhiên của những xu hướng ấy, lại chẳng chịu tin. Có khổ tâm nói với họ, cũng không giúp ích gì cho họ, vì lòng họ bị đóng ngăn, ý họ chẳng thể mở giải. Mạng sống gần hết, sự ăn năn sợ sệt đổ xô đến; nếu trước không lo tu thiện sửa theo lành tới lúc cùng mới hối tiếc, thì sự hối tiếc ở giờ phút chót ấy làm sao cho kịp.

Trong khoảng trời đất, năm nẻo rõ ràng, mù mịt, băng khuâng, mênh mang, lồng lộng, lành dữ báo ứng họa phước theo nhau, tự mình mang lấy không ai thay thế. Tự nhiên mà thiện ác, họa phước được ghi tính đúng với hành động mà tai ương, lỗi lầm theo đuổi đời sống không sao buông bỏ được.

Người lành làm lành là từ cái vui này đi đến cái vui khác, là từ chỗ sáng đi vào cái sáng. Kẻ ác làm ác là từ cái khổ này đi đến cái khổ khác, là từ chỗ tối đi vào cái tối. Ai năng biết điều này? Chỉ có Phật biết vậy. Phật đã lấy lời mà dạy, khai đường chỉ lối, mà người tin dùng quá ít, thành ra sanh tử không dừng, nẻo ác chẳng dứt. Người đời như vậy, khó mà kể hết được, bởi vậy tự nhiên mà có ba nẻo khổ não khôn lường, quay quần trong đó đời đời kiếp kiếp không có ngày ra, khó được giải thoát, đau đớn chẳng thể nói. Đó là ác lớn thứ năm, cái đau đớn thứ năm, cái thiêu đốt thứ năm. Lao nhọc, khổ sở như vậy, tử như lửa to thiêu đốt thân người.

Ở trong lò lửa ấy mà năng một lòng kèm chế ý mình sửa thân ngay thẳng, làm hạnh chân chính, lời nói việc làm phù hợp nhau, làm gì là chí thành, nói gì là đúng với lời, lòng miệng chẳng đời đổi, chỉ làm điều lành, không làm mọi điều ác thì thân riêng được độ thoát, thu gặt phước đức, ra khỏi thế gian, lên chốn Thượng thiên, vào đường Niết bàn. Đây là điều lành lớn thứ năm vậy.

*(trích tạp chí Từ Quang số 132,
tr. 41-48, tháng 1 năm 1963)*



VI. MUỐN CHẾT CHẴNG ĐƯỢC

Phật bảo Bồ tát Di Lạc: Những gì ta vừa nói với chúng người thuộc năm điều ác của thế gian, lao nhọc khổ não như vậy, năm thứ đốn đau, năm thứ thiêu đốt, quay quần mà sinh nhau ra. Nếu chỉ làm mọi điều ác mà chẳng sửa gốc lành, thì tự nhiên mà có xu hướng vào các nẻo ác, hoặc ngay đời nay bị tai ương bệnh hoạn, muốn chết chẳng được mà muốn sống cũng không kham. Ấy do tội dữ đưa đến, ta chỉ cho mà thấy. Thân chết rồi thì tùy việc làm mà nhập vào ba nẻo dữ, khổ sở khôn lường, tự mình thiêu đốt lấy mình. Rồi về sau, lâu ngày chầy tháng, cùng làm cho oán kết, từ những cái ác nhỏ khởi thành những ác lớn. Tất cả đều do tham dính tiền bạc, chẳng biết cho ra; bị ngu si tham muốn bức bách, tùy tâm mà tư tưởng, lo rầu trôi buộc không thể cởi mở. Ích mình tranh lợi, không biết xét ghi. Lúc được giàu sang vinh hoa thì khoái ý, chẳng hay nhẫn nhục, chẳng vụ sửa mình cho lành; oai thế, không điềm báo trước, tại có mòn nên có mất; thân ngồi trên lao khổ, sau thành nguy to. Đạo trời rất lớn, tự nhiên bủa giăng, giềng mối của lưới, trên dưới chằng chịt lo lo, động động. Khi đã lọt vào đó rồi, khổ sở là như thế. Đau đốn thay, khá thương vậy!

Phật nói với Bồ tát Di Lặc: Thế gian như vậy, Phật lấy làm thương, cho nên mới dùng sức oai thần, xua đuổi trừ diệt mọi ác, khiến mọi người tự về chốn thiện, quên bỏ những điều lo nghĩ, phụng trì kinh giới, thọ hành đạo pháp không sai không mất, rốt được ra khỏi thế gian, vào đường Niết bàn.

Phật nói: Người nay cùng chư nhân dân cõi trời, kịp đến người đời sau, đã được kinh pháp của Phật, nên suy nghĩ cho chín, ở trong lý của kinh pháp mà gắng làm cho ngay hạnh chính, người trên lấy lành mà đui dắt sửa đổi kẻ dưới, cùng nhau dạy bảo nhau, để mỗi người tự nắm giữ đoan trang, tôn trọng bậc hiền thánh, kính nể người lành, nhân từ bác ái.

Lời Phật dạy răn chẳng dám để thiếu và trái ngược. Nên cầu qua khỏi thế gian, nhổ bẻ gốc mọi ác sanh tử. Nên xa lìa ba nẻo, đường khổ đau lo sợ vô lượng. Các người nên nơi đây rộng trồng gốc đức, rải ơn cấp huệ, chớ phạm điều cấm của Đạo, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí huệ, giáo hóa lẫn nhau. Làm đức, lập thiện, chính tâm, chính ý, trai giới, thanh tịnh một ngày một đêm hơn một trăm năm làm lành ở nước Vô Lượng Thọ. Tại sao vậy? Vì ở nước Phật ấy, vô vi, tự nhiên, chứa chất các lành, không một ác nhỏ như mảy lông sợi tóc. Ở đây tu thiện mười ngày mười đêm hơn làm lành ngàn năm

ở các nước Phật của phương khác? Tại sao vậy? Các nước Phật phương khác, người làm lành nhiều, người làm ác ít, tự nhiên mà có phước đức, không dất để làm ác. Duy có ở thế gian này là nhiều ác, chẳng có tự nhiên, nhọc nhằn khổ sở để cầu các tham muốn, dối gạt lẫn nhau, tâm nhọc, hình mệt, uống đắng ăn độc, làm ác như thế chưa hề yên nghỉ.

Ta thương các người, loài trời, loài người, cho nên khổ tâm răn dạy cho biết tu thiện, tùy tài năng độ lượng mà mở dất, trao cho kinh pháp, không ai không vâng dùng. Tùy sở nguyện trong lòng, ta đều khiến cho được Đạo. Những nơi Phật để chân đến, nước, ấp, làng, xóm, không đâu là không đội ơn bố hóa. Thiên hạ hòa thuận, trời trăng trong sáng, mưa gió đúng thời, tai ương dịch lệ chẳng khởi, nước giàu dân an, binh khí vô dụng, chuộng đức, dấy nhân, chuyên tu lễ nhượng.

Phật nói: Ta thương xót các người, nhân dân cõi trời cõi người, hơn cha mẹ thương nhớ con. Nay ta ở nơi đây là cảnh thế gian mà làm Phật, hàng phục hóa độ năm ác, tiêu trừ năm đau, tuyệt diệt năm lửa, lấy lành trừ ác, nhổ gốc đau khổ sanh tử, khiến cho thu gặt năm đức⁽¹⁾, bước lên chỗ an ổn vô

1. Năm ñừ: tri thồ, chañ thồ, lồi ích, nhu nhuệñ vaotổtâm.
Còimoả loai 5 ñừ khâu lao baả àù, baả khueạ baả boạ baả sí, tri

vi. Sau khi ta bỏ thế gian ra đi, Đạo lần hồi bị tiêu diệt, dân chúng đua bỏ dối trá lại còn làm mọi điều ác, năm thiêu đốt, năm đau đớn trở lại như trước khi ta nói pháp. Về sau còn nguy hơn nữa, không thể nói hết, ta nay vì chúng người nói sơ như vậy đó thôi.

Phật nói với Di Lạc: Các người mỗi người nên khéo suy gẫm lời ta, răn dạy lẫn nhau, đừng để phạm kinh pháp của Phật.

Ngay khi ấy, Bồ tát Di Lạc chấp tay bạch nói: Lời Phật nói rất hay, người đời quả đúng như vậy. Lòng thương xót khắp cùng của Như Lai ắt khiến cho tất cả đều độ thoát. Chúng tôi xin lãnh lời dạy trân trọng của Phật, chẳng dám để trái mất.

HUYỀN NGHĨA:

"Làm đức, lập thiện, chính tâm, chính ý, trai giới thanh tịnh một ngày một đêm (ở thế gian) hơn một trăm năm làm lành ở nước Vô Lượng Thọ". - Tại sao vậy? Kinh dạy: "Vi ở nước Phật ấy, vô vi, tự nhiên, chứa chất các lành, không một ác nhỏ như mảy lông".

Nghĩa ấy thế nào?

Không có người ác, việc ác, thời làm thiện với ai, do đó mà khó bòn cái thiện.

ba1 tõi thòudõoba1 tõi thòu Naen nõi sau nay goi laø "Tõi thòu nguõnõi".

Ở thế gian, ác nhiều thiện ít, ai muốn làm thiện, ắt có chỗ làm thiện và gặt hái nhiều quả thiện.

VII. LỄ PHẬT, ÁNH SÁNG HIỆN RA

Phật bảo A Nan: Người hãy đứng dậy và sửa y phục cho ngay ngắn, chấp tay cung kính lễ Phật Vô Lượng Thọ, thường cùng xưng dương tán thán chư Phật trong mười phương. Chư Phật ấy không dính níu, không bị ngăn ngại.

Lúc ấy, A Nan đứng dậy, sửa y phục đứng ngay, quay mặt hướng về tây, cung kính chấp tay, nắm vóc gieo xuống đất, làm lễ Phật Vô Lượng Thọ, bạch nói: "Thế Tôn! Tôi nguyện thấy Phật cõi nước An lạc và chư đại chúng Bồ tát, Thanh văn".

A Nan nói xong, Phật A Di Đà liền phóng quang lớn, khắp chiếu tất cả các thế giới của chư Phật; núi Kim Cang vi⁽¹⁾, núi chúa Tu Di, các núi lớn núi nhỏ. Tất cả những gì có ở khắp nơi đều đồng một sắc, tỷ như nước lụt (hồng thủy) thuở Hoại kiếp⁽²⁾, tràn đầy thế giới, trong đó muôn vật chìm mất không thấy, linh láng bát ngát, không thấy gì

1. Kim cang vi sơn: tên Thiểu vi sơn, nghĩa bóng là nhà ngục.

2. Hoại kiếp: Mỗi trong 4 kiếp: thời kỳ phân hoại của ba ngàn năm thiên thế giới, trong 20 tiểu kiếp. 19 tiểu kiếp nữa là thời kỳ hoại của hữu tình thế gian. Tiểu kiếp cuối thời kỳ phân hoại của khí thế gian.

khác hơn là nước và nước. Ánh sáng của Phật Vô Lượng cũng như thế. Trong ánh sáng ấy, tất cả ánh sáng của Thanh văn, Bồ tát, đều bị che mất, chỉ thấy ánh sáng của Phật mà thôi, chói lọi, rõ ràng.

Lúc bấy giờ, A Nan liền thấy Phật Vô Lượng Thọ, oai đức vòi vọi như núi chúa Tu Di, cao vượt lên trên hết cả các thế giới, tướng tốt sáng tỏ, không đâu không chiếu ngời. Bốn chúng trong hội này đồng thời thấy tất cả. Bên nước kia thấy nước này cũng như vậy.

Khi ấy, Phật bảo A Nan và Bồ tát Từ Thị: Hai người thấy nước Phật ấy từ mặt đất trở lên cho tới cảnh trời Tịnh Cư. Những vật màu nhiệm, nghiêm tịnh, tự nhiên trong nước ấy, các người đã thấy tất cả phải không?

A Nan đáp: Dạ phải, chúng con đã thấy.

- Các người lại còn nghe Phật Vô Lượng Thọ cất tiếng vang dậy khắp tất cả các thế giới, giáo hóa chúng sanh, phải vậy chăng?

- Dạ phải, chúng con đã nghe.

- Nhân dân của nước ấy, ngồi trên cung điện bảy báu, cao trăm ngàn do tuần, đi khắp mười phương cúng dường chư Phật mà không gặp chướng ngại nào, các người có thấy chăng?

- Chúng con đã thấy.

- Trong nhân dân của nước ấy, có hạng thai sanh, các người có thấy nữa chăng?

- Chúng con đã thấy.

- Cung điện của hạng thai sanh ấy ở, cao hoặc trăm do tuần, hoặc năm trăm do tuần, mỗi người trong cung điện ấy thọ hưởng mọi vui sướng tự nhiên như trên cảnh trời Đao Lợi.

VIII. NGHI VẤN VỀ THAI SANH

Lúc bấy giờ, Bồ tát Từ Thị bạch Phật nói: Thế Tôn! Vì nhân duyên nào mà nhân dân nước Phật ấy có hạng thai sanh, có hạng hóa sanh?

Phật đáp Bồ tát Từ Thị: Nếu có chúng sanh nào dùng tâm nghi hoặc mà tu tập các công đức, nguyện sanh về nước ấy mà chẳng rõ trí Phật, trí chẳng thể nghĩ bàn, trí chẳng thể cân nhắc, trí rộng lớn như chiếc xe to không so sánh được, trí cao tột bậc, tuy đối với các trí ấy có lòng nghi hoặc chẳng tin, nhưng nhờ tin tội phước, tu tập gốc lành, nguyện sanh về nước ấy, thì những chúng sanh đó được sanh về các cung điện nói trên, sống năm trăm tuổi, thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, chẳng thấy các bậc Thánh Bồ tát, Thanh văn. Bởi cố gọi họ là thai sanh ở cõi đó. Bằng có chúng sanh nào sáng tin từ trí Phật cho tới trí cao tột bậc, làm mọi công đức, vững tin hồi hướng, thì những chúng

sanh ấy từ trong những hoa bầy báu tự nhiên hóa sanh, tréo chân mà ngồi, trong khoảng giây lát, thân tướng sáng rõ và thành tựu đầy đủ trí huệ và công đức như các vị Bồ tát.

Lại nữa, này Từ Thị, những đại Bồ tát ở các nước Phật phương khác phát tâm muốn thấy Phật Vô Lượng Thọ, cung kính cúng dường, luôn cả các Thánh chúng Bồ tát, Thanh văn, thì những Bồ tát ấy khi mạng chung, được sanh về nước Vô Lượng Thọ, trong hoa bầy báu tự nhiên mà hóa sanh. Được như thế là nhờ trí huệ cao. Còn hạng thai sanh đều không trí huệ, suốt 500 năm, thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, chẳng thấy chúng Thánh Bồ tát, Thanh văn, không do đâu mà cúng dường Phật được, chẳng biết pháp thức của Bồ tát, chẳng được tu tập công đức. Di Lạc nên biết những người như thế là những người trong các đời trước chẳng có trí huệ, ấy vì nghi hoặc mà bị đặt vào tình trạng như vậy.

Phật nói với Di Lạc: Ví dụ vua Chuyển Luân riêng có những cung điện bầy báu, mỗi mỗi đều trang nghiêm tốt đẹp, giường trướng phô bày, cờ lọng cao treo. Nếu có các vương tử nào phạm tội với vua, thì vua cho nhốt vào các cung ấy, lấy khóa vàng xiềng chân, cung cấp món ăn thức uống, quần áo, giường nệm, hoa thơm, múa hát y như vua cha,

không thiếu món nào. Người nghĩ sao: các vương tử có chịu vui trong cảnh ấy không? Di Lạc đáp: Thưa không. Các vương tử chắc chắn tìm phương này thế nạn và cầu nơi những bậc có thế lực lớn để đưa mình ra khỏi cảnh ấy.

Phật nói với Di Lạc: Những chúng sanh thai sanh cũng như thế. Bởi vì nghi hoặc trí Phật cho nên sanh vào những cung điện ấy là nơi không hình phạt, cho đến một tư tưởng về việc ác cũng không có. Chỉ có điều là suốt 500 năm chẳng thấy Tam Bảo, chẳng được cúng dường và tu các gốc lành, vì đó mà khổ. Tuy có thừa vui, vẫn không vui ở nơi đó. Nếu các chúng sanh này nhận thức được gốc tội của mình, tự hối tự trách một cách thâm sâu, cầu lìa khỏi nơi đó, thì liền được như ý muốn, sang đến chỗ ngự của Phật Vô Lượng Thọ mà cung kính cúng dường. Lại còn được sang khắp những nước của vô lượng vô số Phật khác, tu mọi công đức. Di Lạc nên biết, Bồ tát nào mà sanh lòng nghi ngờ thì mất sự lợi ích lớn. Bởi cố nên phải sáng suốt tin tưởng nơi trí huệ vô thượng của chư Phật.

HUYỀN NGHĨA:

Theo kinh, thai sanh là hạng tu tập công đức và nguyện sanh về Tây phương mà lòng còn nghi hoặc, **không tin trí Phật**. Còn liên hoa hóa sanh là làm mọi

công đức thêm sáng tin trí Phật và vững tin hồi hướng.

Đây là một lối thí dụ. Hai hàng, thai sanh và liên hoa hóa sanh, đều như nhau ở điểm đầu là tu tập công đức, nhưng lại khác nhau ở điểm sau là điểm tin trí Phật.

Tin trí Phật là tin tâm mình đầy đủ trí huệ, tâm mình là Phật. Vì không tin điều này, vì còn nghi hoặc, nên hạng thứ nhất tuy làm công đức và nguyện sanh về Tây phương, vẫn còn giữ lòng phàm, như những người thường (thai sanh), cho nên quyền gọi thai sanh. Còn hạng người cũng tu tập công đức nhưng hồi hướng (nghĩa là đem công đức ấy mà chuyển cho kẻ khác, chứng tỏ sự giải thoát, diệt dục) lại tin mình có khả năng thành Phật, cho nên tâm được thanh tịnh, như đã chết với con người do cha mẹ giao cấu sanh ra và tái sanh trong một đời mới, do sự thanh tịnh tạo thành (liên hoa hóa sanh).

Lại nữa, hàng thai sanh là hàng thiện nhân chưa thanh tịnh, nên chỉ được sanh về cõi Thiên hưởng phước, mà chưa được giải thoát, thí như các vương tử được hưởng mọi sung sướng nhưng phải tay chân bị trói buộc bằng xiềng xích vàng.

IX CÁC HÀNG BỒ TÁT ĐƯỢC VÃNG SANH

Bồ tát Di Lạc bạch Phật: Thế Tôn! Ở thế giới

này, có bao nhiêu Bồ tát "bất thối chuyển"¹ được sanh sang cõi Phật đó (Phật Vô Lượng Thọ)?

Phật trả lời với Di Lặc: Ở thế giới này có 67 ức Bồ tát "bất thối chuyển" được sanh sang cõi ấy, mỗi mỗi đã từng cúng dường vô số chư Phật, gần bằng như Di Lặc vậy. Những Bồ tát "tiểu hạnh"² và những người tu tập công đức nhỏ, đông không thể kể, đều sẽ vãng sanh.

Phật nói với Di Lặc: Chẳng những Bồ tát ở nước ta vãng sanh về nước ấy mà (chư Bồ tát) của các phương nước Phật khác cũng đều như vậy. Đức Phật thứ nhất (trong số chư Phật khác ấy) tên là Viễn Chiếu, Ngài có 80 ức Bồ tát đều sẽ vãng sanh. Đức Phật thứ nhì tên là Bảo Tạng, Ngài có 90 ức Bồ tát đều sẽ vãng sanh. Đức Phật thứ ba tên là Vô Lượng Âm, Ngài có 220 ức Bồ tát đều sẽ vãng sanh. Đức Phật thứ tư tên là Cam Lộ Vị, Ngài có 250 ức Bồ tát đều sẽ vãng sanh. Đức Phật thứ năm tên là Long Thắng, Ngài có 14 ức Bồ tát, đều sẽ vãng sanh. Đức Phật thứ sáu tên là Thắng Lực, Ngài có một

-
1. Bồ tát bất thối chuyển (A beabātrī): không lui bước, không thoái lung, từ không năm chí bồđâuông phu tu tập công đức thiên can - Cũng cùng hóa lạc trong công trình theo nũa Vô thõng Chành giầu, không heathoá bồđ.
 2. Tiểu hạnh: Chư nhõng hành tiểu thõa tõi nũa nũa chieàu vừ nhõng hành nĩa thõa nũatha.

muôn bốn ngàn Bồ tát đều sẽ vãng sanh. Đức Phật thứ bảy tên là Sư Tử, Ngài có 500 ức Bồ tát, đều sẽ vãng sanh. Đức Phật thứ tám tên là Ly Cấu Quang, Ngài có 80 ức Bồ tát, đều sẽ vãng sanh. Đức Phật thứ chín tên là Đức Thủ, Ngài có 60 ức Bồ tát, đều sẽ vãng sanh. Đức Phật thứ mười tên là Diệu Đức Sơn, Ngài có 60 ức Bồ tát đều sẽ vãng sanh. Đức Phật thứ mười một, tên là Nhân Vương. Ngài có mười ức Bồ tát, đều sẽ vãng sanh. Đức Phật thứ mười hai tên là Vô Thượng Hoa, Ngài có vô số Bồ tát, không thể kể xiết, đều là những bậc "bất thối chuyển", trí huệ, dũng mãnh, đã từng cúng dường Phật Vô Lượng Thọ, luôn tiếp bảy ngày, tức năng nắm lấy cái phép kiên cố của hàng Đại sĩ (Bồ tát) tu tập trong trăm, ngàn, ức kiếp. Những Bồ tát ấy sẽ được vãng sanh. Đức Phật thứ mười ba tên là Vô Úy, Ngài có 790 ức Đại Bồ tát và một số Tiểu Bồ tát và Tỳ kheo không thể kể xiết, tất cả sẽ được vãng sanh. Phật nói với Di Lặc: "Chẳng phải chỉ có chư Bồ tát của 14 Phật quốc này sẽ được vãng sanh, mà những hạng vãng sanh của vô lượng nước Phật trong 10 phương thế giới, cũng đều như vậy, (nghĩa là) nhiều cho đến không biết là bao nhiêu. (Ở đây), ta chỉ nói những danh hiệu của chư Phật mười phương và những Bồ tát, Tỳ kheo được sanh về nước Phật (Vô Lượng Thọ), nhưng dầu có trải qua một kiếp trọn, nói đêm nói ngày, cũng chưa hết

được. Nay ta nói sơ lược cho người nghe vậy thôi.

X. PHẦN LƯU THÔNG

Phật nói với Di Lặc: Nếu có người được nghe danh hiệu của Phật kia (Phật Vô Lượng Thọ) mà vui sướng, nhảy múa cho đến "một niệm", người nên biết người ấy được một cái lợi lớn là đầy đủ vô thượng công đức. Bởi cố, này Di Lặc, dù có lửa lớn đầy đầy ba ngàn thế giới đại thiên, cũng nên xông lướt để nghe cho được kinh pháp này, vui mừng, tin thích, lãnh giữ, đọc tụng và theo kinh dạy mà tu hành. Tại sao vậy? Có nhiều Bồ tát muốn nghe kinh này mà chẳng được. Chúng sanh nào mà nghe được kinh này thì trên con Đường Vô thượng, rốt cuộc không hề lui bước. Bởi vậy nên cần chuyên tâm tin, lãnh, nắm giữ, đọc tụng, nói sao làm vậy.

Phật nói: Nay ta vì chúng sanh mà nói kinh này, khiến cho thấy Phật Vô Lượng Thọ và tất cả những gì có ở nơi nước của Ngài. Việc gì nên làm, đều khá cầu làm đi, đừng để sau khi ta diệt độ rồi lại sanh lòng nghi hoặc.

Đời sau đây, kinh đạo bị diệt hết. Ta lấy lòng từ bi thương xót, đặc biệt để lại kinh này và (kinh này) sẽ trụ lại trăm năm. Chúng sanh nào gặp được kinh này, thì tùy sở nguyện của ý mình mà đều có thể được độ.

Phật nói với Di Lặc: Như Lai hiện ra ở đời là điều khó gặp, khó thấy. Kinh đạo của chư Phật khó được, khó nghe. Các Ba la mật là phương pháp tu hành tốt nhất của chư Bồ tát mà được nghe cũng là một điều khó. Gặp những bạn lành, nghe pháp rồi lại hay thực hành, đó cũng là việc khó. Bằng nghe kinh này, tin, thích, lãnh, giữ, là một cái khó trong muôn ngàn cái khó và không còn cái khó nào hơn. Bởi vậy Pháp của ta như vậy, ta thuyết ra như vậy, dạy cho như vậy, phải nên tin theo, đúng theo pháp mà tu hành.

XI. LỢI ÍCH CỦA SỰ NGHE KINH

Lúc bấy giờ, Thế Tôn thuyết kinh này (xong), vô lượng chúng sanh đều phát tâm Vô thượng Chánh giác. Một muôn hai ngàn na do tha người được "pháp nhãn thanh tịnh"; hai mươi hai ức dân chúng các cõi trời được quả A na hàm; tám mươi muôn Tỳ khưu được quả "lậu tận ý giải"; bốn mươi ức Bồ tát được "bất thối chuyển", lấy công đức của lời nguyện rộng lớn mà tự trang nghiêm, và trong đời vị lai, sẽ thành Chánh giác.

Lúc bấy giờ, trong ba ngàn đại thiên thế giới, sáu cách chấn động nổi lên; ánh sáng rực rỡ chiếu khắp các nước trong mười phương; trăm ngàn âm nhạc tự nhiên trỗi giọng, không biết bao nhiêu hoa màu đổ xuống như mưa.

Phật thuyết kinh xong, Bồ tát Di Lạc cùng chư Bồ tát từ mười phương hội lại, Trưởng lão A Nan, các đại Thanh văn, tất cả đại chúng, nghe lời Phật thuyết, không ai không hoan hỷ...

(trích tạp chí Từ Quang số 133-134, tr. 74-83, Sài Gòn tháng 2-3, năm 1963)

HẾT

PHẬT THUYẾT VÔ LƯỢNG THỌ KINH

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập: **VŨ VĂN HIẾU**

Sửa bản in:

TRẦN ĐỨC HẠ - TỶ VĂN THIỆN

Vi tính: **KHÁNH CHI**

Bìa: **ĐẶNG VĂN THỈNH**



Thực hiện liên doanh:

**CTY TNHH VĂN HÓA
PHÁT QUANG**

Email: phatquangco@gmail.com

In 1000 cuốn khổ 14,5x20,5cm tại Công ty cổ phần in Khuyến học phía Nam. Giấy phép số 24-2012/CXB/67-02/TG cấp ngày 28/3/2012. In xong và nộp lưu chiểu quý 2 năm 2012.